

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT**



LÊ THỊ PHƯƠNG QUỲNH

**PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ NỢ THUẾ
VÀ CƯỜNG CHẾ NỢ THUẾ
TỪ THỰC TIỄN TẠI THUẾ TỈNH LÂM ĐỒNG**

**ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ
LUẬT KINH TẾ**

Lâm Đồng - 2026

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT



LÊ THỊ PHƯƠNG QUỲNH

**PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ NỢ THUẾ
VÀ CƯỜNG CHẾ NỢ THUẾ
TỪ THỰC TIỄN TẠI THUẾ TỈNH LÂM ĐỒNG**
NGÀNH LUẬT KINH TẾ
MÃ SỐ: 8380107

ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

- 1. TS. PHAN PHƯƠNG NAM**
- 2. TS. LÊ HOÀNG TẤN**

Lâm Đồng - 2026

NHẬN XÉT CỦA HỘI ĐỒNG XÉT DUYỆT

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Lâm Đồng, ngày tháng năm 2026

Hội đồng xét duyệt

LỜI CẢM ƠN

Để thực hiện được Đề án tốt nghiệp này, đầu tiên tôi xin chân thành cảm ơn Quý Thầy/ Cô trường Đại học Phan Thiết, những người đã trang bị cho tôi kiến thức quý giá trong thời gian tôi tham gia học tập tại trường.

Tiếp theo, tôi xin chân thành cảm ơn **TS. Phan Phương Nam và TS. Lê Hoàng Tấn**, người đã bổ sung cho tôi nhiều kiến thức quý báu và tận tình hướng dẫn đề án cũng như định hướng giúp tôi hoàn thành đề án này.

Xin cảm ơn Ban lãnh đạo Thuế tỉnh Lâm Đồng đã tạo mọi điều kiện cho tôi trong giai đoạn thu thập dữ liệu, văn bản pháp luật phục vụ nghiên cứu đề án này.

Cuối cùng, tôi cũng xin gửi lời cảm ơn đến các Anh/ Chị đồng nghiệp, người thân, các bạn học viên lớp cao học Luật kinh tế đã hỗ trợ, góp ý chân thành trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu đề án.

Xin chân thành cảm ơn!

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Những nội dung trong đề án này là do tôi thực hiện dưới sự hướng dẫn trực tiếp của TS. Phan Phương Nam và TS. Lê Hoàng Tấn;

Mọi tham khảo dùng trong đề án đều được trích dẫn rõ ràng tên tác giả, tên công trình;

Các số liệu và kết quả nghiên cứu trong đề án này là do tôi tự thực hiện, trung thực và không trùng lặp với các đề tài khác.

Tôi xin chịu trách nhiệm về nghiên cứu của mình.

Tỉnh Lâm Đồng, tháng năm 2026.

Học viên

Lê Thị Phương Quỳnh

TÓM TẮT

Đề án “Pháp luật về quản lý nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế từ thực tiễn tại Thuế tỉnh Lâm Đồng” tập trung nghiên cứu cơ sở pháp lý và thực tiễn quản lý, cưỡng chế nợ thuế tại CQT của tỉnh Bình Thuận trước sáp nhập và tỉnh Lâm Đồng sau sáp nhập. Mục tiêu của nghiên cứu là đánh giá thực trạng nợ thuế, phân tích nguyên nhân và những yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả thu hồi nợ, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý và cưỡng chế nợ thuế tại địa phương.

Phương pháp nghiên cứu được sử dụng gồm: hệ thống hóa lý luận và pháp luật hiện hành; thu thập số liệu thứ cấp từ báo cáo của Thuế tỉnh, Kiểm toán Nhà nước; phân tích sâu các trường hợp có nợ đọng lớn, kéo dài; kết hợp thống kê mô tả, so sánh và tổng hợp.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, mặc dù CQT đã áp dụng nhiều biện pháp cưỡng chế như trích tài khoản, ngừng hóa đơn, tạm hoãn xuất cảnh, song hiệu quả thu hồi chưa cao; tỷ lệ nợ thuế vẫn vượt ngưỡng chỉ tiêu Cục Thuế giao. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ hạn chế trong việc áp dụng đầy đủ các biện pháp cưỡng chế, sự phối hợp liên ngành chưa chặt chẽ, ý thức tuân thủ pháp luật thuế của doanh nghiệp còn thấp, cùng với khó khăn trong quản lý các khoản nợ từ đất và khoáng sản.

Đề án đề xuất các giải pháp như hoàn thiện cơ sở pháp lý và quy trình cưỡng chế; tăng cường phối hợp liên ngành; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nợ thuế; nâng cao năng lực cán bộ thuế; đồng thời đề xuất, kiến nghị Cục Thuế và Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về cơ chế hỗ trợ xử lý nợ thuế tồn đọng.

Kết luận nghiên cứu khẳng định vai trò quan trọng của pháp luật trong việc quản lý và cưỡng chế nợ thuế, đồng thời nhấn mạnh sự cần thiết phải áp dụng đồng bộ các giải pháp để giảm tỷ lệ nợ đọng, đảm bảo nguồn thu ngân sách và xây dựng môi trường kinh doanh minh bạch, bền vững tại Lâm Đồng.

Từ khóa: Quản lý nợ thuế, Cưỡng chế nợ thuế.

ABSTRACT

The thesis entitled “*Legal Framework and Practice of Tax Debt Management and Enforcement: A Case Study of Lam Dong Tax Department*” focuses on examining the legal framework and practical implementation of tax debt management and enforcement at Bình Thuận Tax Department (prior to reorganization) and Lâm Đồng Tax Department (following the merger of provincial-level units effective July 1, 2025).

Methodologically, the study combines theoretical systematization of tax law, analysis of secondary data from Provincial Tax Departments and the State Audit Office, and case studies of significant and prolonged arrears. Using descriptive statistics, comparative analysis, and synthesis, the research identifies legal and operational impediments that constrain debt recovery efficiency.

Findings indicate that, despite the standardized provisions of the 2019 Law on Tax Administration, local implementation remains hindered by inconsistencies with specialized legislation, limited enforcement capacity, and weak inter-agency coordination. Tax arrears consistently exceed mandated thresholds, with land and mineral debts forming a substantial share yet lacking effective resolution. Coercive measures such as business license revocation are obstructed by conflicts with the 2020 Law on Investment and the 2020 Law on Enterprises, while asset seizure remains impracticable due to restricted authority and insufficient valuation expertise.

Based on these findings, the thesis recommends harmonizing legal provisions, delegating asset seizure to specialized agencies, expanding the use of information technology, and strengthening inter-agency coordination with greater accountability.

In conclusion, the study highlights the essential role of law in tax debt management and enforcement, emphasizing the need for integrated reforms to reduce arrears, secure the State budget, and promote a transparent and sustainable business environment in Lâm Đồng.

Keywords: Tax debt management, Coercive enforcement

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN	ii
LỜI CAM ĐOAN.....	iii
TÓM TẮT.....	iv
ABSTRACT	v
MỤC LỤC	vi
DANH MỤC BẢNG.....	x
DANH MỤC HÌNH.....	xi
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT.....	xii
PHẦN I: MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Tổng quan tình hình nghiên cứu của đề tài.....	2
2.1 Nghiên cứu trong nước	2
2.2 Nghiên cứu nước ngoài.....	5
2.3 Khoảng trống nghiên cứu và đóng góp của đề án	10
3. Mục tiêu nghiên cứu.....	10
3.1 Mục tiêu tổng quát	10
3.2 Mục tiêu cụ thể	10
3.3 Câu hỏi nghiên cứu	11
4. Đối tượng, phạm vi và phương pháp nghiên cứu.....	11
4.1 Đối tượng nghiên cứu.....	11
4.2 Phạm vi nghiên cứu.....	11
4.3 Phương pháp nghiên cứu	12

5. Ý nghĩa thực tiễn của đề tài	12
6. Bố cục của đề án.....	12
PHẦN II: NỘI DUNG	14
CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ NỢ THUẾ VÀ CƯỜNG CHẾ NỢ THUẾ	14
1.1 Tổng quan về nợ thuế	14
1.1.1 Một số khái niệm liên quan đến nợ thuế.....	14
1.1.2 Đặc điểm nợ thuế	17
1.1.3 Phân loại nợ thuế.....	18
1.2 Tổng quan về Quản lý nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế	19
1.2.1 Quản lý nợ thuế.....	19
1.2.2 Cưỡng chế nợ thuế	22
1.2.3 Tiêu chí đánh giá hiệu quả quản lý nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế	25
1.3 Nội dung pháp luật về quản lý nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế.....	28
1.3.1 Nội dung pháp luật về quản lý nợ thuế.....	28
1.3.2 Nội dung pháp luật về các biện pháp cưỡng chế nợ thuế.....	32
1.3.3 Quy định về biện pháp tạm hoãn xuất cảnh.....	39
1.4. Kinh nghiệm quốc tế về quản lý và cưỡng chế nợ thuế	41
1.4.1. Kinh nghiệm của Malaysia.....	41
1.4.2. Kinh nghiệm của Nhật Bản	42
1.4.3. Kinh nghiệm của Australia.....	43
1.4.4. Bài học cho Việt Nam.....	45
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1	47

CHƯƠNG 2: THỰC TIỄN THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NỢ VÀ CƯỜNG CHẾ NỢ THUẾ TẠI THUẾ TỈNH LÂM ĐỒNG.....	48
2.1. Khái quát đặc điểm địa bàn và công tác tổ chức quản lý nợ thuế tại Thuế tỉnh Lâm Đồng	48
2.1.1. Khái quát về địa bàn và bộ máy của cơ quan thuế trước và sau sáp nhập tỉnh	48
2.1.2 Tổ chức bộ máy quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế.....	51
2.1.3 Công tác chỉ đạo, triển khai văn bản pháp luật.....	52
2.2. Thực trạng nợ thuế tại địa bàn Bình Thuận cũ giai đoạn 2021 – 2025.....	54
2.2.1 Quy mô và sự biến động của tổng nợ thuế.....	54
2.2.2 Phân tích cơ cấu nợ thuế theo tính chất.....	56
2.2.3 Phân tích cơ cấu nợ theo sắc thuế và loại hình NNT	58
2.3. Thực tiễn áp dụng các biện pháp đôn đốc và cưỡng chế nợ thuế.....	64
2.3.1 Công tác phân loại, theo dõi và đôn đốc thu hồi nợ thuế	64
2.3.2 Thực tiễn áp dụng các biện pháp cưỡng chế nợ thuế.....	66
2.3.3 Áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh.....	68
2.3.4 Công tác phối hợp liên ngành.....	70
2.3.5 Phân tích các khoản nợ lớn, chây ỳ của Thuế tỉnh Lâm Đồng.....	71
2.4. Đánh giá chung về công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế.....	81
2.4.1. Kết quả đạt được	81
2.4.2. Hạn chế và tồn tại.....	83
2.5. Nguyên nhân của thực trạng nợ thuế kéo dài và sự thiếu hiệu quả trong thi hành hoạt động cưỡng chế nợ thuế.....	87
2.5.1. Nguyên nhân khách quan.....	87

2.5.2. Nguyên nhân chủ quan.....	94
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2.....	96
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LÝ VỀ QUẢN LÝ NỢ VÀ CƯỜNG CHẾ NỢ THUẾ	98
3.1. Nhóm giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật về quản lý nợ và cường chế nợ thuế.....	98
3.1.1. Định hướng hoàn thiện khung pháp lý	98
3.1.2. Hoàn thiện cơ sở pháp lý và quy trình cường chế nợ thuế	99
3.2. Nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi quản lý nợ thuế tại CQT	102
3.3. Đề xuất, kiến nghị	103
3.3.1. Đối với Cục Thuế.....	103
3.3.2. Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.....	104
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3.....	106
PHẦN III: KẾT LUẬN.....	108
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	109
PHỤ LỤC	116

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2. 1 Tình hình nợ thuế của tỉnh Bình Thuận cũ từ năm 2021 – 2025.....	54
Bảng 2. 2 Cơ cấu nợ thuế theo tính chất của tỉnh Bình Thuận (cũ) năm 2021-2025	56
Bảng 2. 3 Cơ cấu nợ theo sắc thuế của tỉnh Bình Thuận cũ từ năm 2021 – 2025.....	59
Bảng 2. 4 Cơ cấu nợ thuế theo loại hình NNT của tỉnh Bình Thuận cũ từ năm 2021 – 2025	61
Bảng 2. 5 Số lượng Thông báo tiền thuế nợ đã ban hành năm 2021-2025.....	64
Bảng 2. 6 Số lượng các Quyết định cưỡng chế đã ban hành 2021-2025.....	66
Bảng 2. 7 Số lượng Thông báo tạm hoãn xuất cảnh năm 2021-2025.....	69

DANH MỤC HÌNH

Hình 2. 1 Cơ cấu tổ chức Cục Thuế tỉnh Bình Thuận (trước sáp nhập).....	49
Hình 2. 2 Cơ cấu tổ chức Thuế tỉnh Lâm Đồng (sau sáp nhập)	51

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

STT	CHỮ VIẾT TẮT	NỘI DUNG
1	BDS	Bất động sản
2	CCNT	Cưỡng chế nợ thuế
3	CNTT	Công nghệ thông tin
4	CQT	Cơ quan thuế
5	DN	Doanh nghiệp
6	DN NQD	Doanh nghiệp ngoài quốc doanh
7	DNNN	Doanh nghiệp Nhà nước
8	DNNN ĐP	Doanh nghiệp Nhà nước địa phương
9	DNNN TW	Doanh nghiệp Nhà nước Trung ương
10	ĐVT	Đơn vị tính
11	GCN ĐKKD	Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh
12	GTGT	Giá trị gia tăng
13	HĐND	Hội đồng nhân dân
14	HKD	Hộ kinh doanh
15	KBNN	Kho bạc Nhà nước
16	KTKS	Khai thác khoáng sản
17	KTNN	Kiểm toán nhà nước
18	NH	Ngân hàng
19	NHTM	Ngân hàng thương mại
20	NNT	Người nộp thuế
21	NN&MT	Nông nghiệp và Môi trường

STT	CHỮ VIẾT TẮT	NỘI DUNG
22	NSNN	Ngân sách Nhà nước
23	QĐCC	Quyết định cưỡng chế
24	QLNT	Quản lý nợ thuế
25	QLT	Quản lý thuế
26	TC	Tài chính
27	TCT	Tổng cục Thuế
28	TCTD	Tổ chức tín dụng
29	THXC	Tạm hoãn xuất cảnh
30	TMS	Ứng dụng quản lý thuế tập trung
31	TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
32	UBND	Ủy ban nhân dân

PHẦN I: MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thuế không chỉ là nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước (NSNN) mà còn là công cụ quan trọng để Nhà nước điều tiết vĩ mô nền kinh tế. Thực tiễn áp dụng pháp luật quản lý nợ thuế (QLNT) tại địa bàn tỉnh Bình Thuận (trước sáp nhập) giai đoạn 2021–2025 cho thấy tỷ lệ nợ thuế trên tổng thu NSNN liên tục vượt ngưỡng chỉ tiêu Cục Thuế giao, nhiều khoản nợ tồn đọng dai dẳng, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình thu ngân sách tại địa phương. Sau khi sáp nhập theo mô hình chính quyền hai cấp, Thuế tỉnh Lâm Đồng tiếp tục quản lý và cưỡng chế các khoản nợ thuế của tỉnh Bình Thuận cũ, đảm bảo nghiêm túc thực hiện yêu cầu từ Kiểm toán Nhà nước (KTNN) tại Thông báo số 85/TB-KV XII ngày 23/9/2025 về việc khắc phục tồn tại, xử lý dứt điểm các khoản nợ lớn từ tiền thuê đất, cấp quyền khai thác khoáng sản và nghĩa vụ tài chính của doanh nghiệp (DN) bất động sản.

Luật Quản lý thuế hiện hành quy định các biện pháp cưỡng chế như trích tài khoản, ngừng sử dụng hóa đơn, tạm hoãn xuất cảnh (THXC), kê biên tài sản...; tuy nhiên, việc áp dụng trên thực tế còn nhiều hạn chế. Nguyên nhân xuất phát từ sự phối hợp liên ngành chưa chặt chẽ, năng lực cán bộ thuế còn hạn chế, ý thức tuân thủ pháp luật của người nộp thuế (NNT) chưa cao, cùng với khó khăn trong việc áp dụng pháp luật quản lý các khoản nợ có tính chất phức tạp.

Do đó, đề tài nghiên cứu ***“Pháp luật về quản lý nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế từ thực tiễn tại Thuế tỉnh Lâm Đồng”*** mang tính cấp thiết và thực tiễn cao. Đề tài góp phần làm rõ cơ sở pháp lý và nguyên lý QLNT, phân tích thực trạng, nguyên nhân và đề xuất hướng giải quyết khả thi nhằm nâng cao chất lượng quản lý, giảm tỷ lệ nợ đọng, bảo đảm nguồn thu NSNN. Đồng thời, kết quả nghiên cứu có thể trở thành tài liệu tham khảo hữu ích cho các cơ quan quản lý thuế ở những địa phương khác, góp phần hoàn thiện chính sách thuế và nâng cao hiệu quả quản lý tài chính công tại Việt Nam.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu của đề tài

Ngày nay, một số công trình nghiên cứu về thực trạng việc quản lý nợ (QLN) và cường chế nợ thuế (CCNT) của cơ quan thuế (CQT). Có thể kể đến một số công trình nghiên cứu như sau:

2.1 Nghiên cứu trong nước

Trần Việt Tuấn (2021) – “Hoàn thiện công tác quản lý nợ thuế và cường chế nợ thuế ở Việt Nam trong điều kiện hiện nay”

Luận án tiến sĩ chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng tập trung hệ thống hóa cơ sở lý luận, phân tích thực trạng quản lý và CCNT trên phạm vi cả nước giai đoạn 2013–2019, đồng thời đề xuất giải pháp toàn diện đến năm 2025, tầm nhìn 2030. Trước hết, nhóm giải pháp về hành lang pháp lý nhấn mạnh việc sửa đổi quy định về biện pháp cường chế, trình tự thực hiện và mức phạt chậm nộp để tăng tính răn đe, đồng thời hoàn thiện cơ chế khoanh nợ, xóa nợ linh hoạt nhằm làm sạch dữ liệu ngân sách. Tiếp theo, nhóm giải pháp về quy trình và công nghệ đề xuất chuẩn hóa khâu phân loại nợ theo nguyên nhân và rủi ro, nâng cấp hệ thống TMS, xây dựng kho dữ liệu tập trung liên thông với các bộ ngành để tự động hóa việc đôn đốc và ban hành quyết định cường chế điện tử. Cuối cùng, nhóm giải pháp về tổ chức thực thi hướng đến kiện toàn bộ máy, nâng cao năng lực và trách nhiệm người đứng đầu, tăng cường phối hợp liên ngành với ngân hàng, công an, tòa án để ngăn chặn hành vi tẩu tán tài sản, đồng thời đẩy mạnh tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức tuân thủ tự nguyện của NNT. Nghiên cứu này có ý nghĩa khoa học và thực tiễn sâu sắc, góp phần nâng cao hiệu lực quản lý thuế (QLT), giảm tỷ lệ nợ đọng và bảo vệ nguồn thu ngân sách trong bối cảnh kinh tế số.

Lâm Quang Lợi (2014) – “Hoàn thiện công tác quản lý nợ thuế tại Chi cục Thuế thành phố Hà Giang”

Luận văn thạc sĩ tại “Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh – Đại học Thái Nguyên” nghiên cứu “thực trạng QLNT tại Chi cục Thuế thành phố Hà

Giang” giai đoạn 2011–2013. Tác giả hệ thống hóa cơ sở lý luận về nợ thuế, phân tích khái niệm, đặc điểm, phân loại và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý. Kết quả cho thấy tình trạng nợ thuế tại Hà Giang còn phổ biến, nhiều khoản nợ kéo dài, đặc biệt ở thuế GTGT và thuế TNDN. Các biện pháp đôn đốc và cưỡng chế đã được áp dụng nhưng hiệu quả chưa cao, tỷ lệ nợ đọng vẫn tăng qua các năm. Nguyên nhân chủ yếu là ý thức tuân thủ pháp luật của NNT chưa tốt, công tác phân loại và xử lý nợ còn chậm, năng lực cán bộ quản lý hạn chế và sự phối hợp chưa đồng bộ giữa các cơ quan liên quan. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất giải pháp hoàn thiện tổ chức và quy trình QLNT, nâng cao năng lực cán bộ, tăng cường tuyên truyền pháp luật thuế cho NNT, đồng thời kiến nghị Nhà nước và địa phương hoàn thiện chính sách pháp luật và cơ chế hỗ trợ xử lý nợ.

Bùi Pháp Uyên (2017) – “Quản lý nợ thuế tại Cục Thuế Hà Nội”

Luận văn thạc sĩ tại Trường Đại học Kinh tế – ĐHQG Hà Nội nghiên cứu thực trạng QLNT giai đoạn 2011–2015. Tác giả hệ thống hóa cơ sở lý luận, phân loại nợ thuế và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý. Kết quả cho thấy tình trạng nợ thuế tại Hà Nội diễn biến phức tạp. Các biện pháp cưỡng chế như trích tài khoản, ngừng hóa đơn, công khai DN nợ thuế đã được áp dụng nhưng hiệu quả thu hồi chưa cao. Nguyên nhân chính là chính sách chưa đồng bộ, phân loại nợ chưa rõ ràng, năng lực cán bộ còn hạn chế, phối hợp liên ngành chưa chặt chẽ và ý thức tuân thủ pháp luật của DN thấp. Luận văn đề xuất tăng cường biện pháp xử lý nợ, nâng cao năng lực cán bộ, ứng dụng CNTT và phối hợp liên ngành. Công trình có ý nghĩa thực tiễn, bổ sung cơ sở lý luận và cung cấp kinh nghiệm cho các địa phương khác trong việc hoàn thiện QLNT.

Thái Lê Khánh Dương (2020) – “Hoàn thiện công tác quản lý nợ thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục Thuế quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng”

Luận văn thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng tại Đại học Kinh tế, ĐHQG nghiên cứu QLNT TNDN giai đoạn 2017–2019. Tác giả hệ thống hóa cơ sở lý luận về thuế TNDN và QLNT, đồng thời khảo sát thực tiễn tại Chi cục Thuế Hải Châu. Kết quả

cho thấy dù số thu ngân sách vượt chỉ tiêu, tình trạng nợ thuế TNDN vẫn gia tăng, nhiều khoản nợ kéo dài. Các biện pháp đôn đốc, cưỡng chế như nhắc nhở, ngừng hóa đơn, thanh tra đã được áp dụng nhưng hiệu quả chưa cao. Nguyên nhân chính là khó khăn trong sản xuất kinh doanh, một số DN cố tình chiếm dụng tiền thuế, công tác phân loại nợ chưa rõ ràng và năng lực cán bộ còn hạn chế. Luận văn đề xuất hoàn thiện quy trình quản lý nợ, tăng cường phân loại và xử lý nợ, nâng cao năng lực cán bộ, ứng dụng CNTT và đẩy mạnh tuyên truyền pháp luật thuế. Công trình có ý nghĩa thực tiễn, bổ sung cơ sở lý luận và cung cấp kinh nghiệm cho các chi cục thuế khác nhằm nâng cao hiệu quả thu hồi nợ, giảm thất thu ngân sách.

Nguyễn Thị Thanh Huyền (2023) – “Hoàn thiện hoạt động quản lý nợ thuế tại Tổng cục Thuế”

Luận văn “Hoàn thiện hoạt động quản lý nợ thuế tại Tổng cục Thuế” tập trung phân tích thực trạng QLNT ở cấp trung ương và đề xuất ba nhóm giải pháp trọng tâm nhằm nâng cao hiệu quả thu hồi nợ. Trước hết, nhóm giải pháp về hoàn thiện hành lang pháp lý nhấn mạnh việc sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật liên quan đến quản lý và CCNT, xây dựng hệ thống văn bản hướng dẫn thống nhất, minh bạch và tăng cường chế tài xử lý đối với hành vi chây ỳ, trốn thuế. Tiếp theo, nhóm giải pháp về hoạt động QLNT tập trung chuẩn hóa quy trình quản lý, phân loại nợ theo tính chất và khả năng thu hồi, áp dụng đồng bộ các biện pháp cưỡng chế như trích tài khoản, ngừng hóa đơn, kê biên tài sản, đồng thời đẩy mạnh ứng dụng CNTT để giám sát và cảnh báo sớm tình trạng nợ. Cuối cùng, nhóm giải pháp khác hướng đến việc nâng cao năng lực và trách nhiệm của cán bộ thuế, tăng cường phối hợp liên ngành với ngân hàng (NH), Kho bạc, Tòa án, cũng như đẩy mạnh tuyên truyền pháp luật để nâng cao ý thức tuân thủ của NNT. Những giải pháp này có ý nghĩa thực tiễn quan trọng, góp phần giảm tỷ lệ nợ đọng, đảm bảo nguồn thu ngân sách và xây dựng môi trường kinh doanh minh bạch, công bằng.

2.2 Nghiên cứu nước ngoài

OECD (2019) – “Successful Tax Debt Management: Measuring Maturity and Supporting Change”, OECD Publishing, Paris

Đây là công trình nghiên cứu nền tảng đầu tiên của OECD về quản lý nợ thuế, được xây dựng trong bối cảnh nợ thuế toàn cầu tiếp tục gia tăng sau khủng hoảng tài chính và trở thành thách thức lớn đối với các cơ quan thuế. Báo cáo nhấn mạnh rằng quản lý nợ thuế thành công phải dựa trên một tập hợp nguyên tắc chiến lược trong suốt vòng đời nghĩa vụ thuế, bao gồm: (1) Tăng cường tương tác với người nộp thuế trước ngày đến hạn để thúc đẩy thanh toán đúng hạn; (2) Tối đa hóa khả năng thu nợ sau ngày đến hạn nhưng trước khi ngưỡng áp dụng cưỡng chế nhằm giảm chi phí và duy trì sự tuân thủ tự nguyện; (3) Sử dụng hiệu quả các công cụ cưỡng chế để bảo đảm công bằng và hiệu lực pháp luật; (4) Thực hiện chính sách thu hồi thực tế, bao gồm nhận diện các khoản nợ không kinh tế để thu hồi và áp dụng cơ chế xóa nợ minh bạch¹. Báo cáo đồng thời giới thiệu Mô hình trưởng thành quản lý nợ thuế (TDMM) như một công cụ tự đánh giá, giúp cơ quan thuế xác định mức độ hiện tại, so sánh với các nước khác và định hướng cải thiện. Ngoài phần lý luận, OECD còn đưa vào tập hợp các thực tiễn thành công từ nhiều quốc gia thành viên như Anh, Ý, Canada, Tây Ban Nha, Bỉ... minh họa cách áp dụng công nghệ mới, phân tích dữ liệu, dịch vụ điện tử và biện pháp hành vi để nâng cao hiệu quả thu hồi nợ. Công trình năm 2019 vì vậy được coi là tiền đề lý luận mở đường cho việc xây dựng bộ công cụ chẩn đoán năng lực quản trị tài chính công trên quy mô toàn cầu, đồng thời đặt nền móng cho các phiên bản cập nhật sau này như phiên bản mô hình TDMM năm 2025.

OECD (2025) – “Tax Debt Management Maturity Model: 2025 Edition”, OECD Tax Administration Maturity Model Series

¹ Theo OECD (2019), khoản nợ không kinh tế (uneconomical debt) trong quản lý thuế là những khoản nợ thuế mà chi phí, nguồn lực và thời gian để thu hồi vượt quá giá trị thực tế có thể thu được. Nói cách khác, đây là các khoản nợ mà việc tiếp tục cưỡng chế, theo dõi và xử lý không mang lại hiệu quả tài chính cho ngân sách nhà nước

Tài liệu này được Ủy ban các Vấn đề Tài khóa OECD phát hành ngày 01/09/2025, là bản cập nhật toàn diện từ bài nghiên cứu sơ khởi năm 2019. Tài liệu cung cấp một công cụ tự đánh giá giúp cơ quan thuế các nước xác định mức độ trưởng thành trong quản lý nợ thuế, so sánh với các quốc gia khác và xây dựng chiến lược cải thiện cho hoạt động quản lý nợ thuế. TDMM 2025 đưa ra năm cấp độ trưởng thành gồm Emerging (Khởi đầu), Progressing (Đang tiến triển), Established (Ổn định), Leading (Dẫn đầu) và Aspirational (Lý tưởng), mỗi cấp độ được mô tả bằng các thuộc tính để cơ quan thuế tự đánh giá năng lực quản lý nợ thuế hiện tại và định hướng cải thiện trong thời gian sắp tới. Điểm nổi bật của TDMM 2025 là bốn trụ cột cốt lõi: Chiến lược và Quản trị – chuyển từ xử lý thụ động sang ngăn ngừa nợ phát sinh chủ động bằng phân tích dự báo và trí tuệ nhân tạo; Nguyên tắc Chiến lược – quản lý nợ theo vòng đời, từ nhắc nhở nộp thuế thủ công đến cưỡng chế dựa trên phân tích hành vi của doanh nghiệp và cơ chế xóa nợ minh bạch; Kỹ năng và Năng lực – nâng cao năng lực công chức từ kỹ năng hành chính giấy tờ sang phân tích dữ liệu số; Niềm tin công chúng – bảo đảm hiệu quả cưỡng chế thuế không làm xói mòn quyền hiến định của người nộp thuế. Ngoài ra, OECD còn đưa vào các ví dụ thực tiễn từ nhiều quốc gia, minh họa cách áp dụng TDMM để cải thiện hiệu quả thu hồi nợ, đồng thời khuyến khích cơ quan thuế sử dụng mô hình này như công cụ đối thoại nội bộ nhằm giúp lãnh đạo có cái nhìn toàn diện và xác định chiến lược cải cách.

Irving Aw, Brendan Crowley, Cory Hillier, Rose Nyongesa, Lydia Sofrona và Christophe Waerzeggers (2025) – “Legislating for Fair and Effective Tax Collection”, IMF Tax Law Technical Notes, Note 2025/001, International Monetary Fund, Washington, DC

Đây là nghiên cứu chuyên khảo của nhóm chuyên gia pháp lý thuộc IMF, ban hành tháng 3/2025, tập trung vào việc xây dựng hành lang pháp lý cho thu hồi nợ thuế sao cho vừa đảm bảo hiệu quả quản lý của cơ quan thuế, vừa bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người nộp thuế. Báo cáo hệ thống hóa ba nhóm biện pháp chính. Thứ nhất là cơ chế khuyến khích tự nguyện, trong đó nhấn mạnh việc áp dụng bù trừ nghĩa vụ thuế (offsets), cho phép trả góp theo điều kiện tài chính (installment

arrangements), và quy trình minh bạch đối với việc xóa hoặc khoan nợ để phản ánh đúng tình trạng tài chính của người nộp thuế. Thứ hai là các biện pháp bảo vệ nhằm ngăn chặn việc tẩu tán tài sản, bao gồm quyền lưu giữ tài sản thế nợ (tax liens), biện pháp bảo toàn tài sản (preservation of assets), vô hiệu hóa giao dịch giả mạo (fraudulent conveyances), cũng như cơ chế tạm hoãn xuất cảnh (travel restrictions) nhưng chỉ áp dụng trong trường hợp cần thiết và phải có sự giám sát của tòa án. Thứ ba là cơ chế cưỡng chế bắt buộc, như trích tiền từ bên thứ ba (garnishee), kê biên và phát mại tài sản (distrain), và quy định trách nhiệm thứ cấp đối với giám đốc hoặc thành viên điều hành doanh nghiệp trong trường hợp thu thuế nhưng không nộp. Báo cáo cũng lưu ý rằng việc duy trì quyền ưu tiên tuyệt đối của nợ thuế so với các chủ nợ bảo đảm khác có thể gây tác động tiêu cực đến thị trường tín dụng, do đó khuyến nghị các quốc gia cân nhắc chuyển sang mô hình trách nhiệm cá nhân của người quản lý doanh nghiệp. Đây là tài liệu quan trọng cung cấp khung pháp lý quốc tế để cân bằng giữa hiệu quả thu hồi nợ thuế và bảo đảm công bằng cho người nộp thuế.

Annette Chooi (2023) – “Mobilizing Revenue: Emerging Approaches to Managing and Collecting Tax Debt to Improve Tax Payment Compliance”, The Governance Brief, Issue 49, Asian Development Bank

Đây là bài nghiên cứu chính sách nhằm hỗ trợ các cơ quan thuế trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương nâng cao hiệu quả quản lý và thu hồi nợ thuế. Báo cáo chỉ ra rằng tình trạng nợ thuế và nợ quá hạn gia tăng không chỉ do tác động của đại dịch COVID-19 mà còn phản ánh những hạn chế mang tính hệ thống trong quản lý nợ. Nghiên cứu nhấn mạnh ba nội dung chính. Thứ nhất, cần có chiến lược quản lý nợ thuế ở cấp độ toàn cơ quan, gắn kết với các chức năng khác như đăng ký, kê khai và kiểm tra thuế, đồng thời dựa trên bốn nguyên tắc chiến lược của OECD: tương tác sớm với người nộp thuế, tối đa hóa thu hồi trước khi cưỡng chế, sử dụng hiệu quả công cụ cưỡng chế, và thực hiện chính sách xóa nợ hợp lý đối với các khoản nợ không kinh tế. Thứ hai, báo cáo phân tích các yếu tố nền tảng như khung pháp lý, hệ thống công nghệ thông tin, năng lực nhân sự và cơ chế phân tích rủi ro, đồng thời khuyến

ng nghị áp dụng công cụ TADAT để đánh giá năng lực quản lý nợ thuế². Thứ ba, nghiên cứu đưa ra kinh nghiệm khu vực, trong đó nhấn mạnh vai trò của cơ chế khấu trừ tại nguồn (WHT), thuế tạm nộp (provisional taxes), hóa đơn điện tử và thiết bị tài chính điện tử (EFDs) trong việc ngăn ngừa phát sinh nợ. Báo cáo cũng lưu ý rằng nhiều quốc gia trong khu vực có tỷ lệ nợ không thể thu hồi rất cao (trên 40% tổng nợ), gây ảnh hưởng đến tính minh bạch và hiệu quả quản lý. Từ đó, ADB khuyến nghị các cơ quan thuế cần thường xuyên rà soát, xóa bỏ các khoản nợ không kinh tế, đồng thời tăng cường nguồn lực và áp dụng các biện pháp quản lý hiện đại để cải thiện tuân thủ nghĩa vụ nộp thuế.

Macmillan Lawyers and Advisors (2026) – “ATO Tax Debt Resolution Guide”, Australia

Đây là tài liệu hướng dẫn thực tiễn về cách Cơ quan Thuế Úc (ATO) xử lý nợ thuế. Báo cáo mô tả một quy trình cưỡng chế theo từng bước, bắt đầu từ các nhắc nhở như tin nhắn hoặc thư cảnh báo, rồi tiến tới các biện pháp mạnh hơn nếu người nộp thuế không hợp tác. Khi nợ không được giải quyết, ATO có thể áp dụng các công cụ pháp lý như Garnishee Notices – yêu cầu ngân hàng hoặc bên thứ ba chuyển tiền trực tiếp từ tài khoản của người nộp thuế, Director Penalty Notices – buộc giám đốc công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với nợ thuế của doanh nghiệp, và Departure Prohibition Orders – ngăn cá nhân rời khỏi Úc khi còn nợ thuế. Ngoài ra, ATO có thể công khai thông tin nợ thuế cho các tổ chức tín dụng, ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng vay vốn và uy tín thương mại. Bên cạnh các biện pháp cưỡng chế, báo cáo cũng đưa ra những lựa chọn hợp pháp để tháo gỡ nợ, như kế hoạch trả góp, tái cơ cấu doanh nghiệp nhỏ, quản lý tự nguyện hoặc giải thể công ty. Điểm đáng chú ý là cơ chế DPN: nếu công ty nợ thuế nhưng đã khai báo đúng hạn, giám đốc có 21 ngày để nộp thuế; nếu không khai báo, trách nhiệm sẽ tự động chuyển sang cá nhân giám đốc và không

² TADAT (Tax Administration Diagnostic Assessment Tool) là công cụ đánh giá chẩn đoán quản lý thuế do IMF và các tổ chức quốc tế phát triển, dùng để đo lường năng lực của cơ quan thuế trong các lĩnh vực trọng yếu như tuân thủ nộp đúng hạn, quản lý nợ thuế, khung pháp lý và hệ thống CNTT, từ đó xác định điểm mạnh, điểm yếu và định hướng cải cách theo chuẩn mực quốc tế.

thể được xóa nợ bằng việc giải thể doanh nghiệp. Tài liệu này cho thấy cách Úc thiết kế hệ thống quản lý nợ thuế vừa để đảm bảo hiệu quả thu hồi, vừa để tăng cường trách nhiệm cá nhân của người điều hành doanh nghiệp, qua đó duy trì kỷ luật tài khóa.

Rianmahardhika Sahid Budiharseno & Yeheskiel Minggus Tiranda (2020) – “Economic and Legal Implications of Tax Debt Preference on Tax Obligations in Indonesia”, Tạp chí Lex Publica.

Công trình sử dụng phương pháp nghiên cứu quy định pháp luật Indonesia nhằm làm rõ bản chất pháp lý của quyền ưu tiên nợ thuế của Nhà nước đối với phân chia tài sản của doanh nghiệp phá sản có nợ thuế lâu năm. Nghiên cứu khẳng định hiệu quả thu hồi nợ thuế phụ thuộc trực tiếp vào việc pháp luật xác lập vị thế ưu tiên của chủ nợ Nhà nước đối với các tài sản thế chấp trong quá trình phát mãi, nhằm ngăn chặn tình trạng người nộp thuế cấu kết với bên thứ ba tẩu tán tài sản. Tuy nhiên, nhóm tác giả cũng chỉ ra rào cản khi phát sinh xung đột thẩm quyền giữa cơ quan thuế và tổ chức tín dụng nhận thế chấp, từ đó đề xuất luật hóa thứ tự ưu tiên thanh toán nợ và tự động hóa việc phong tỏa tài khoản người nộp thuế.

Công trình nghiên cứu trên tạp chí Helix (2018) – "Legal regulation of a bad debt collection", Tập 8, Số 1

Nhóm tác giả thực hiện nghiên cứu luật học so sánh giữa các quốc gia thuộc Liên minh Châu Âu (EU) và Liên bang Nga về cơ chế phân loại các khoản nợ thuế không có khả năng thu hồi và rào cản pháp lý trong thủ tục khoanh nợ, xóa nợ nhằm cân đối ngân sách quốc gia. Nghiên cứu chỉ ra nhiều phương thức cố ý vi phạm pháp luật mang tính chiến lược như chủ động rút tiền tài khoản, lợi dụng thủ tục sáp nhập doanh nghiệp để dồn nghĩa vụ nợ thuế vào một pháp nhân rồi bỏ trốn. Từ đó, công trình kiến nghị cơ quan thuế phải chuyển từ giám sát hành chính qua giám sát tài chính chủ động và áp dụng cơ chế truy vết dòng tiền để tìm ra chủ sở hữu thực sự hưởng lợi của doanh nghiệp để cưỡng chế nợ thuế.

2.3 Khoảng trống nghiên cứu và đóng góp của đề án

Qua lược khảo các công trình trong và ngoài nước, có thể nhận diện được những khoảng trống khoa học chưa được giải quyết. Về hành lang pháp lý, chưa có nghiên cứu đánh giá sự không đồng bộ trong quy định các biện pháp cần thực hiện đối với các doanh nghiệp có nợ đọng thuế tại Luật Quản lý thuế hiện hành khi so sánh với các quy định của pháp luật chuyên ngành như Luật Doanh nghiệp, Luật đầu tư, Luật phục hồi, phá sản hay Luật đất đai. Về mặt thực tiễn áp dụng pháp luật tại địa phương, chưa có đề tài nào phân tích việc thực thi pháp luật quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế tại Thuế tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2021–2025 trong bối cảnh sáp nhập địa giới hành chính. Vì vậy, đề án ***“Pháp luật về quản lý nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế từ thực tiễn tại Thuế tỉnh Lâm Đồng”*** hướng tới giải quyết khoảng trống nghiên cứu nói trên dưới góc độ luật học, đồng thời đưa ra các kiến nghị hoàn thiện thể chế cùng giải pháp nâng cao hiệu quả thu hồi nợ đọng tại địa phương.

3. Mục tiêu nghiên cứu

3.1 Mục tiêu tổng quát

Trên cơ sở phân tích thực trạng quản lý và CCNT tại địa bàn Bình Thuận (trước sáp nhập) và Lâm Đồng (sau sáp nhập), đề án hướng tới việc đề xuất các kiến nghị nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam về QLNT và CCNT, đồng thời nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật và bảo đảm nguồn thu NSNN tại tỉnh Lâm Đồng.

3.2 Mục tiêu cụ thể

Đề án tập trung nghiên cứu, hệ thống hóa cơ sở lý luận về quản lý nợ thuế, cưỡng chế nợ thuế; đồng thời, phân tích, đánh giá thực trạng áp dụng các quy định pháp luật về quản lý nợ thuế, cưỡng chế nợ thuế tại địa bàn nghiên cứu (trong bối cảnh sáp nhập địa giới hành chính). Từ đó, nhận diện các vướng mắc giữa Luật Quản lý thuế với các luật chuyên ngành liên quan để đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật và các biện pháp hành chính cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả thực thi thực tế, bảo đảm tính khả thi tại Thuế tỉnh Lâm Đồng

3.3 Câu hỏi nghiên cứu

Đề tài cần thực hiện các nội dung để trả lời các câu hỏi nghiên cứu sau:

(i) Trong quá trình thực hiện các quy định về quản lý và cưỡng chế nợ thuế tại tỉnh Lâm Đồng, có tồn tại sự không thống nhất giữa Luật Quản lý thuế với các luật chuyên ngành khác (như Luật Đất đai, Luật Doanh nghiệp) làm giảm hiệu lực thi hành của công tác quản lý nợ hay không?

(ii) Những nguyên nhân pháp lý và thực tiễn nào đã dẫn đến tình trạng nợ thuế đọng tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2021–2025 tăng cao, và vì sao một số biện pháp cưỡng chế hành chính không mang lại hiệu quả trên thực tế?

(iii) Cần sửa đổi, bổ sung những quy định pháp luật nào và xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành ra sao để nâng cao hiệu lực thu hồi nợ đọng thuế tại địa phương?

4. Đối tượng, phạm vi và phương pháp nghiên cứu

4.1 Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Công tác quản lý và CCNT theo quy định pháp luật Việt Nam, với trọng tâm là các yếu tố pháp lý, tổ chức và thực tiễn ảnh hưởng đến hiệu quả thu hồi nợ thuế trên địa bàn tỉnh Bình Thuận cũ (nay được quản lý bởi Thuế tỉnh Lâm Đồng).

4.2 Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu về không gian: Nghiên cứu được thực hiện tại địa bàn tỉnh Bình Thuận cũ, nay được quản lý bởi Thuế tỉnh Lâm Đồng.

Phạm vi nghiên cứu về nội dung: Đề tài tập trung nghiên cứu các vấn đề liên quan đến cơ sở pháp lý, thực trạng và thực tiễn áp dụng trong hoạt động quản lý nợ và CCNT dưới góc độ Luật học.

Phạm vi thời gian: Nghiên cứu sử dụng số liệu thứ cấp trong giai đoạn 2021–2025.

4.3 Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện bằng cách kết hợp nhiều phương pháp nhằm bảo đảm tính khoa học và độ tin cậy của kết quả. Trước hết, phương pháp phân tích luật viết và nghiên cứu tài liệu chính thống được sử dụng để hệ thống hóa cơ sở lý luận và pháp luật về quản lý, CCNT, với nguồn tham khảo từ các văn bản quy phạm pháp luật, giáo trình, luận văn, tạp chí khoa học và các báo cáo của CQT, KTTN, IMF, ADB và OECD. Đồng thời, phương pháp so sánh pháp luật cũng được sử dụng để khảo cứu kinh nghiệm quản lý nợ thuế của các quốc gia tiên tiến trên thế giới. Số liệu nợ thứ cấp giai đoạn 2021-2025 được thu thập từ hệ thống dữ liệu nội bộ ngành và báo cáo tổng kết năm công tác QLN của Cục Thuế tỉnh Bình Thuận và Thuế tỉnh Lâm Đồng, tập trung vào tình hình nợ thuế, số thu ngân sách, và các biện pháp CCNT đã thực hiện. Số liệu được xử lý bằng phương pháp thống kê mô tả, phân tích và so sánh, nhằm phản ánh xu hướng diễn biến nợ thuế và hiệu quả QLT theo từng năm. Cuối cùng, phương pháp phân tích tình huống được áp dụng để phân tích các trường hợp nợ lớn, kéo dài do bất cập trong thực thi chính sách thuế, qua đó đánh giá cả khía cạnh pháp luật lẫn thực tiễn áp dụng..

5. Ý nghĩa thực tiễn của đề tài

Đề tài “*Pháp luật về quản lý nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế từ thực tiễn tại Thuế tỉnh Lâm Đồng*” có ý nghĩa thiết thực đối với công tác quản lý thuế hiện nay. Nghiên cứu giúp nhận diện những hạn chế trong việc áp dụng pháp luật, đồng thời cung cấp cơ sở khoa học cho việc hoàn thiện hệ thống pháp luật thuế tại Việt Nam. Kết quả nghiên cứu hỗ trợ trực tiếp cho Ban Lãnh đạo Thuế tỉnh Lâm Đồng trong việc nâng cao hiệu quả quản lý, giảm nợ đọng và bảo đảm nguồn thu ngân sách. Đề tài còn mang lại giá trị tham khảo hữu ích cho các sinh viên, học viên cao học quan tâm đến lĩnh vực pháp luật QLN và CCNT.

6. Bố cục của đề án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, đề án được kết cấu thành 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận và pháp luật về quản lý nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế.

Chương 2: Thực tiễn thực hiện hoạt động áp dụng pháp luật về quản lý nợ thuế, cưỡng chế nợ thuế tại Thuế tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2021-2025.

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện pháp lý về quản lý nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế.

PHẦN II: NỘI DUNG

CHƯƠNG 1:

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ NỢ THUẾ VÀ CƯỜNG CHẾ NỢ THUẾ

1.1 Tổng quan về nợ thuế

1.1.1 Một số khái niệm liên quan đến nợ thuế

Dưới góc độ kinh tế học công cộng và luật tài chính, thuế là công cụ tài chính cơ bản và là nguồn thu chủ yếu của Ngân sách Nhà nước. Khoản thu này mang tính bắt buộc, không hoàn trả trực tiếp nhằm đảm bảo nguồn lực cho việc duy trì bộ máy hành chính và cung cấp hàng hóa, dịch vụ công. Theo Điều 47 Hiến pháp 2013 thì “Mọi người có nghĩa vụ nộp thuế theo luật định”. Điều này có nghĩa là việc thực hiện nghĩa vụ thuế được áp dụng chung cho các thể nhân và pháp nhân. Khi các chủ thể này tham gia vào hoạt động kinh tế, phát sinh thu nhập hoặc xác lập quyền sở hữu tài sản thuộc diện chịu thuế, họ có trách nhiệm trích lập và chuyển giao một phần giá trị tài chính cho Nhà nước theo các quy định hiện hành³.

Mặc dù hệ thống pháp luật thiết lập khung thời gian cụ thể cho việc hoàn thành nghĩa vụ thu nộp, thực tiễn vận hành nền kinh tế thường ghi nhận sự không đồng bộ giữa lưu lượng tiền mặt thực tế của NNT và thời điểm đáo hạn. Sự chậm trễ trong việc chuyển giao nguồn tài chính vào Kho bạc Nhà nước xuất phát từ những nguyên nhân mang tính khách quan và chủ quan.

Về mặt khách quan, các tổ chức kinh tế có thể đối mặt với rủi ro thanh khoản tạm thời. Những biến động từ môi trường vĩ mô, chu kỳ luân chuyển vốn kéo dài, hoặc tình trạng chậm thanh toán từ các đối tác thương mại có thể làm suy giảm khả năng thanh toán ngắn hạn. Trong những trường hợp này, dù báo cáo tài chính vẫn ghi

³ Xem thêm: Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, Giáo trình Luật Thuế, Nxb. Hồng Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, 2023, tr. 16.

nhận doanh thu và lợi nhuận, dòng tiền thuần hiện có lại không đủ để đáp ứng kịp thời các nghĩa vụ tài chính với cơ quan nhà nước⁴.

Về mặt chủ quan, sự trễ hạn có thể bắt nguồn từ những hạn chế trong hệ thống quản trị rủi ro và nghiệp vụ kế toán của đơn vị, dẫn đến sai sót trong việc kê khai hoặc xác định sai thời điểm nộp. Bên cạnh đó, hiện tượng chậm nộp cũng phản ánh mức độ tuân thủ pháp luật ở một số chủ thể chưa cao, khi họ có xu hướng trì hoãn nghĩa vụ thuế nhằm tận dụng chi phí cơ hội của dòng vốn cho các mục tiêu tài chính nội bộ.

Sự trễ hạn này, độc lập với nguyên nhân phát sinh, đều tác động đến nguyên tắc tập trung nguồn thu kịp thời của ngân sách, có khả năng làm gián đoạn kế hoạch phân bổ và giải ngân cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Do đó, hệ thống pháp luật quy định, ngay khi thời hạn nộp thuế theo luật định kết thúc mà nghĩa vụ tài chính chưa được hoàn tất, khoản tiền chưa nộp sẽ chính thức chuyển sang trạng thái pháp lý là “tiền thuế nợ”.

Sự kiện pháp lý này đánh dấu sự chuyển đổi trong phương thức quản lý của CQT đối với khoản thu. Thay vì cơ chế tự khai, tự nộp thông thường, cơ quan quản lý sẽ kích hoạt các quy trình đơn đốc và thu hồi nợ. NNT lúc này sẽ phải chịu thêm khoản tiền chậm nộp nhằm bù đắp giá trị thời gian của tiền cho ngân sách, đồng thời có thể phải chịu các biện pháp cưỡng chế hành chính theo quy định để Nhà nước đảm bảo tính toàn vẹn của nguồn thu quốc gia⁵.

Trong pháp luật Việt Nam, khái niệm nợ thuế không được nêu ra một cách minh thị mà dưới góc độ QLT thì hành vi này được thể hiện ở khái niệm “tiền nợ thuế” của NNT. Theo đó, khoản 4 Điều 4 Luật quản lý thuế 2025 ghi nhận rằng “*Tiền thuế nợ* là tiền thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt do cơ quan quản lý thuế

⁴ Xem thêm: Học viện Tài chính, Giáo trình Quản lý thuế, Nxb. Tài chính, Hà Nội, 2021, tr. 88

⁵ Xem: Điều 16 Luật Quản lý thuế năm 2025 (Luật số 108/2025/QH15), hiệu lực từ ngày 01/7/2026

quản lý thu mà NNT chưa nộp ngân sách nhà nước khi hết thời hạn nộp theo quy định”⁶.

Ở góc nhìn kinh tế, nợ thuế được xem là sự chiếm dụng vốn của Nhà nước, ảnh hưởng trực tiếp đến chi tiêu và đầu tư công, hay nghiêm trọng hơn gây thất thu cho NSNN. Điều này ảnh hưởng đến tính công bằng trong môi trường kinh doanh khi những DN chây ỳ nợ thuế có thêm vốn để kinh doanh, còn những DN tuân thủ nộp thuế đúng hạn lại không có.

Dưới góc độ xã hội học, nợ thuế phản ánh sự suy giảm ý thức tuân thủ pháp luật của NNT, từ sẵn sàng tuân thủ tự nguyện sang việc cố tình trì hoãn nghĩa vụ, Biểu hiện này thường gia tăng trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế, sự bất mãn của NNT với chính sách công hoặc sự buông lỏng quản lý của CQT. Nợ thuế gắn với tâm lý phổ biến muốn trì hoãn nghĩa vụ với Nhà nước để bảo vệ lợi ích cá nhân⁷.

Nợ thuế cũng cần phân biệt với các hiện tượng khác như tránh thuế là việc lợi dụng kẽ hở pháp luật để giảm nghĩa vụ một cách hợp pháp, còn trốn thuế là hành vi gian lận, che giấu doanh thu nhằm né tránh nghĩa vụ⁸. Nợ thuế, về bản chất, là nghĩa vụ đã được xác định rõ nhưng bị trì hoãn thực hiện.

Từ việc phân tích trên, *“Nợ thuế là số tiền thuế hoặc các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước đã được xác định rõ nhưng chưa được nộp vào NSNN khi đã hết thời hạn quy định. Về bản chất, nợ thuế là một hành vi vi phạm pháp luật về thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính, làm phát sinh thêm tiền chậm nộp, đồng thời là căn cứ pháp lý để cơ quan thuế áp dụng các biện pháp đôn đốc hoặc cưỡng chế hành chính nhằm thu hồi thuế cho Nhà nước.”*

⁶ Tại khoản 17 Điều 3 Luật Quản lý thuế 2019 (hiệu lực từ ngày 01/7/2020 đến ngày 30/6/2026) định nghĩa Tiền thuế nợ như sau: *Tiền thuế nợ* là tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu mà người nộp thuế chưa nộp ngân sách nhà nước khi hết thời hạn nộp theo quy định.

⁷ Đặng Thị Bạch Vân, "Xoay quanh vấn đề người nộp thuế và tuân thủ thuế", Tạp chí Phát triển & Hội nhập, Số 16 (26), Tháng 05-06/2014, tr. 61-62.

⁸ Tham khảo: Nguyễn Thị Thanh Huyền (2023) – “Hoàn thiện hoạt động quản lý nợ thuế tại Tổng cục Thuế”, Luận văn Thạc sĩ Quản lý kinh tế, ĐH Ngoại thương Hà Nội.

1.1.2 Đặc điểm nợ thuế

Trước hết, nợ thuế gắn liền với quyền lực công và mang tính cưỡng chế hành chính bắt buộc, bởi nó phát sinh từ quyền lực công của Nhà nước chứ không phải từ sự thỏa thuận dân sự. Khi nghĩa vụ thuế đã được xác lập rõ ràng về mức nộp, thời hạn và chủ thể, việc chậm nộp hoặc không nộp là hành vi vi phạm pháp luật. CQT sẽ tính tiền chậm nộp trên khoản nợ gốc NNT trả chậm, đồng thời áp dụng các biện pháp cưỡng chế hành chính như phong tỏa tài khoản, đình chỉ sử dụng hóa đơn, kê biên tài sản NNT, thu hồi giấy phép kinh doanh⁹.

Thứ hai, nợ thuế có tính xác định về mặt thời gian và khoản nợ gốc. Nó hình thành ngay sau ngày hết hạn nộp thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế, số nợ gốc được ghi nhận trên cơ sở dữ liệu tờ khai của NNT hoặc quyết định ấn định thuế hoặc thông báo nộp tiền của CQT.

Thứ ba, nợ thuế phát sinh thêm tiền chậm nộp. Điều này khiến nợ thuế không phải là một con số không đổi mà liên tục tăng lên theo từng ngày, tạo áp lực lớn cho NNT buộc NNT phải nhanh chóng hoàn thành nghĩa vụ.

Thứ tư, nợ thuế là hiện tượng tâm lý - kinh tế phổ biến. Do thuế là khoản nộp bắt buộc không có tính đối giá trực tiếp, NNT thường có xu hướng trì hoãn nghĩa vụ để bảo vệ lợi ích cá nhân, biến tiền thuế thành vốn lưu động ngắn hạn. Hiện tượng này đặc biệt phức tạp ở các quốc gia đang phát triển, nơi nhận thức xã hội về nộp thuế còn hạn chế.

Thứ năm, trạng thái của nợ thuế không cố định mà thay đổi tính chất pháp lý tùy thuộc vào năng lực tài chính và tình trạng hoạt động thực tế của NNT. Trường hợp nợ có khả năng thu áp dụng cho NNT vẫn đang hoạt động và có tài sản hoặc dòng tiền để thực hiện nghĩa vụ. Trường hợp nợ được khoan là khi tạm dừng tính tiền chậm nộp đối với người đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự hoặc DN

⁹ Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, Giáo trình Luật Thuế, Nxb. Hồng Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, 2023, tr. 511.

đang giải thể, phá sản, bỏ trốn. Cuối cùng, nợ được xóa là trạng thái chấm dứt nghĩa vụ khi đáp ứng đủ điều kiện pháp luật, chẳng hạn DN phá sản không còn tài sản, cá nhân chết không có tài sản thừa kế, hoặc khoản nợ quá hạn trên mười năm đã áp dụng hết biện pháp cưỡng chế nhưng không thể thu hồi¹⁰.

1.1.3 Phân loại nợ thuế

Căn cứ quy định tại Quy trình QLNT (ban hành kèm Quyết định số 1129/QĐ-TCT ngày 20/7/2022 của TCT), hệ thống phân loại nợ thuế được thiết kế theo 03 tiêu thức chính:

Nếu căn cứ theo khả năng thu hồi và tình trạng pháp lý thì nợ thuế được chia thành: nợ có khả năng thu và nợ khó thu. Nợ có khả năng thu là nợ của NNT vẫn còn đầy đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi và đang hoạt động tại địa chỉ đăng ký. Đây là nhóm trọng tâm để CQT áp dụng các biện pháp cưỡng chế hành chính như trích tài khoản hoặc ngừng sử dụng hóa đơn. Ngược lại, nợ khó thu được xác lập khi NNT đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi, DN phá sản hoặc giải thể, bị khởi tố hình sự, không còn hoạt động tại địa chỉ đăng ký, hoặc đã bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (GCN ĐKKD).

Xét theo tính chất và tiến trình thủ tục hành chính, các khoản nợ được chia thành: nợ đang xử lý và tiền thuế chờ điều chỉnh. Trong đó, nợ đang xử lý là nợ đang chờ cơ quan có thẩm quyền xem xét, xác định lại nghĩa vụ nên tạm thời chưa bị áp dụng biện pháp cưỡng chế. Một số khoản khác là tiền thuế đang chờ điều chỉnh phát sinh từ sai sót kỹ thuật trong luân chuyển chứng từ giữa ngân hàng thương mại (NHTM), KBNN và CQT. Đây là nhóm nợ mang tính chất kỹ thuật, không phản ánh ý chí chây ỳ của NNT. Cuối cùng, nợ đã xử lý trong QLT là những khoản nợ đã được CQT xác định tình trạng pháp lý và ban hành văn bản chính thức. Trường hợp thứ nhất là nợ đã được khoan, tức CQT ra quyết định tạm dừng tính tiền chậm nộp và

¹⁰ Xem thêm: Điều 83 và Điều 85 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019.

ghi nhận trên hồ sơ. Trường hợp thứ hai là nợ được chấp thuận không tính tiền chậm nộp do chưa được NSNN thanh toán.

Nếu phân loại theo tuổi, hệ thống QLT chia các khoản nợ theo thời gian chậm nộp: từ dưới 30 ngày cho đến trên 365 ngày. Đây là công cụ được sử dụng thường xuyên nhất tại CQT. Về mặt pháp lý, mốc 90 ngày là ranh giới quan trọng¹¹. Các khoản nợ dưới 90 ngày thường chỉ áp dụng biện pháp nhắc nhở, đơn đốc qua gửi Thông báo nợ về địa chỉ kinh doanh của NNT, đơn đốc thu nợ qua email, điện thoại. Đối với những khoản nợ quá 90 ngày được xem xét để áp dụng các biện pháp cưỡng chế thu hồi nợ thuế.

1.2 Tổng quan về Quản lý nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế

1.2.1 Quản lý nợ thuế

1.2.1.1 Khái niệm quản lý nợ thuế

Lịch sử hình thành và phát triển của nhà nước cho thấy sự ra đời của thuế là tất yếu khách quan. Thuế đã trở thành công cụ để điều tiết nguồn thu nhập, bảo đảm nguồn lực tài chính cho hoạt động quản lý xã hội. Tùy từng giai đoạn phát triển, thuế còn được sử dụng như một công cụ điều tiết kinh tế, phân phối lại thu nhập và bảo đảm công bằng xã hội. Khi nghĩa vụ thuế đã được xác định nhưng không được NNT thực hiện đúng hạn, trạng thái nợ thuế xuất hiện. Nợ thuế không chỉ làm giảm nguồn thu ngân sách mà còn ảnh hưởng đến tính công bằng trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế của NNT. Do đó, quản lý nợ thuế là hoạt động tất yếu Nhà nước phải thực hiện nhằm đơn đốc những khoản thuế phát sinh đã quá hạn nộp vào NSNN, được thể hiện trên các góc độ:

Xét từ góc độ nguồn thu ngân sách, thuế là khoản thu bắt buộc, được xác định là nguồn lực tài chính chủ yếu để Nhà nước duy trì hoạt động và thực hiện các chức năng công. Khi nghĩa vụ thuế đã phát sinh nhưng không được thực hiện đúng hạn, nợ

¹¹ Xem: khoản 1 Điều 48 Luật Quản lý thuế năm 2025 (Luật số 108/2025/QH15).

thuế xuất hiện và ảnh hưởng trực tiếp đến ngân khố quốc gia. Nếu Nhà nước không có cơ chế quản lý và thu hồi, tình trạng nợ thuế kéo dài sẽ dẫn đến thâm hụt ngân sách, ảnh hưởng đến khả năng chi tiêu công, đầu tư cơ sở hạ tầng, bảo đảm phúc lợi xã hội và an ninh quốc gia. Do đó, quản lý nợ thuế là công cụ để Nhà nước bảo đảm nguồn thu ngân sách, hạn chế thấp nhất tình trạng thất thoát NSNN¹².

Về mặt công bằng pháp lý, hệ thống pháp luật thuế được thiết kế để áp dụng chung cho mọi chủ thể, nhưng nếu có người chây ỳ nghĩa vụ mà không bị xử lý, tính công bằng của Thuế sẽ không còn nữa. Điều này tạo ra sự bất bình đẳng nghiêm trọng trong môi trường kinh doanh, cụ thể DN nợ thuế có thêm vốn chiếm dụng để kinh doanh hoặc phục vụ cho mục đích cá nhân trong khi DN tuân thủ nghiêm túc lại chịu bất lợi. Về lâu dài, sự thiếu công bằng này làm suy giảm niềm tin của xã hội vào sự nghiêm minh của pháp luật và sự minh bạch của hệ thống Thuế. Do đó, quản lý nợ thuế là hoạt động quản lý nhà nước, chủ yếu dùng các quy định pháp luật để điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình thu nợ thuế.

Ngoài hai yêu cầu trên, quản lý nợ thuế còn cần thiết ở khía cạnh quản lý rủi ro tài chính công. Việc theo dõi, phân loại và xử lý nợ thuế giúp CQT nhận diện sớm các rủi ro, từ đó áp dụng biện pháp phù hợp để ngăn chặn tình trạng nợ thuế lan rộng. Đây là yếu tố quan trọng để duy trì sự ổn định của hệ thống tài chính quốc gia.

Cuối cùng, trong bối cảnh hội nhập quốc tế, quản lý nợ thuế còn có ý nghĩa củng cố uy tín tài chính của Việt Nam. Việc thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ thuế và có cơ chế xử lý nợ minh bạch là điều kiện để tạo niềm tin với các đối tác quốc tế, bảo đảm sự minh bạch trong môi trường đầu tư và thương mại toàn cầu¹³.

¹² Tham khảo: Trần Việt Tuấn (2021) – “Hoàn thiện công tác quản lý nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế ở Việt Nam trong điều kiện hiện nay”, Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Học viện Tài chính.

¹³ Xem thêm: khoản 2, Mục II Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030.

Như vậy, “*Quản lý nợ thuế là hoạt động hành chính mang tính quyền lực nhà nước do cơ quan thuế thực hiện, nhằm đảm bảo thu hồi đầy đủ các khoản thuế còn nợ vào ngân sách*”.

1.2.1.2 Đặc điểm quản lý nợ thuế

Là một trong bốn chức năng quan trọng của CQT, QLNT có những đặc điểm riêng biệt sau:

Thứ nhất, quản lý nợ thuế gắn liền với khâu thu, chi và dự toán NSNN.

QLNT tác động trực tiếp đến kết quả thực hiện và cân đối ngân sách. Tiền thuế nợ vốn đã được tính vào dự toán thu nhưng thực tế, CQT chưa thu được tiền. Đây là một biến số quan trọng trong quá trình điều hành ngân sách. Khi việc thu hồi nợ thuế diễn ra hiệu quả, nguồn lực tài chính công sẽ được bổ sung kịp thời, giúp Nhà nước thực hiện các nhiệm vụ chi đã đề ra. Nếu việc thu hồi trì trệ, NSNN bị hụt thu, ảnh hưởng đến tiến độ triển khai các dự án công và chính sách xã hội. Do đó, QLNT có mối quan hệ gắn liền với thu, chi ngân sách và hoạch định chính sách phát triển kinh tế – xã hội cho quốc gia.

Thứ hai, quản lý nợ thuế tập trung điều chỉnh quan hệ xã hội phát sinh khi NNT vi phạm thời hạn hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế với NSNN.

Khi nghĩa vụ thuế đã quá hạn và phát sinh thêm tiền chậm nộp, QLNT gắn liền với việc đôn đốc, phân loại nợ, áp dụng chế tài cưỡng chế, đồng thời phải cân nhắc đến quyền lợi hợp pháp của NNT. Trong nhiều trường hợp, CQT cần xem xét yếu tố khách quan như thiên tai, dịch bệnh hoặc khủng hoảng kinh tế để có biện pháp khoan nợ, nộp dần tiền thuế nợ, gia hạn tiền thuế nợ tạo điều kiện cho DN phục hồi sản xuất và từ đó có nguồn tài chính để nộp tiền thuế nợ cho Nhà nước¹⁴. Như vậy, QLNT vừa

¹⁴ Trung Kiên, "Đã miễn, giảm, gia hạn thuế gần 900.000 tỷ đồng cho người dân và doanh nghiệp", Chuyên trang Thuế và Hải quan - Tạp chí điện tử Kinh tế và Tài chính, ngày 25 tháng 5 năm 2026. Trong giai đoạn 2021–2025, ngành Thuế đã miễn, giảm và gia hạn gần 900.000 tỷ đồng cho người dân và doanh nghiệp, giúp họ vượt qua khó khăn do dịch bệnh Covid-19 và biến động kinh tế toàn cầu

mang tính cưỡng chế để bảo vệ nguồn thu quốc gia, vừa có tính nhân đạo nhằm duy trì sự ổn định của nền kinh tế.

Thứ ba, chủ thể trực tiếp thực hiện là các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Do tính chất phức tạp của việc xử lý các khoản nợ quá hạn, hoạt động này được giao cho CQT chủ trì, cụ thể là các bộ phận chuyên trách về quản lý nợ và CCNT. Sự chuyên môn hóa là cần thiết vì QLNT đòi hỏi kỹ năng nghiệp vụ chuyên sâu, từ việc theo dõi tuổi nợ, đối chiếu hạch toán trên hệ thống dữ liệu đến thẩm định điều kiện khoan nợ, xóa nợ, nộp dần tiền thuế nợ. Ngoài ra, CQT còn phải phối hợp với các ngành khác như ngân hàng, công an, cơ quan đăng ký kinh doanh để phong tỏa tài khoản, đình chỉ hóa đơn hoặc thu hồi giấy phép. Việc giao cho cơ quan chuyên môn bảo đảm rằng các biện pháp thu hồi nợ được áp dụng đầy đủ, đúng quy trình pháp luật. Đồng thời, QLNT phải cân bằng giữa yêu cầu thu đủ NSNN và bảo đảm quyền lợi của NNT.

Theo Quyết định số 1129/QĐ-TCT ngày 20/7/2022 của TCT, quy trình QLNT được thiết kế thống nhất trên toàn quốc. Quy trình này quy định rõ các bước từ xây dựng chỉ tiêu thu nợ; phân công trách nhiệm quản lý; phân loại nợ theo khả năng thu hồi, tình trạng pháp lý và tuổi nợ; và việc áp dụng biện pháp đôn đốc, nhắc nhở và CCNT. Tại địa phương, CQT đã tổ chức bộ phận QLN chuyên trách, có quy trình cụ thể và sự hỗ trợ của TMS. Cùng với hoạt động thu hồi nợ thuế, CQT còn xem xét các đề nghị từ NNT như gia hạn, nộp dần tiền thuế nợ, miễn tiền chậm nộp, khoan nợ hoặc xóa nợ.

1.2.2 Cưỡng chế nợ thuế

1.2.2.1 Khái niệm cưỡng chế nợ thuế

Trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước, thuyết phục luôn là phương thức được ưu tiên áp dụng nhằm khuyến khích sự tự nguyện tuân thủ pháp luật của

người dân, bảo đảm cho hoạt động quản lý đạt hiệu quả xã hội cao nhất¹⁵. Tuy nhiên, lĩnh vực QLT mang tính đặc thù do nghĩa vụ nộp thuế tác động trực tiếp đến quyền lợi vật chất, lợi ích kinh tế của NNT. Sự xung đột lợi ích này dẫn đến việc một bộ phận NNT luôn có xu hướng tìm cách trì hoãn, chây ỳ, thậm chí gian lận hoặc trốn tránh thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với quốc gia.

Do đó, khi các biện pháp tuyên truyền, phổ biến pháp luật và thuyết phục không còn phát huy tác dụng đối với các khoản nợ thuế quá hạn, Nhà nước bắt buộc phải chuyển giao phương thức quản lý từ thuyết phục sang cưỡng chế. Việc áp dụng biện pháp cưỡng chế hành chính lúc này là công cụ pháp lý tất yếu nhằm bảo vệ quyền lợi tài chính của Quốc gia, đồng thời thiết lập sự công bằng xã hội

giữa những chủ thể tuân thủ pháp luật và những chủ thể cố tình vi phạm.

Theo quy định tại Luật Quản lý thuế 2025, cưỡng chế nợ thuế có tên đầy đủ là “*Cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế*”. Đây là việc áp dụng biện pháp theo quy định của Luật Quản lý thuế và quy định khác của pháp luật có liên quan buộc NNT phải thực hiện nghĩa vụ nộp thuế¹⁶.

Như vậy, có thể hiểu rằng, “*Cưỡng chế nợ thuế là việc cơ quan quản lý thuế có thẩm quyền nhân danh quyền lực nhà nước áp dụng các biện pháp tác động mang tính bắt buộc do pháp luật quy định nhằm hạn chế một số quyền hợp pháp về tài sản, kinh doanh hoặc hành chính của NNT, buộc chủ thể này phải thực hiện đầy đủ và kịp thời nghĩa vụ nộp tiền thuế nợ, tiền phạt và tiền chậm nộp đã quá hạn vào Ngân sách Nhà nước. CCNT không chỉ ngăn chặn tình trạng trì hoãn nghĩa vụ vô thời hạn mà còn duy trì sự công bằng giữa những chủ thể tuân thủ nghiêm túc và những chủ thể cố tình vi phạm, qua đó bảo vệ nguồn thu NSNN.*”

¹⁵ Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, Giáo trình Luật Thuế, Nxb. Hồng Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, 2023, tr. 505.

¹⁶ Xem: khoản 10 Điều 4 Luật Quản lý thuế năm 2025 (Luật số 108/2025/QH15).

1.2.2.2 Đặc điểm cưỡng chế nợ thuế

Cưỡng chế nợ thuế có những đặc điểm sau:

Cưỡng chế nợ thuế chỉ do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật áp dụng.

CCNT là biện pháp hành chính có tác động trực tiếp đến quyền lợi của NNT. Vì vậy, pháp luật quy định Thủ trưởng cơ quan quản lý thuế, Cục trưởng Cục Điều tra chống buôn lậu thuộc Tổng cục Hải quan, và Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan. Các chức danh này được phép ra quyết định áp dụng một số biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế nhất định. Việc thu hồi các loại giấy chứng nhận và giấy phép (đăng ký DN, đăng ký kinh doanh, đăng ký hợp tác xã, đăng ký đầu tư, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hành nghề) được thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành, không thuộc thẩm quyền trực tiếp của CQT¹⁷. Quy định này nhằm bảo đảm việc áp dụng cưỡng chế được kiểm soát chặt chẽ, đúng thẩm quyền và hạn chế rủi ro xâm phạm quyền lợi hợp pháp của NNT.

Cưỡng chế nợ thuế phải được tuân thủ nghiêm ngặt về trình tự, thủ tục quy định

CCNT không phải là hành vi hành chính tùy ý mà phải được thực hiện theo một quy trình pháp lý cụ thể, chặt chẽ. Trước khi áp dụng biện pháp cưỡng chế, CQT phải tiến hành các bước theo luật định như thông báo, đôn đốc và rà soát, đối chiếu nợ. Mỗi biện pháp cưỡng chế đều có điều kiện áp dụng và nội dung thực hiện riêng. Đồng thời, CCNT là biện pháp hành chính buộc NNT hoàn thành nghĩa vụ tài chính khi chậm nộp quá 90 ngày, hoặc có tình tẩu tán tài sản, bỏ trốn, không chấp hành quyết định xử phạt. Căn cứ quy trình CCNT ban hành kèm Quyết định số 1795/QĐ-TCT ngày 11/11/2022 của TCT được áp dụng thống nhất trên toàn quốc với các bước cụ thể từ lựa chọn biện pháp phù hợp, khâu ban hành quyết định cưỡng chế (QĐCC), đến việc tổ chức thực hiện và theo dõi kết quả. Quy trình này nhấn mạnh nguyên tắc

¹⁷ Xem: Điều 126 Luật Quản lý thuế 2019, cập nhật thêm quy định mới tại Điều 50 Luật Quản lý thuế 2025

công khai, minh bạch, đúng thẩm quyền, đồng thời bảo đảm quyền lợi hợp pháp của NNT.

CQT thực hiện CCNT bằng nhiều biện pháp khác nhau.

Các biện pháp cưỡng chế được quy định tại Quy trình bao gồm 07 biện pháp: trích tiền từ tài khoản NH/phong tỏa tài khoản, khấu trừ một phần thu nhập, ngừng sử dụng hóa đơn, kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản kê biên, thu hồi dòng tiền từ bên thứ ba và thu hồi GCN ĐKKD hoặc giấy phép hoạt động¹⁸. Việc lựa chọn biện pháp phụ thuộc vào tình trạng pháp lý của NNT, mức độ vi phạm và khả năng thu hồi khoản nợ. Trong quá trình thực hiện, CQT phải phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan như NHTM, KBNN, cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan công an và chính quyền địa phương để bảo đảm hiệu quả thực thi. Pháp luật quy định CQT phải áp dụng linh hoạt 3 biện pháp đầu và tuân thủ tuần tự 4 biện pháp sau, đồng thời có quyền áp dụng đồng thời các biện pháp nếu phát hiện NNT có dấu hiệu tẩu tán tài sản nhằm tối đa hóa hiệu quả thu hồi nợ.

1.2.3 Tiêu chí đánh giá hiệu quả quản lý nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế

1.2.3.1 Tiêu chí hiện hành

Căn cứ Quyết định số 1005/QĐ-CT ngày 30/7/2024 của TCT về ban hành hệ thống chỉ số đánh giá hiệu quả hoạt động QLT đến năm 2030, có bốn chỉ số thành phần, được sử dụng để đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác quản lý nợ và CCNT của CQT, bao gồm:

Tỷ lệ tổng tiền thuế nợ đến thời điểm 31/12 hàng năm so với số thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước thu được trong năm

Mục đích sử dụng: Đánh giá tình trạng nợ thuế vào thời điểm 31/12 hàng năm, đồng thời đánh giá hiệu quả công tác quản lý nợ.

¹⁸ Từ ngày 01/7/2026, theo Điều 49 Luật Quản lý thuế 2025, pháp luật bổ sung thêm 1 biện pháp CCNT là Thủ trưởng CQT nộp đơn yêu cầu áp dụng thủ tục phá sản. Hiện tại, chưa có văn bản hướng dẫn chi tiết về biện pháp này.

Cách tính chỉ số: Chỉ số được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa số tiền thuế nợ tại thời điểm 31/12 của năm đánh giá với số thu do CQT quản lý trong năm đánh giá.

Tỷ lệ tổng số tiền nợ đọng về thuế, phí tại thời điểm 31/12 hàng năm so với tổng số thu ngân

sách nhà nước thu được trong năm

Mục đích sử dụng: Đánh giá tình trạng nợ đọng về thuế, phí vào thời điểm cuối năm.

Cách tính chỉ số: Chỉ số được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa tổng số tiền nợ đọng về thuế, phí tại thời điểm 31/12 hàng năm so với số thu do CQT quản lý trong năm đánh giá.

Tỷ lệ thu nợ có khả năng thu thời điểm 31/12 năm trước chuyển sang

Mục đích sử dụng: Đánh giá hiệu quả công tác thu nợ đối với các khoản nợ có khả năng thu của năm trước thu được trong năm đánh giá.

Cách tính chỉ số: Chỉ số được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa số tiền thuế nợ có khả năng thu của năm trước chuyển sang đã thu được trong năm đánh giá với số tiền thuế nợ có khả năng thu của năm trước chuyển sang.

Tỷ lệ số tiền thuế nợ năm trước đã thu được bằng biện pháp cưỡng chế trong năm đánh giá

Mục đích sử dụng: Đánh giá hiệu quả công tác CCNT trong năm đánh giá

Cách tính chỉ số: Chỉ số được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa số tiền thuế nợ năm trước đã thu được bằng biện pháp cưỡng chế trong năm đánh giá với số tiền thuế nợ năm trước đã thu được trong năm đánh giá.

Các chỉ số hiện hành tuy có ưu điểm là dễ đo lường và phần nào phản ánh hiệu quả thu hồi nợ của CQT, nhưng lại mang tính chất tĩnh, chỉ phản ánh số liệu tại thời điểm cuối năm. Điều này dẫn đến tình trạng CQT tập trung cưỡng chế vào những tháng cuối để đạt chỉ tiêu, trong khi thực tế tình trạng chiếm dụng vốn ngân sách diễn

ra liên tục nhiều tháng trong năm. Hơn nữa, hệ thống hiện tại chưa có công cụ đo lường rủi ro pháp lý, chưa đánh giá chất lượng quyết định hành chính, và cũng chưa tính đến hiệu quả kinh tế của bộ máy quản lý.

1.2.3.2 Các tiêu chí xem xét bổ sung

Trong bối cảnh đó, một số tiêu chí sau đây có thể xem xét để đánh giá bổ sung:

Nhóm các tiêu chí định lượng bổ sung bao gồm:

Tỷ lệ thu hồi nợ sớm bằng các biện pháp đôn đốc, nhắc nhở

Mục đích sử dụng: Đánh giá hiệu quả của các biện pháp thuyết phục, năng lực quản lý rủi ro sớm của CQT đối với các khoản nợ mới phát sinh.

Cách tính chỉ số: Chỉ số được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa số tiền nợ thuế thu hồi được thông qua các biện pháp đôn đốc, nhắc nhở gián tiếp hoặc trực tiếp (giai đoạn nợ dưới 90 ngày, khi chưa ban hành quyết định cưỡng chế) so với tổng số tiền nợ thuế đã thu hồi được bằng tất cả các biện pháp trong năm đánh giá.

Tỷ lệ nợ có khả năng thu trên tổng thu Ngân sách Nhà nước (NSNN)

Mục đích sử dụng: Phản ánh năng lực thu hồi nợ thực tế của CQT đối với nhóm NNT đang còn hoạt động kinh doanh và có tài sản

Cách tính chỉ số: Chỉ số được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa số tiền nợ thuế thuộc nhóm có khả năng thu hồi tại thời điểm đánh giá (thường chốt vào ngày 31/12) với tổng số thu ngân sách do CQT quản lý thu trong năm đó.

Tỷ lệ tiền thuế đã nộp NSNN đang chờ điều chỉnh

Mục đích sử dụng: Đánh giá tính kịp thời, độ chuẩn xác của công tác hạch toán kế toán thuế, theo dõi dữ liệu và xử lý thông tin số thu của cơ quan QLT.

Cách tính chỉ số: Chỉ số được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa tổng số tiền thuế NNT đã thực nộp vào ngân sách nhưng chưa được khấu trừ trên sổ sách do đang chờ đối chiếu, điều chỉnh, trên tổng số tiền thuế nợ do CQT đang quản lý tại thời điểm đánh giá.

Tỷ lệ số người nộp thuế đã được thực hiện các biện pháp cưỡng chế

Mục đích sử dụng: Đánh giá mức độ tuân thủ của cơ quan thuế trong việc triển khai các biện pháp cưỡng chế theo luật định, bảo đảm rằng mọi trường hợp nợ thuế đến ngưỡng cưỡng chế đều được xử lý kịp thời và không bị bỏ sót.

Cách tính chỉ số: Chỉ số này được xác định bằng tỷ lệ phần trăm giữa tổng số người nộp thuế (NNT) đã được cơ quan thuế tiến hành cưỡng chế chia cho tổng số NNT thuộc diện phải cưỡng chế nợ tại thời điểm đánh giá.

Nhóm các tiêu chí định tính bổ sung bao gồm:

Các tiêu chí định tính cần phải xem xét đến để phản ánh chất lượng thực thi pháp luật bao gồm mức độ minh bạch và công bằng trong xử lý nợ thuế, ý thức tự nguyện tuân thủ pháp luật của NNT, và hiệu quả phối hợp liên ngành giữa CQT với ngân hàng, kho bạc, công an, cơ quan đăng ký kinh doanh trong CCNT. Những yếu tố này giúp lý giải vì sao quy trình pháp luật được thiết kế chặt chẽ nhưng thực tế thực thi vẫn gặp nhiều rào cản¹⁹.

1.3 Nội dung pháp luật về quản lý nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế

1.3.1 Nội dung pháp luật về quản lý nợ thuế

1.3.1.1 Khái niệm

Việc xây dựng một hệ thống pháp lý đồng bộ và toàn diện là yếu tố cốt lõi, quyết định hiệu quả quản lý tài chính công nói chung và quản lý nợ thuế nói riêng. Một hành lang pháp luật phù hợp với thực tiễn kinh tế sẽ là nền tảng để CQT kiểm soát và xử lý nợ đọng một cách minh bạch, hiệu quả. Pháp luật về QLNT phải giải quyết các vấn đề từ khi nghĩa vụ thuế quá hạn phát sinh cho đến khi khoản nợ được

¹⁹ Xem thêm: Tổng cục Thuế - Bộ Tài chính (2013), “Xây dựng tiêu chí đánh giá chất lượng công tác quản lý thu nợ”, Đề tài khoa học cấp Tổng cục, Trần Thị Thu Huyền làm Chủ nhiệm. Nghiên cứu đã đưa ra một hệ thống chỉ số rất thực tế và hữu ích vì đi sâu vào thực tiễn QLNT như chi phí quản lý bình quân, số ngày xử lý hồ sơ và mức độ hài lòng của NNT – đây là những chỉ số mà Quyết định 1005 không đề cập.

thu hồi đầy đủ vào ngân sách nhà nước bao gồm: thời hạn nộp thuế vào NSNN; phân loại nợ thuế, trường hợp được gia hạn nợ thuế; thủ tục xử lý các trường hợp nợ đặc thù (khoanh nợ, xóa nợ); trách nhiệm, thẩm quyền của CQT; trách nhiệm, nghĩa vụ phối hợp của các cơ quan liên quan và cách tính tiền chậm nộp²⁰.

Như vậy, *“Pháp luật quản lý nợ thuế là tổng hợp quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành để điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong quá trình theo dõi, phân loại, đôn đốc và thu hồi những khoản thuế quá hạn.”*

Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành bao gồm Luật do Quốc hội ban hành quy định những nguyên tắc cơ bản, Nghị định do Chính phủ ban hành quy định chi tiết các nguyên tắc QLNT và Thông tư do Bộ Tài chính ban hành quy định trình tự, thủ tục, hạn xử lý các thủ tục hành chính liên quan đến QLNT. Để cụ thể hóa quy trình CQT địa phương các cấp thực hiện nhằm thống nhất cả nước, Tổng cục Thuế ban hành Quy trình nghiệp vụ chuẩn để QLNT. Quy trình này đóng vai trò như Sổ tay hướng dẫn, quy định chi tiết từng bước trong công việc, cách khai thác dữ liệu trên TMS và mẫu, biểu được áp dụng ở CQT địa phương.

1.3.1.2 Trường hợp áp dụng

Căn cứ khoản 3 Điều 17 Luật Quản lý thuế 2019, NNT có trách nhiệm Nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm. Tuy nhiên, một số NNT vì lý do khách quan hay chủ quan đã không thực hiện theo quy định trên. Lúc này, CQT sẽ áp dụng pháp luật QLNT, cụ thể trong các trường hợp:

- NNT đã nộp hồ sơ khai thuế hoặc hồ sơ khai quyết toán thuế nhưng hết thời hạn nộp thuế theo quy định mà chưa nộp hoặc nộp chưa đủ số tiền thuế đã kê khai; NNT nhận Quyết định ấn định thuế của CQT và đã quá thời hạn nộp ghi trên quyết định ấn định; NNT bị CQT hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Chính phủ) ban hành Quyết định xử lý vi phạm hành chính về thuế,

²⁰ Tham khảo: Trần Việt Tuấn (2021) – “Hoàn thiện công tác quản lý nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế ở Việt Nam trong điều kiện hiện nay”, Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Học viện Tài chính.

Quyết định truy thu thuế, tiền phạt mà quá thời hạn chấp hành ghi trên văn bản; NNT bị ban hành Quyết định thu hồi tiền hoàn thuế nhưng quá thời hạn quy định vẫn chưa hoàn trả lại tiền vào ngân sách.

- NNT có văn bản đề nghị và CQT đang trong thời hạn thẩm định hồ sơ theo quy định của Luật Quản lý thuế bao gồm đề nghị gia hạn thời hạn nộp thuế, đề nghị nộp dần tiền thuế nợ (có bảo lãnh của tổ chức tín dụng); Trường hợp đề nghị không tính tiền chậm nộp hoặc miễn tiền chậm nộp do gặp thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ.

- NNT đang có tiền thuế nợ thực hiện quyền khiếu nại đến cơ quan hành chính có thẩm quyền hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án liên quan đến số thuế phải nộp. Trong thời gian này, quy trình quản lý nợ vẫn được áp dụng (NNT vẫn phải nộp đủ số tiền nợ, trừ trường hợp có quyết định tạm đình chỉ thực hiện quyết định tính thuế của cơ quan thẩm quyền).

- NNT thuộc đối tượng khoan nợ (Điều 83 Luật Quản lý thuế) và xóa nợ (Điều 85 Luật Quản lý thuế) như DN bị tuyên bố phá sản đã thanh lý tài sản; cá nhân đã chết/mất tích không có di sản thừa kế; hoặc khoản nợ đã quá 10 năm và đã áp dụng hết các biện pháp cưỡng chế tối cao nhưng không thể thu hồi.

1.3.1.3 Quy trình quản lý nợ thuế 1129

Quy trình quản lý nợ thuế theo Quyết định 1129/QĐ-TCT có hiệu lực từ ngày 20/7/2022 (thay thế Quyết định số 1401/QĐ-TCT năm 2015) xác định rõ hai nhóm đối tượng áp dụng gồm chủ thể quản lý và đối tượng bị quản lý. Đây là văn bản hướng dẫn nghiệp vụ đối với cơ quan thuế các cấp, nhằm chuẩn hóa quy trình công vụ, đảm bảo tính chính xác và tránh sai sót hành chính. Nhóm chủ thể quản lý gồm CQT các cấp và công chức trực tiếp thực hiện, phối hợp trong quy trình. Nhóm đối tượng bị quản lý là các tổ chức, DN, hộ kinh doanh, cá nhân có nghĩa vụ thuế quá hạn, cùng các chủ thể có trách nhiệm khấu trừ và nộp thay. Quy trình không áp dụng đồng loạt mà có cách xử lý riêng biệt theo trạng thái pháp lý của khoản nợ như nợ có khả năng thu, nợ khó thu, nợ đang xử lý, tiền thuế chờ điều chỉnh. Mỗi nhóm được áp dụng biện pháp phù hợp, từ đôn đốc, cưỡng chế đến khoan hoặc xóa nợ.

Về cơ bản, Pháp luật QLNT có hai nội dung chính là lập kế hoạch thu nợ và đôn đốc, xử lý tiền thuế nợ. Quy trình quản lý nợ được quy định như sau:

Bắt đầu từ việc xây dựng chỉ tiêu và phân công trách nhiệm cán bộ QLNT. Hằng năm, CQT căn cứ vào tình hình nợ và dự toán thu ngân sách để đặt ra các mục tiêu cụ thể, chẳng hạn tỷ lệ tổng tiền thuế nợ trên tổng thu ngân sách không vượt quá 8%, tỷ lệ nợ có khả năng thu không vượt quá 5%, và bảo đảm thu tối thiểu 80% số nợ có khả năng thu từ năm trước. Những chỉ tiêu này được giao chi tiết đến từng bộ phận, từng công chức để gắn trách nhiệm cá nhân với kết quả công việc.

Tiếp theo là phân loại khoản nợ. Các khoản nợ được chia thành năm nhóm gồm nợ có khả năng thu, nợ khó thu, nợ đang xử lý, tiền thuế chờ điều chỉnh và nợ đã xử lý. Việc phân loại này giúp CQT lựa chọn biện pháp phù hợp, nâng cao hiệu quả thu hồi nợ. Nợ có khả năng thu là nhóm nợ CQT sẽ áp dụng biện pháp đôn đốc và cưỡng chế tuần tự. Nợ khó thu là các khoản nợ của doanh nghiệp không hoạt động tại địa chỉ kinh doanh, doanh nghiệp đang làm thủ tục phá sản, thủ tục giải thể, nợ của cá nhân đã chết, mất tích; đây là nhóm nợ CQT sẽ thực hiện khoan nợ hoặc xóa nợ. Nợ đang xử lý là các khoản thuế nợ đang trong quá trình giải quyết khiếu nại, khiếu kiện hoặc đang được CQT xem xét gia hạn, nộp dần hoặc miễn tiền chậm nộp. Tiền thuế chờ điều chỉnh là tiền nợ phát sinh từ sai sót hệ thống, cần CQT phối hợp với KBNN và NHTM để tra soát cho NNT. Nợ đã xử lý bao gồm khoản nợ của NNT mà CQT đã ban hành quyết định khoan nợ và khoản nợ mà CQT đã ban hành thông báo chấp thuận không tính tiền chậm nộp do chưa được NSNN thanh toán. CQT không thực hiện đôn đốc và cưỡng chế đối với nợ khó thu, nợ đang xử lý, tiền thuế chờ điều chỉnh và nợ đã xử lý.

Sau khi phân loại, CQT tiến hành đôn đốc thu nợ đối với nhóm nợ có khả năng thu. Với những khoản nợ mới phát sinh từ 1 đến 30 ngày, biện pháp thường là nhắc nhở linh hoạt qua điện thoại, email hoặc tin nhắn. Nếu nợ kéo dài từ 31 ngày trở lên, CQT sẽ gửi thông báo chính thức theo mẫu quy định. Đối với các khoản nợ quá 90

ngày, hồ sơ sẽ được chuyển sang áp dụng biện pháp cưỡng chế theo Quyết định 1795/QĐ-TCT.

Một bước quan trọng khác là xử lý các khoản nợ chờ điều chỉnh. CQT cần phối hợp với KBNN và NHTM để khắc phục sai sót chứng từ. Với nợ khó thu, hồ sơ được lập để khoan nợ, xóa nợ hoặc chuyển sang cưỡng chế khi đáp ứng quy định pháp luật. Ngoài ra, NNT có thể đề nghị gia hạn hoặc nộp dần trong thời gian tối đa 12 tháng, kèm theo bảo lãnh tín dụng.

Quy trình cũng quy định việc THXC và công khai thông tin. Những cá nhân hoặc người đại diện pháp luật của DN đang bị cưỡng chế nhưng chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế có thể bị THXC. Đồng thời, thông tin về NNT chây ỳ hoặc trốn thuế sẽ được công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng và website của ngành thuế²¹.

Cuối cùng, CQT phải lập sổ theo dõi, báo cáo và lưu trữ. Định kỳ hằng tháng, các đơn vị cấp dưới gửi báo cáo về công tác QLN cho cấp trên để theo dõi, đánh giá tiến độ công việc và chỉ đạo để hoàn thành chỉ tiêu cấp trên giao.

1.3.2 Nội dung pháp luật về các biện pháp cưỡng chế nợ thuế

1.3.2.1 Khái niệm

Hệ thống pháp luật CCNT tập trung vào những nội dung cốt lõi nhằm bảo đảm việc áp dụng biện pháp cưỡng chế được kiểm soát chặt chẽ và đúng pháp luật. Thứ nhất, pháp luật phải xác định rõ đối tượng chịu tác động của CCNT để tránh sự tùy tiện trong áp dụng chế tài. Thứ hai, pháp luật quy định cụ thể các biện pháp cưỡng chế cùng với trình tự, thủ tục và thời hạn áp dụng, nhằm cân bằng giữa mục tiêu thu hồi nợ và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của NNT. Cuối cùng, các văn bản pháp luật cũng phân định thẩm quyền của CQT và trách nhiệm phối hợp của các bên liên quan

²¹ Xem: khoản 3 Điều 7 Luật Quản lý thuế 2025, khoản 1 Điều 100 Luật Quản lý thuế 2019.

như ngân hàng, công an, cơ quan đăng ký kinh doanh, để bảo đảm việc cưỡng chế diễn ra minh bạch, hiệu quả và có cơ chế xử lý khi phát sinh tranh chấp.

Do đó, *“Pháp luật về cưỡng chế nợ thuế là tổng hợp các quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình áp dụng các biện pháp bắt buộc đối với người nộp thuế quá hạn nghĩa vụ”*.

1.3.2.2 Trường hợp áp dụng

Pháp luật thuế quy định các trường hợp sẽ bị CCNT, cụ thể:

- NNT có tiền thuế nợ quá 90 ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp theo quy định, quá thời hạn gia hạn nộp tiền thuế; NNT không chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về QLT theo thời hạn ghi trên quyết định xử phạt vi phạm hành chính về QLT; NNT có tiền thuế nợ có hành vi phát tán tài sản hoặc bỏ trốn.

- Tổ chức tín dụng, ngân hàng thương mại, KBNN không thực hiện quyết định trích tiền từ tài khoản của NNT bị cưỡng chế hoặc không phong tỏa tài khoản theo yêu cầu của cơ quan QLT.

- Tổ chức, cá nhân bảo lãnh nghĩa vụ thuế nếu quá thời hạn nộp thuế quy định mà NNT chưa nộp, bên bảo lãnh không thực hiện nghĩa vụ nộp thay trong phạm vi đã bảo lãnh.

- Tổ chức, cá nhân nắm giữ tiền, tài sản của NNT bị cưỡng chế không thực hiện trích nộp tiền, không bàn giao tài sản của NNT đang do mình nắm giữ theo quyết định cưỡng chế thu tiền, tài sản từ bên thứ ba của CQT.

Biện pháp CCNT được cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng với NNT vi phạm nghĩa vụ thuế với NSNN. Vì vậy, đối tượng áp dụng bao gồm NNT vi phạm, CQT, công chức thuế, cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức có liên quan đến CCNT.

1.3.2.3 Các biện pháp cưỡng chế nợ thuế

Các biện pháp cưỡng chế theo Điều 125 Luật Quản lý thuế 2019 bao gồm:

- Thứ nhất là trích tiền từ tài khoản hoặc phong tỏa tài khoản của NNT tại KBNN, NHTM hoặc TCTD. Ngay khi nhận được QĐCC, NHTM phải trích số tiền ghi trong quyết định để nộp vào ngân sách, kể cả khi số dư ít hơn số nợ. Biện pháp này có hiệu lực trong vòng 30 ngày kể từ ngày ban hành.

- Thứ hai là khấu trừ một phần tiền lương hoặc thu nhập, áp dụng cho cá nhân làm việc theo hợp đồng từ sáu tháng trở lên hoặc đang hưởng trợ cấp. Tỷ lệ khấu trừ dao động từ 10% đến 30% đối với lương, trợ cấp hàng tháng, và tối đa 50% đối với các khoản thu nhập khác. Cơ quan chi trả thu nhập có trách nhiệm khấu trừ và chuyển tiền vào ngân sách cho đến k

- i thu đủ nợ.

- Thứ ba là dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu. Cơ quan hải quan phải thông báo bằng văn bản cho người nộp thuế ít nhất năm ngày trước khi áp dụng. Biện pháp này không áp dụng cho hàng hóa có thuế suất 0% hoặc phục vụ quốc phòng, an ninh, phòng chống thiên tai, dịch bệnh và viện trợ nhân đạo.

- Thứ tư là ngừng sử dụng hóa đơn, tức vô hiệu hóa tính pháp lý của hóa đơn, khiến doanh nghiệp không thể giao dịch bình thường. Cơ quan thuế phải công khai quyết định trên cổng thông tin điện tử trong vòng 24 giờ. Trong trường hợp đặc biệt, doanh nghiệp có thể được phép sử dụng hóa đơn theo từng lần phát sinh nếu nộp ngay ít nhất 18% doanh thu vào ngân sách²².

- Thứ năm là kê biên và bán đấu giá tài sản. Giá trị tài sản kê biên phải tương đương số nợ và chi phí cưỡng chế. Một số tài sản không được kê biên như thuốc chữa bệnh, lương thực thiết yếu, công cụ lao động, nhà ở duy nhất và đồ dùng sinh hoạt cơ bản. Nếu sau 30 ngày kể từ ngày kê biên mà người nộp thuế không nộp đủ, cơ quan thuế có quyền bán đấu giá tài sản.

²² Xem: điểm d khoản 4 Điều 34 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế: “Trường hợp đang áp dụng biện pháp cưỡng chế ngừng sử dụng hóa đơn mà người nộp thuế có văn bản đề nghị sử dụng hóa đơn để có nguồn thanh toán tiền lương công nhân, thanh toán các khoản chi phí đảm bảo sản xuất kinh doanh được liên tục thì cơ quan thuế tiếp tục cho người nộp thuế sử dụng hóa đơn theo từng lần phát sinh với điều kiện người nộp thuế phải nộp ngay ít nhất 18% doanh thu trên hóa đơn được sử dụng vào ngân sách nhà nước.”

- Thứ sáu là thu tiền hoặc tài sản từ bên thứ ba. Khi có căn cứ xác định bên thứ ba đang giữ tiền hoặc tài sản của người nộp thuế, cơ quan thuế có thể yêu cầu họ nộp thay trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận quyết định cưỡng chế.

- Cuối cùng là thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy phép kinh doanh. Đây là biện pháp nghiêm khắc nhất, dẫn đến chấm dứt sự tồn tại hợp pháp của doanh nghiệp hoặc cá nhân, mang tính răn đe và cảnh báo mạnh đối với những trường hợp cố tình chây ỳ.

Từ ngày 01/7/2026, Luật Quản lý thuế năm 2025 chính thức hiệu lực thi hành và thay thế Luật Quản lý thuế 2019. Quy định về các biện pháp cưỡng chế nợ thuế được quy định tại Luật 2025 bao gồm 8 biện pháp²³. Cụ thể, Luật 2025 bổ sung thêm một biện pháp cưỡng chế là Thủ trưởng CQT nộp đơn yêu cầu Tòa án áp dụng thủ tục phá sản đối với NNT. Ba biện pháp đầu tiên được kế thừa từ Luật 2019. Năm biện pháp tiếp theo được cấu trúc chặt chẽ hơn bao gồm: Ngừng sử dụng hóa đơn; Thu tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế do cơ quan, tổ chức, cá nhân khác đang nắm giữ; Kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản kê biên theo quy định của pháp luật; Nộp đơn yêu cầu áp dụng thủ tục phá sản và thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

1.3.2.4 Nguyên tắc cưỡng chế nợ thuế

Nguyên tắc trong thực hiện CCNT bao gồm:

Quy tắc áp dụng linh hoạt đối với 03 biện pháp cưỡng chế đầu tiên. CQT căn cứ vào tình hình thực tế, cơ sở dữ liệu về NNT để lựa chọn biện pháp phù hợp và mang lại hiệu quả cao nhất. Cụ thể:

- Biện pháp trích tiền/phong tỏa tài khoản được áp dụng đối với NNT có tài khoản tại Kho bạc Nhà nước (KBNN), NHTM, Tổ chức tín dụng (TCTD). Trường hợp cơ sở dữ liệu của CQT không có thông tin hoặc thông tin không chính xác, CQT

²³ Xem thêm: khoản 1 Điều 9 Luật Quản lý thuế 2025.

có quyền gửi văn bản yêu cầu NH cung cấp thông tin trước khi ban hành QĐCC trích tiền tài khoản.

- Biện pháp khấu trừ một phần tiền lương hoặc thu nhập áp dụng đối với NNT là cá nhân đang được hưởng tiền lương, tiền công từ cơ quan, tổ chức thuộc biên chế; ký hợp đồng lao động từ 06 tháng trở lên; hoặc đang hưởng trợ cấp hưu trí, mất sức.

- Biện pháp dừng làm thủ tục hải quan được sử dụng khi NNT đang có hoạt động xuất nhập khẩu hoặc đã từng thực hiện hoạt động xuất nhập khẩu ít nhất 01 lần trong vòng 12 tháng gần nhất.

Khi các biện pháp linh hoạt nêu trên không thể áp dụng, hoặc đã áp dụng nhưng không thu đủ số tiền thuế nợ, CQT bắt buộc phải chuyển sang áp dụng 04 biện pháp chế tài nặng hơn theo nguyên tắc tuần tự. Trình tự bắt buộc này bao gồm: (1) Ngừng sử dụng hóa đơn; (2) Kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản kê biên; (3) Thu tiền, tài sản khác do cơ quan, tổ chức, cá nhân khác đang nắm giữ; (4) Thu hồi GCN ĐKKD/Giấy phép thành lập và hoạt động.

Tiếp theo là quy tắc ban hành quyết định liên tục và áp dụng đồng thời các biện pháp cưỡng chế. Để tránh tạo ra những cơ hội bị NNT lợi dụng tẩu tán tài sản, Quy trình 1795/QĐ-TCT quy định rõ việc ban hành QĐCC phải liên tục, nối tiếp nhau. Đặc biệt, nhằm tăng tính hiệu lực, hiệu quả thu hồi nợ thuế, nếu cơ quan quản lý thuế thu thập được thông tin, điều kiện cho thấy việc quay lại áp dụng biện pháp cưỡng chế trước đó (ví dụ: phát hiện DN vừa mở tài khoản NH mới) hoặc áp dụng ngay biện pháp cưỡng chế tiếp theo sẽ mang lại hiệu quả thu hồi nợ cao hơn, CQT có quyền đồng thời áp dụng biện pháp trước hoặc biện pháp tiếp theo để khẩn trương thu hồi nợ vào NSNN.

Cuối cùng, quy tắc áp dụng chế tài tối đa đối với hành vi phát tán tài sản, bỏ trốn. Nếu CQT có căn cứ xác định NNT có hành vi phát tán tài sản hoặc bỏ trốn (như rời khỏi địa chỉ đăng ký kinh doanh mà không khai báo), số tiền thực hiện cưỡng chế sẽ là "tổng số tiền thuế nợ" của NNT (bao gồm cả những khoản nợ mới phát sinh, nợ chưa quá hạn trên 90 ngày).

1.3.2.5 Quy trình cưỡng chế nợ thuế 1795

Quy trình Cưỡng chế nợ thuế theo Quyết định số 1795/QĐ-TCT ngày 11/11/2022 chuẩn hóa các thao tác nghiệp vụ, áp dụng thống nhất cho toàn ngành Thuế đối với 07 biện pháp cưỡng chế được quy định tại Điều 125 Luật Quản lý thuế 2019.

Bước 1: Lập danh sách NNT chuẩn bị cưỡng chế. Hằng tháng, dựa trên dữ liệu từ TMS và các nguồn thông tin liên quan, công chức QLN thực hiện rà soát và lập danh sách NNT chuẩn bị cưỡng chế. Căn cứ để lập danh sách bao gồm:

- NNT có khoản nợ thuế đã quá 90 ngày (hoặc quá 60 ngày để đưa vào diện chuẩn bị rà soát) kể từ ngày hết thời hạn nộp.
- NNT hết thời gian gia hạn nộp thuế hoặc nộp dần tiền thuế nợ nhưng chưa hoàn thành nghĩa vụ.
- NNT không chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế đúng hạn.
- Đặc biệt, NNT có hành vi phát tán tài sản hoặc bỏ trốn khỏi địa chỉ kinh doanh (trường hợp này sẽ bị đưa vào danh sách ngay lập tức không phụ thuộc vào tuổi nợ).
- NNT đang bị áp dụng một biện pháp cưỡng chế nhưng quyết định sắp hết hiệu lực (còn dưới 30 ngày) mà vẫn chưa nộp đủ tiền.

Bước 2: Thu thập và xác minh thông tin của NNT. Tùy thuộc vào biện pháp dự kiến áp dụng, CQT phải thu thập các thông tin tương ứng:

Đối với biện pháp trích tài khoản, CQT cần xác minh số tài khoản, nơi mở tài khoản tại các NHTM, TCTD;

Đối với biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn, CQT cần rà soát tình hình sử dụng hóa đơn, loại hóa đơn đang dùng;

Đối với biện pháp kê biên tài sản/thu bên thứ ba, CQT cần xác minh tình trạng pháp lý của tài sản, quyền sở hữu, hợp đồng kinh tế hoặc các khoản công nợ từ bên thứ ba.

Trường hợp cơ sở dữ liệu của CQT không đầy đủ, CQT có thẩm quyền phát hành văn bản yêu cầu NNT, NHTM, Cơ quan đăng ký đất đai, hoặc bên thứ ba cung cấp thông tin.

Bước 3: Lập danh sách NNT phải áp dụng biện pháp cưỡng chế. Trên cơ sở danh sách chuẩn bị (ở Bước 1) và kết quả xác minh thông tin (ở Bước 2), công chức QLN sẽ chốt danh sách chính thức các NNT phải áp dụng biện pháp cưỡng chế. Nếu qua xác minh cho thấy không đủ điều kiện áp dụng biện pháp hiện tại (ví dụ: NNT không có tài khoản NH, tài khoản không có số dư, hoặc không có tài sản để kê biên), công chức thuế lập tức báo cáo lãnh đạo để chuyển NNT sang danh sách áp dụng biện pháp cưỡng chế tiếp theo cho phù hợp với nguyên tắc tuần tự.

Bước 4: Ban hành QĐCC căn cứ vào danh sách đã chốt, công chức dự thảo QĐCC kèm theo các hồ sơ chứng minh (Tờ trình nêu rõ diễn biến quá trình đôn đốc, Thông báo tiền thuế nợ, văn bản xác minh) trình Thủ trưởng CQT ký ban hành. Đối với các biện pháp như kê biên tài sản, thu hồi giấy phép kinh doanh, hồ sơ bắt buộc phải chuyển qua bộ phận Pháp chế của CQT để thẩm định tính hợp pháp trước khi trình Thủ trưởng ký duyệt. Việc ban hành QĐCC phải đảm bảo nguyên tắc ngay lập tức và liên tục: Ban hành ngay sau ngày thứ 90, ngay sau khi hết thời gian gia hạn, hoặc ngay sau khi QĐCC của biện pháp trước đó hết hiệu lực.

Bước 5: Gửi và công khai QĐCC ngay trong ngày ban hành, QĐCC phải được gửi đến NNT bị cưỡng chế và các bên có nghĩa vụ liên quan (NH, Cơ quan Hải quan, cơ quan chi trả thu nhập). Việc gửi thư ưu tiên sử dụng phương thức giao dịch điện tử; nếu chưa đủ điều kiện thì gửi qua bưu chính bằng thư bảo đảm hoặc giao trực tiếp. Đồng thời, CQT có trách nhiệm đăng tải công khai thông tin QĐCC và danh sách NNT bị cưỡng chế lên trang thông tin điện tử của ngành Thuế, hoặc trên các phương

tiện thông tin đại chúng (đặc biệt đối với biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn, thời hạn công khai là trong vòng 24 giờ).

Bước 6: Tổ chức thực hiện và theo dõi hiệu lực trong suốt thời gian QĐCC có hiệu lực (thường là 01 năm, riêng trích tài khoản là 30 ngày), công chức thuế phải theo dõi sát sao diễn biến thu nộp.

Ngay trong ngày nhận được thông tin NNT đã nộp đủ toàn bộ số tiền nợ bị cưỡng chế, hoặc NNT được CQT chấp thuận cho nộp dần, gia hạn, khoan nợ, CQT phải lập tức ban hành Quyết định chấm dứt hiệu lực của QĐCC để khôi phục quyền lợi, hoạt động cho DN.

Nếu QĐCC hết hiệu lực mà vẫn chưa thu đủ nợ, CQT phải chuyển sang áp dụng biện pháp cưỡng chế cao hơn. Trong trường hợp đang áp dụng một biện pháp mà phát hiện NNT có dòng tiền, tài sản mới, CQT được quyền áp dụng đồng thời biện pháp trước đó (như trích tài khoản) để khẩn trương thu hồi tiền cho Nhà nước.

1.3.3 Quy định về biện pháp tạm hoãn xuất cảnh

Tạm hoãn xuất cảnh là biện pháp CCNT bổ sung nhằm ngăn chặn tình trạng NNT, đặc biệt là những người quản lý, điều hành DN, tẩu tán tài sản và trốn tránh trách nhiệm tài chính đối với Nhà nước bằng cách rời khỏi lãnh thổ Việt Nam²⁴.

Căn cứ Điều 66, khoản 7 Điều 124 Luật Quản lý thuế 2019 và khoản 1 Điều 21 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP, các đối tượng chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế sẽ bị áp dụng biện pháp THXC bao gồm:

- Cá nhân, cá nhân là người đại diện theo pháp luật của DN thuộc trường hợp đang bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế

- Người Việt Nam xuất cảnh để định cư ở nước ngoài chưa hoàn thành nghĩa vụ

²⁴ Xem thêm: khoản 5 Điều 17 Luật Quản lý thuế 2025

- Người Việt Nam định cư ở nước ngoài trước khi xuất cảnh

- Người nước ngoài trước khi xuất cảnh từ Việt Nam

Trong giai đoạn trước, pháp luật không quy định ngưỡng nợ tối thiểu để áp dụng THXC, dẫn đến một số bất cập trong thực tiễn. Nhằm bảo đảm quyền lợi hợp pháp của công dân đồng thời nâng cao hiệu quả thu nợ, Nghị định số 49/2025/NĐ-CP (có hiệu lực từ ngày 28/02/2025) đã thiết lập các ngưỡng nợ cụ thể:

- Đối với cá nhân kinh doanh, chủ HKD: Áp dụng khi có khoản tiền thuế nợ từ 50 triệu đồng trở lên, đã quá thời hạn trên 120 ngày và thuộc diện đang bị cưỡng chế;

- Đối với người đại diện pháp luật của DN, hợp tác xã: Áp dụng khi DN đang bị cưỡng chế và có khoản nợ từ 500 triệu đồng trở lên, đã quá hạn trên 120 ngày;

- Đối với đối tượng rủi ro cao (bỏ địa chỉ kinh doanh) và đối tượng có yếu tố nước ngoài: Không quy định ngưỡng nợ tối thiểu. Việc THXC được áp dụng ngay khi phát sinh nợ thuế quá hạn.

Đặc biệt, từ ngày 01/7/2026, phạm vi áp dụng bổ sung thêm đối tượng điều chỉnh của quy định này là các cá nhân là chủ sở hữu hưởng lợi của DN nhằm tránh các trường hợp thuê người đại diện pháp luật cho DN trên danh nghĩa²⁵.

Theo khoản 3 Điều 21 Nghị định 126/2020/NĐ-CP và Quy trình Quản lý nợ ban hành kèm Quyết định số 1129/QĐ-TCT, CQT gửi thông báo dự kiến áp dụng biện pháp THXC qua tài khoản điện tử hoặc cổng thông tin cho NNT. Sau thời gian chờ 30 ngày, nếu nghĩa vụ chưa được hoàn thành, CQT sẽ ban hành văn bản chính thức (Mẫu số 01/XC) gửi cơ quan quản lý xuất nhập cảnh để thực hiện ngay trên hệ thống. Khi NNT đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, CQT phải ban hành thông báo hủy

²⁵ Xem: khoản 5 Điều 17 Luật Quản lý thuế 2025 quy định:

“5. Các trường hợp phải hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trước khi xuất cảnh bao gồm:

a) Cá nhân kinh doanh, chủ hộ kinh doanh, cá nhân là chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp, cá nhân là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế;”

bỏ (Mẫu số 02/XC) trong vòng 24 giờ làm việc, và cơ quan xuất nhập cảnh có trách nhiệm gỡ bỏ lệnh trong vòng 24 giờ tiếp theo.

1.4. Kinh nghiệm quốc tế về quản lý và cưỡng chế nợ thuế

1.4.1. Kinh nghiệm của Malaysia

Căn cứ chuỗi báo cáo A Comparative Analysis of Tax Administration in Asia and the Pacific (2022–2024) của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), Malaysia được đánh giá là một trong những quốc gia kiểm soát nợ thuế hiệu quả nhất ASEAN khi duy trì tỷ lệ nợ đọng trên tổng thu ngân sách ổn định dưới mức 6,5%. Thành công này dựa trên nền tảng pháp lý chặt chẽ của Đạo luật Tổng cục Thuế nội địa Malaysia 1995 (IRBM Act 1995) và Đạo luật Thuế thu nhập 1967 (Income Tax Act – ITA 1967)²⁶.

Khác với Việt Nam, Tổng cục Thuế nội địa Malaysia (IRBM) áp dụng mô hình “Nhóm xử lý nợ phân tán” (Branch-level Recovery Units) trực thuộc từng Văn phòng Thuế chi nhánh (Branches) và các Trung tâm Dịch vụ Doanh thu (Pusat Khidmat Hasil). Theo Quy trình chuẩn (SOP) của Ban Thu hồi nợ thuộc IRBM, mỗi nhóm gồm 3–5 công chức do một Trưởng bộ phận (Ketua Unit) điều hành độc lập. Nhóm này được phân quyền khai thác trực tiếp cơ sở dữ liệu của Hệ thống quản lý thuế tích hợp (Hệ thống HasiNet) để tự hoạch định chỉ tiêu thu nợ theo tuần, tự ban hành lệnh đôn đốc mà không cần qua nhiều cấp phê duyệt hành chính.

Căn cứ Mục 103 (Section 103) Đạo luật ITA 1967, khi nghĩa vụ thuế được xác định (qua tự khai hoặc ấn định), NNT có 30 ngày để thanh toán. Nếu quá hạn, hệ thống tự động áp dụng mức phạt chậm nộp 10% tính trên số thuế nợ gốc (Section 103(3)).

²⁶ Xem thêm: Asian Development Bank (ADB), *A Comparative Analysis of Tax Administration in Asia and the Pacific* (2023), Manila, 01/2025, eighth edition, pp. 108-109, trong đó có nêu: “Tỷ lệ nợ thuế khó thu có sự khác biệt rất lớn giữa các quốc gia, từ mức thấp 2,8% ở Malaysia đến mức trên 80% tại Armenia, Azerbaijan, Georgia và Sri Lanka. Khi tỷ lệ nợ khó thu cao, điều này thường phản ánh việc quy định pháp luật, thủ tục hành chính của quốc gia đó thường không linh hoạt, khiến cơ quan thuế bị hạn chế trong việc áp dụng các biện pháp xử lý.”

Tuy nhiên, trước khi cưỡng chế tài sản, Mục 107B cho phép Lãnh đạo IRBM phê duyệt các "Thỏa thuận nộp dần" (Skim Bayaran Ansuran) dựa trên giải trình dòng tiền của DN. Nếu DN chứng minh được thiệt hại bất khả kháng do đối tác nợ DN, IRBM có thẩm quyền quyết định miễn giảm một phần hoặc toàn bộ khoản tiền phạt chậm nộp 10% này (Section 103(8)).

Theo báo cáo thường niên 2021, 2022, 2023 của IRBM, trung bình mỗi năm IRBM áp dụng lệnh cấm xuất cảnh đối với hơn 180.000 cá nhân là người đại diện pháp luật của DN. Biện pháp này giúp thu hồi từ 1,2 đến 1,5 tỷ RM (Ringgit Malaysia) mỗi năm do áp lực tâm lý lớn. Đây là biện pháp cưỡng chế hiệu quả nhất của Malaysia. Tổng cục trưởng IRBM có quyền ban hành một Chứng thư (Certificate) gửi thẳng cho Tổng cục trưởng Tổng cục Nhập cảnh (Immigration Department) đề yêu cầu ngăn chặn không cho cá nhân hoặc người đại diện pháp luật của DN nợ thuế rời khỏi Malaysia. Lệnh này có hiệu lực tức thì và chỉ được dỡ bỏ khi tiền thuế nợ và phạt được nộp đủ, hoặc có tổ chức tài chính đứng ra bảo lãnh bảo đảm (Section 104(2)).

Pháp luật Malaysia cho phép CQT lựa chọn biện pháp cưỡng chế một cách linh hoạt, không bắt buộc phải đi theo trình tự. Mục tiêu là tối đa hóa số thuế thu hồi với chi phí hành chính thấp nhất. Đây là kinh nghiệm thực tiễn quan trọng, cho thấy sự kết hợp giữa cơ sở pháp lý chặt chẽ và cơ chế hành chính linh hoạt có thể tạo ra hiệu quả vượt trội trong QLNT, là bài học đáng tham khảo cho Việt Nam trong việc hoàn thiện hệ thống cưỡng chế thuế.

1.4.2. Kinh nghiệm của Nhật Bản

Căn cứ vào Luật Thu hồi Thuế quốc gia Nhật Bản (National Tax Collection Act – Đạo luật số 147 năm 1959) và các báo cáo nghiệp vụ chính thức của Cơ quan Thuế quốc gia Nhật Bản (NTA), CQT Nhật Bản xây dựng hệ thống quản lý nợ dọc từ trung ương đến địa phương, trong đó Cục Quản lý Doanh thu và Thu hồi nợ thuộc NTA hoạch định chiến lược, còn 12 Cục Thuế vùng và 524 Chi cục Thuế địa phương triển khai trực tiếp trên hệ thống KSK để theo dõi nghĩa vụ thuế theo thời gian thực.

Pháp luật Nhật Bản đặt trọng tâm vào phòng ngừa rủi ro sớm. Theo Luật Thủ tục Thuế quốc gia, hệ thống KSK tự động phát hành văn bản nhắc nhở trước hạn nộp, đặc biệt đối với thuế tiêu dùng – sắc thuế có nguy cơ nợ đọng cao. Đồng thời,

công nghệ Auto Call được áp dụng cho các khoản nợ nhỏ dưới 30 ngày, giúp xử lý nhanh các trường hợp quên nộp và giải phóng nguồn lực cho công chức thuế tập trung vào hồ sơ phức tạp.

Một điểm nổi bật khác là chế tài gián tiếp thông qua Chứng nhận nộp thuế (Nōzei Shōmeisho). Theo Điều 123 Lệnh thi hành Luật Thủ tục Thuế quốc gia, DN muốn tham gia đấu thầu công hoặc tiếp cận vốn tín dụng bắt buộc phải chứng minh không có nợ thuế. Đây là biện pháp cưỡng chế mềm gắn nghĩa vụ thuế với quyền lợi thương mại, khiến việc nợ thuế trở thành rào cản trực tiếp đối với năng lực cạnh tranh và uy tín DN.

Theo các Báo cáo thường niên của Cơ quan Thuế quốc gia Nhật Bản (NTA Annual Report), tỷ lệ nợ đọng thuế tại Nhật Bản đã giảm từ hơn 11% vào đầu thập niên 1990 xuống chỉ còn 1,1–1,2% trong giai đoạn gần đây – một trong những mức thấp nhất thế giới. Báo cáo thường niên của NTA cho thấy Auto Call xử lý hàng triệu khoản nợ nhỏ mỗi năm với chi phí gần như bằng không, trong khi chế tài phạt chậm nộp (Entei-zei) với mức phạt lũy tiến từ 10% đến 40% đã nâng tỷ lệ tuân thủ tự nguyện lên trên 98% đối với thuế thu nhập DN²⁷.

1.4.3. Kinh nghiệm của Australia

Đạo luật Quản lý Thuế 1953 (Taxation Administration Act – TAA 1953) của Quốc hội Australia và các báo cáo nghiệp vụ chính thức của Cơ quan Thuế Australia

²⁷ Xem thêm: Biểu đồ thống kê tại: National Tax Agency (NTA), *National Tax Agency Annual Report 2024*, Tokyo, 06/2024, Chapter IV: “Proper and Fair Taxation and Collection”, pp. 39-42 cho thấy số nợ thuế quá hạn cuối năm 2022 khoảng 895 tỷ yên, thấp hơn rất nhiều so với những năm 1990 (khoảng 2.700 tỷ yên). Chính sách thuế của NTA đã áp dụng: với người nộp thuế có thiện chí, NTA khuyến khích nộp tự nguyện, xem xét hoàn cảnh kinh doanh, tài sản và thu nhập để đưa ra giải pháp phù hợp như cho phép trả góp, gia hạn hoặc chuyển đổi tài sản; ngược lại, nếu người nộp thuế cố tình chây ỳ hoặc nhiều lần vi phạm cam kết, NTA sẽ áp dụng biện pháp cưỡng chế mạnh như kê biên, đấu giá tài sản hoặc truy tố. Riêng với nợ thuế tiêu dùng, cơ quan thuế đặt mục tiêu giảm mạnh bằng cách xử lý nhanh các trường hợp mới phát sinh, tránh để tích tụ thành nợ lớn.

(Australian Taxation Office – ATO) 2023-2024 và 2024-2025, ATO vận hành mô hình quản lý nợ dựa trên chiến lược "Phân tích dữ liệu lớn và Quản lý rủi ro tuân thủ". ATO liên thông cơ sở dữ liệu thời gian thực với hệ thống ngân hàng thương mại, cơ quan quản lý doanh nghiệp (ASIC), và các tổ chức định chế tài chính khác. Thuật toán của hệ thống tự động phân loại NNT nợ thuế thành các nhóm rủi ro (Thấp, Trung bình, Cao) dựa trên lịch sử tuân thủ, hành vi thanh toán và năng lực tài chính thực tế, từ đó tự động đưa ra các giải pháp pháp lý phù hợp.

Một trong các chế tài ATO thực hiện là ban hành Quyết định xử phạt Giám đốc (Director Penalty Notice – DPN) theo Division 269, Schedule 1 TAA 1953 cho phép ATO quy trách nhiệm cá nhân đối với giám đốc DN nợ các khoản thuế bắt buộc như Thuế khấu trừ tại nguồn (PAYG), Thuế hàng hóa và dịch vụ (GST), hoặc Tiền đóng bảo hiểm hưu trí cho người lao động (SGC). Nếu giám đốc không thanh toán trong vòng 21 ngày, ATO có quyền tịch thu tài sản cá nhân để thu hồi nợ, hạn chế hành vi hành vi cố ý cho công ty cũ phá sản để quỵt nợ thuế rồi thành lập công ty mới để tiếp tục kinh doanh.

Đồng thời, ATO triển khai cơ chế công khai thông tin nợ thuế cho các tổ chức tín dụng (hiệu lực từ 2019) cho phép ATO báo cáo DN nợ thuế lớn (trên 100.000 AUD), quá hạn trên 90 ngày cho các cơ quan xếp hạng tín dụng (như Equifax, Experian), khiến DN mất khả năng vay vốn và cơ hội kinh doanh.

Hiệu quả của các công cụ này được chứng minh bằng dữ liệu thực tế. Theo ATO Annual Report, kể từ khi áp dụng cơ chế công khai thông tin nợ thuế, hơn 40% DN trong danh sách cảnh báo đã chủ động thanh toán hoặc cam kết trả dần trước khi thông tin bị công bố, giúp thu hồi hàng trăm triệu AUD mà không cần cưỡng chế tài sản. Trung bình mỗi năm, ATO phát hành hơn 20.000 DPN, thu hồi trực tiếp cho ngân sách trên 800 triệu AUD. Nhờ đó, tỷ lệ nợ thuế có khả năng thu hồi của Australia luôn duy trì ở mức an toàn toàn cầu, được OECD đánh giá cao về tính minh bạch tài chính.

1.4.4. Bài học cho Việt Nam

Từ việc nghiên cứu mô hình tổ chức và cách vận hành QLNT của các quốc gia có hệ thống pháp luật tiên tiến, có thể thấy xu hướng dịch chuyển của QLNT từ cường chế thu hồi nợ thuế sang chủ động quản lý rủi ro tuân thủ²⁸. Một số kinh nghiệm cho Việt Nam:

Thứ nhất, tự động hóa khâu đôn đốc sớm, Nhật Bản đã kiểm soát tỷ lệ nợ đọng ở mức rất thấp nhờ công nghệ Auto Call. Việt Nam hiện đã có hệ thống TMS ghi nhận khoản nợ theo thời gian thực, do đó cần triển khai Auto Call sử dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) kết hợp tin nhắn định danh qua SMS, tự động kích hoạt từ ngày thứ 1 đến ngày thứ 30 của khoản nợ, giúp NNT hoàn thành sớm nghĩa vụ vào NSNN và giảm áp lực hành chính cho công chức thuế.

Thứ hai, về tăng cường hiệu lực chế tài tạm hoãn xuất cảnh và nâng cao tính linh hoạt của biện pháp cưỡng chế, Malaysia đã chứng minh hiệu quả vượt trội khi thu về 1,2–1,5 tỷ RM mỗi năm nhờ lệnh cấm xuất cảnh. Việt Nam đã có quy định này trong Luật Quản lý thuế 2025, nhưng quy trình phối hợp giấy tờ còn chậm. Giải pháp là xây dựng quy chế phối hợp điện tử, liên thông dữ liệu tự động giữa ngành Thuế và Công an. Đồng thời, cần sửa đổi luật cho phép CQT linh hoạt lựa chọn biện pháp cưỡng chế tối ưu, thay vì bắt buộc tuân thủ trình tự 7 bước.

Thứ ba, về cơ chế cưỡng chế mềm gắn nghĩa vụ thuế với lợi ích thương mại và uy tín tín dụng, Nhật Bản gắn nợ thuế với quyền đấu thầu công, còn Australia công khai thông tin nợ cho các tổ chức tín dụng. Việt Nam có thể áp dụng ngay nhờ hạ tầng sẵn có bao gồm Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và Trung tâm CIC của Ngân hàng Nhà nước²⁹. DN nợ thuế quá hạn sẽ bị hệ thống đấu thầu tự động từ chối hồ sơ,

²⁸ OECD, Tax Administration 2023: *Comparative Information on OECD and Other Advanced and Emerging Economies*, OECD Publishing, Paris, 2023, Chapter 7: Collection. Báo cáo nhấn mạnh các biện pháp hiện đại như phân tích dự đoán, phân tích xu hướng ngày càng được các CQT áp dụng để thu hồi nợ thuế như xác định trường hợp cần can thiệp, thời điểm can thiệp, và biện pháp tối ưu để đạt hiệu quả chi phí - lợi ích thu hồi nợ là cao nhất.

²⁹ Xem thêm: Thông tư số 15/2023/TT-NHNN ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động thông tin tín dụng của Ngân hàng nhà nước Việt Nam. Theo đó, CIC là viết tắt của

đồng thời bị CIC ghi nhận nợ xấu trong hồ sơ tín dụng, khiến DN không thể vay vốn hoặc mua hàng trả chậm.

Credit Information Center - Trung tâm Thông tin Tín dụng Quốc gia Việt Nam. Đây là tổ chức sự nghiệp công lập hoạt động dưới sự quản lý trực tiếp của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Nói một cách dễ hiểu, CIC giống như một hệ thống lưu trữ ghi lại toàn bộ quá trình vay vốn, thói quen trả nợ, và mức độ uy tín tài chính của tất cả các cá nhân, doanh nghiệp có phát sinh giao dịch tín dụng tại Việt Nam.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Từ việc nghiên cứu, hệ thống hóa toàn diện hệ thống cơ sở lý luận, các quy định pháp luật và kinh nghiệm quốc tế về quản lý nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế dưới góc độ Luật học, có thể rút ra các kết luận sau:

1. Về lý luận chung về nợ thuế và quản lý nợ thuế

Nợ thuế là một sự kiện pháp lý làm phát sinh quan hệ hành chính mang tính quyền lực công giữa Nhà nước và người nộp thuế vi phạm nghĩa vụ thời hạn pháp định. Thể chế quản lý nợ thuế hiện đại đòi hỏi phải vận hành dựa trên nguyên tắc quản lý rủi ro tuân thủ, trong đó việc phân loại nợ thành các nhóm tính chất là cơ sở để cơ quan quản lý áp dụng các biện pháp đôn đốc nộp thuế phù hợp.

2. Về lý luận cưỡng chế nợ thuế và tiêu chí đánh giá hiệu quả

Pháp luật đã thiết lập một hệ thống chế tài hành chính nghiêm khắc nhằm bảo đảm thu nợ hiệu quả. Trình tự, thủ tục cưỡng chế được xây dựng chặt chẽ, kết hợp linh hoạt giữa các biện pháp tác động trực tiếp vào dòng tiền (trích tài khoản, khấu trừ thu nhập) và các biện pháp tác động vào quyền kinh doanh, quyền sở hữu tài sản (ngừng sử dụng hóa đơn, kê biên tài sản, thu hồi giấy phép).

3. Về kinh nghiệm quốc tế và định hướng nghiên cứu thực tiễn

Kinh nghiệm từ các quốc gia có hệ thống quản trị tài chính tiên tiến như Malaysia, Nhật Bản, Australia cho thấy xu hướng tất yếu là chuyển từ giám sát hành chính thụ động sang quản trị rủi ro chủ động dựa trên nền tảng số hóa. Học tập kinh nghiệm từ các quốc gia là những gợi mở có giá trị thực tiễn sâu sắc cho Việt Nam.

Trong tình hình biến động nợ thuế phức tạp của Thuế tỉnh Lâm Đồng, xây dựng cơ sở lý luận khoa học rõ ràng làm nền tảng đánh giá thực trạng pháp luật về quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế là điều kiện tiên quyết để đánh giá thực trạng áp dụng pháp luật và đề xuất kiến nghị những giải pháp hoàn thiện thể chế và nâng cao hiệu quả thu hồi nợ đọng.

CHƯƠNG 2:

THỰC TIỄN THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NỢ VÀ CƯỜNG CHẾ NỢ THUẾ TẠI THUẾ TỈNH LÂM ĐỒNG

2.1. Khái quát đặc điểm địa bàn và công tác tổ chức quản lý nợ thuế tại Thuế tỉnh Lâm Đồng

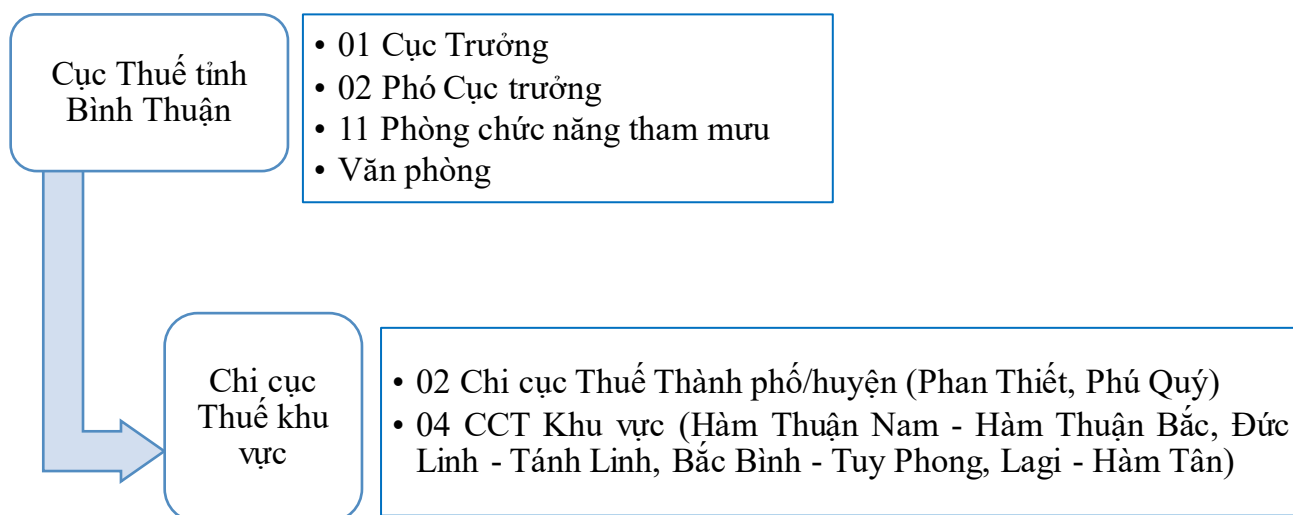
2.1.1. Khái quát về địa bàn và bộ máy của cơ quan thuế trước và sau sáp nhập tỉnh

Trước khi sáp nhập địa giới hành chính cấp tỉnh, Bình Thuận là một tỉnh ven biển thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ. Nền kinh tế của địa phương phát triển mạnh ở các lĩnh vực như du lịch, năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời), công nghiệp chế biến và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Mặc dù tạo ra nhiều dư địa thu ngân sách, nhưng việc phân bố dân cư và DN không đồng đều, chủ yếu tập trung tại TP. Phan Thiết và các huyện ven biển; cùng với đặc trưng địa hình có nhiều địa bàn ở miền núi, vùng sâu vùng xa đã tạo những thách thức nhất định cho công tác quản lý thuế³⁰.

Về bộ máy quản lý, Cục Thuế tỉnh Bình Thuận (cũ) được tổ chức và hoạt động theo Quyết định số 1836/QĐ-BTC ngày 08/10/2018 của Bộ Tài chính và Quyết định số 211/QĐ-TCT ngày 12/3/2019 của Tổng cục Thuế. Cơ cấu tổ chức bao gồm 01 Cục trưởng, 02 Phó Cục trưởng, 11 phòng chức năng tham mưu, 01 Văn Phòng và 06 Chi cục Thuế khu vực, huyện, thành phố. Căn cứ Báo cáo tổng kết công tác tổ chức cán bộ năm 2024, tổng số lượng cán bộ, công chức của Cục Thuế tỉnh Bình Thuận là 463 người, trong đó 80% công chức có trình độ từ đại học trở lên. Bộ phận QLN và CCNT của Cục Thuế tỉnh bao gồm 38 công chức, được phân bổ 8 công chức ở cấp tỉnh (tại

³⁰ Xem thêm: Quyết định số 1701/QĐ-TTg ngày 27/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh Bình Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Phòng Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế) và 30 công chức ở cấp huyện (tại các Chi cục Thuế khu vực)³¹.



Hình 2. 1 Cơ cấu tổ chức Cục Thuế tỉnh Bình Thuận (trước sáp nhập)

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về sắp xếp, tinh gọn đơn vị hành chính, Quốc hội khóa XV đã ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/06/2025. Căn cứ theo khoản 14 Điều 1 của Nghị quyết này, toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của tỉnh Đắk Nông, tỉnh Bình Thuận và tỉnh Lâm Đồng được sắp xếp, sáp nhập thành một tỉnh mới lấy tên gọi là tỉnh Lâm Đồng. Tỉnh Lâm Đồng mới chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/7/2025 với quy mô rất lớn, có diện tích tự nhiên lên tới 24.233,07 km² và quy mô dân số đạt 3.872.999 người. Về mặt địa lý, tỉnh Lâm Đồng mới có đường biên giới và ranh giới tiếp giáp vô cùng đa dạng: giáp các tỉnh Đắk Lắk, Đồng Nai, Khánh Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Vương quốc Campuchia và Biển Đông. Trung tâm chính trị - hành chính của tỉnh được đặt tại thành phố Đà Lạt.

Căn cứ Điều 3 Quyết định số 381/QĐ-BTC ngày 26/2/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thuế

³¹ Xem thêm chức năng, nhiệm vụ của Phòng QLN & CCNT tại Quyết định số 211/QĐ-TCT ngày 12 tháng 3 năm 2019 của Tổng cục Thuế về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng và văn phòng thuộc Cục Thuế

(được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 1 Quyết định số 2229/QĐ-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính), Thuế tỉnh Lâm Đồng được tổ chức theo đơn vị hành chính của tỉnh Lâm Đồng, trên cơ sở sáp nhập Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng, Cục Thuế tỉnh Bình Thuận và Cục Thuế tỉnh Đắk Nông. Thuế tỉnh Lâm Đồng có tư cách pháp nhân, con dấu riêng, được cấp mã cơ quan quản lý thu và được mở tài khoản tại KBNN theo quy định của pháp luật.

Để đáp ứng yêu cầu quản lý trên một địa bàn hành chính rộng lớn, đa dạng về kinh tế - xã hội, cơ cấu tổ chức của Thuế tỉnh Lâm Đồng được thiết kế theo hướng chuyên môn hóa cao, được tổ chức thành các phòng tham mưu thuộc Thuế tỉnh, thành phố và các thuế cơ sở. Theo Quyết định số 1376/QĐ-CT ngày 30/06/2025 của Cục trưởng Cục Thuế (trước đây là Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế), bộ máy hiện nay bao gồm:

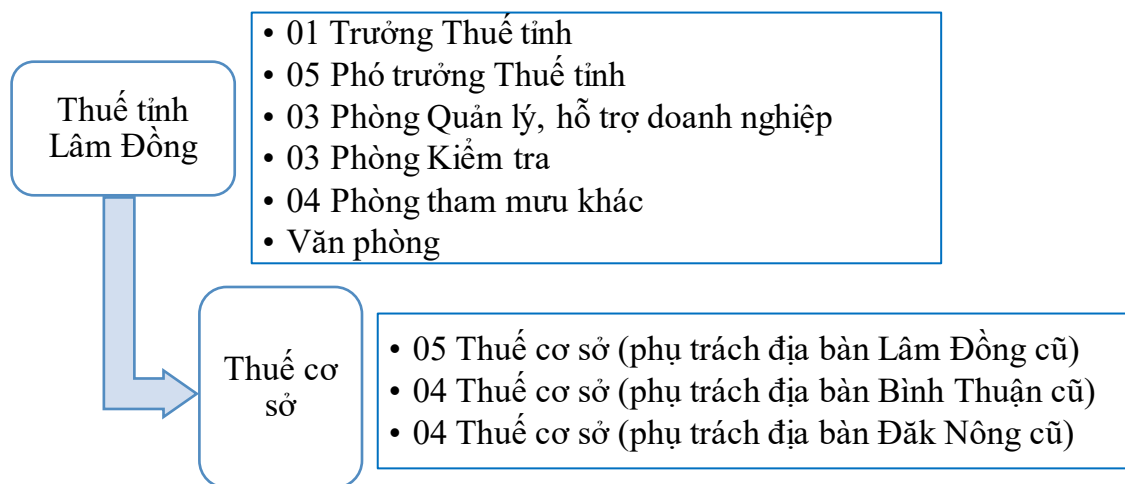
- Khối các phòng tham mưu: Gồm 11 phòng chức năng; trong đó, có 03 Phòng Quản lý, hỗ trợ DN và 03 Phòng Kiểm tra, Văn phòng và 04 Phòng tham mưu khác bao gồm Phòng Tổ chức cán bộ; Phòng Nghiệp vụ, dự toán, pháp chế; Phòng Thuế cá nhân, hộ kinh doanh và thu khác; Phòng Quản trị dữ liệu và quản lý rủi ro.

- Khối các đơn vị cơ sở: Gồm 13 Thuế cơ sở (từ Thuế cơ sở 1 đến Thuế cơ sở 13) trải dài trên toàn địa bàn tỉnh. Các đơn vị này có tư cách pháp nhân, con dấu riêng và tài khoản tại KBNN, trực tiếp thực hiện nhiệm vụ quản lý thuế theo từng khu vực.

Sự hợp nhất và tái cơ cấu bộ máy đã tạo ra nguồn lực tập trung mạnh mẽ để thực thi pháp luật thuế, song cũng đặt ra thách thức lớn trong giai đoạn chuyển giao. Đặc biệt trong công tác QLN, hệ thống mới - với lực lượng chủ đạo là các Phòng Quản lý, hỗ trợ doanh nghiệp 1 (phụ trách địa bàn Lâm Đồng cũ); Phòng Quản lý, hỗ trợ doanh nghiệp 2 (phụ trách địa bàn Bình Thuận cũ) và Phòng Quản lý, hỗ trợ doanh nghiệp 3 (phụ trách địa bàn Đắk Nông cũ) và mạng lưới Thuế cơ sở – phải tiếp tục theo dõi và xử lý khối lượng nợ đọng lớn phức tạp từ các tỉnh cũ chuyển sang³². Điều

³² Tham khảo: Thông báo kết quả kiểm toán số 85/TB-KV XII ngày 23/9/2025 của Kiểm toán nhà nước KV XII tại Cục Thuế tỉnh Bình Thuận (cũ).

này đòi hỏi một cơ chế phối hợp nội ngành chặt chẽ, nhịp nhàng và quyết liệt để bảo đảm hiệu quả QLNT thuế trong bối cảnh mới.



Hình 2. 2 Cơ cấu tổ chức Thuế tỉnh Lâm Đồng (sau sáp nhập)

2.1.2 Tổ chức bộ máy quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế

Căn cứ Quyết định 3736/QĐ-CT ngày 31/12/2025 của Cục Thuế về quy định chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng, các Phòng thuộc Thuế tỉnh, thành phố và Quyết định số 3737/QĐ-CT ngày 31/12/2025 của Cục Thuế quy định mô hình tổ chức quản lý thuế của Thuế cơ sở, Phòng Quản lý, hỗ trợ doanh nghiệp thuộc Thuế tỉnh và Tổ Quản lý, hỗ trợ doanh nghiệp thuộc Thuế cơ sở sẽ thực hiện toàn bộ công tác liên quan đến QLNT và CCNT.

Hiện tại theo cơ cấu tổ chức trong mô hình mới, CQT tổ chức quản lý thuế theo đối tượng từ năm 2025 thay vì quản lý theo chức năng như trước đây. Toàn bộ việc quản lý thuế từ kê khai, nộp thuế, hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế, hỗ trợ NNT, QLNT và cưỡng chế từng NNT đều được gán tên cho từng cán bộ thuế quản lý trực tiếp DN, đảm bảo nguyên tắc "rõ người - rõ việc - rõ trách nhiệm".

Theo thống kê của Phòng Tổ chức cán bộ - Thuế tỉnh Lâm Đồng, tại thời điểm ngày 31/12/2025, Phòng Quản lý, hỗ trợ doanh nghiệp 2 (phụ trách quản lý thuế địa bàn tỉnh Bình Thuận cũ) có 01 Trưởng phòng, 03 Phó Trưởng phòng và 31 Kiểm tra viên thuế; 100% công chức có trình độ chuyên môn từ Đại học trở lên. Tại Thuế cơ

sở 6, 7, 8, 9 (trước đây là các Chi cục Thuế trực thuộc Cục Thuế tỉnh Bình Thuận) có tổng 36 công chức trong đó có 09 Công chức giữ chức vụ lãnh đạo và 27 Công chức không giữ chức vụ lãnh đạo³³.

2.1.3 Công tác chỉ đạo, triển khai văn bản pháp luật

Công tác QLNT ở Thuế tỉnh Lâm Đồng được triển khai dựa trên hệ thống văn bản chỉ đạo từ cấp trên, đảm bảo tính kịp thời và phù hợp với thực tiễn. Trước tình trạng nợ thuế tăng nhanh, CQT đã chủ động đưa ra các giải pháp cấp bách nhằm tăng tốc thu hồi nợ thuế, ngăn chặn rủi ro đánh mất nguồn thu NSNN.

Thực hiện chỉ đạo của Cục Thuế tại Công văn số 971/CT-NVT ngày 29/4/2025 về tăng cường công tác QLNT và CCNT, Thuế tỉnh Lâm Đồng đã ban hành Công văn số 1015/CCTKV15-NVDTPC ngày 27/5/2025 gửi cho các đơn vị thuộc và trực thuộc; trong đó giao chỉ tiêu tổng số tiền thuế nợ (không bao gồm nợ đang xử lý và nợ đã xử lý) không được vượt quá 8% và nợ có khả năng thu không vượt quá 5% trên tổng số thực thu NSNN năm 2025, phấn đấu thu 80% các khoản tiền thuế nợ có khả năng thu tại thời điểm ngày 31/12/2024. Việc giao chỉ tiêu được thực hiện chi tiết đến từng bộ phận và cá nhân công chức quản lý, lấy kết quả thu nợ làm căn cứ xếp loại hoàn thành nhiệm vụ và bình xét thi đua, tạo ra cơ chế ràng buộc trách nhiệm pháp lý rõ ràng. Đồng thời, Công văn đề nghị các Phòng, các Đội tăng cường làm việc trực tiếp với NNT để đối chiếu, thu hồi nợ thuế. Đồng thời, nợ sai, nợ ảo phải được xử lý trước ngày 25 hằng tháng (*trước khi Cục Thuế thực hiện khóa sổ kế toán*). Công tác cưỡng chế thu hồi nợ thuế phải được phân loại và xử lý sớm đối với các DN nợ trên 90 ngày và có số thuế nợ từ 100 triệu đồng trở lên.

Hoạt động triển khai pháp luật không chỉ dừng lại ở việc đôn đốc mà còn tập trung vào tính nghiêm minh của các chế tài hành chính. Trên cơ sở Công văn số 1851/CT-NVT ngày 18/6/2025 của Cục Thuế, đơn vị đã quyết liệt thực hiện việc

³³ Xem thêm: Điều 6 Quyết định số quy định chức năng, nhiệm vụ của Phòng Quản lý, hỗ trợ doanh nghiệp 3736/QĐ-CT ngày 31/12/2025 của Cục Thuế.

công khai danh tính NNT chây ỳ trên các phương tiện thông tin đại chúng và website ngành Thuế để đảm bảo minh bạch thông tin và nâng cao ý thức trách nhiệm của NNT với NSNN. Nhận được thông tin phản ánh từ cơ quan báo chí, CQT một số địa phương chưa thực hiện tốt việc rà soát, đối chiếu dữ liệu khi công khai thông tin nợ thuế của NNT trên các phương tiện thông tin đại chúng, do đó Cục Thuế đã đề nghị các Thuế tỉnh tăng cường rà soát dữ liệu, nếu thông tin phát hiện không chính xác, Thủ trưởng CQT phải đính chính thông tin đã công khai cho công chúng.

Đồng thời, Thuế tỉnh đã ban hành các văn bản như Công văn số 422/CCTKV.15-NVDTPC ngày 22/04/2025 và Công văn số 868/CCTKV15-QLDN5 ngày 16/05/2025 nhằm chuẩn hóa quy trình xử lý nợ; từ khâu đơn đốc qua điện thoại, email đối với khoản nợ dưới 30 ngày đến việc ban hành 100% Thông báo tiền thuế nợ (Mẫu 01/TTN) và chuyển sang cưỡng chế ngay khi nợ quá hạn 90 ngày.

Một điểm mới trong công tác chỉ đạo giai đoạn 2025 là việc tập trung nhận diện người thực sự đứng sau doanh nghiệp nhằm ngăn chặn tình trạng thuê người đại diện pháp luật để trốn tránh nợ thuế. Theo hướng dẫn tại Công văn số 868/CCTKV15-QLDN5 ngày 16/5/2025, CQT yêu cầu rà soát kỹ danh sách chủ sở hữu hưởng lợi để áp dụng biện pháp THXC theo đúng quy định tại Nghị định 49/2025/NĐ-CP.

Để đánh giá hiệu quả thực thi, Thuế tỉnh Lâm Đồng tích cực tham gia định kỳ Hội nghị kiểm đếm công tác QLN của Cục Thuế tổ chức (02 lần/năm). Thông báo số 807/TB-CT ngày 09/10/2025 và Thông báo số 3883/TB-LDO ngày 17/11/2025 về kết luận sau hội nghị chuyên đề đã chỉ rõ định hướng tháo gỡ khó khăn cho NNT thông qua việc xử lý gia hạn nợ, miễn tiền chậm nộp theo quy định. Thông báo số 3883 cũng nhấn mạnh việc phối hợp chặt chẽ với cơ quan Công an theo Quy chế phối hợp số 288/QCPH-CA-TLDO để điều tra, xử lý các trường hợp cố ý tẩu tán tài sản hoặc bỏ trốn mang theo nợ thuế. Việc đối thoại trực tiếp với các DN nợ lớn dưới sự chủ trì của UBND tỉnh để phối hợp giữa CQT với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm xử lý dứt điểm các vướng mắc về thủ tục đất đai, khoáng sản; đồng thời,

tạo áp lực hành chính trực tiếp, buộc các chủ thể vi phạm phải tự giác hoàn thành nghĩa vụ với NSNN.

2.2. Thực trạng nợ thuế tại địa bàn Bình Thuận cũ giai đoạn 2021 – 2025

2.2.1 Quy mô và sự biến động của tổng nợ thuế

Tình hình nợ thuế qua các năm của NNT trên địa bàn tỉnh Bình Thuận cũ từ năm 2021 – 2025 được thể hiện qua bảng số liệu sau:

Bảng 2.1 Tình hình nợ thuế của tỉnh Bình Thuận cũ từ năm 2021 – 2025

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2021	2022	2023	2024	2025	So sánh	
						2025/2024	
						+/-	%
Tổng nợ	848	1.333	1.636	1.609	2.431	+822	+51,1%
Tổng thu NSNN	10.128	10.089	9.362	9.618	10.405	+787	+8,2%
Tổng nợ/Tổng thu NSNN	8,4%	13,2%	17,5%	16,7%	23,4%	+6,7%	

(Nguồn: Báo cáo Tổng kết công tác nợ của Cục Thuế tỉnh Bình Thuận qua các năm)

Qua dữ liệu bảng 2.1, giai đoạn 2021 - 2025 chứng kiến sự biến động phức tạp và gia tăng mạnh về quy mô nợ thuế trên địa bàn. Bức tranh nợ đọng thuế trong 5 năm này phản ánh những tác động tiêu cực từ hậu quả của đại dịch Covid-19. Sự biến động được chia thành 2 giai đoạn:

Giai đoạn 2021 – 2023 có số tiền thuế nợ tăng rất cao. Tổng nợ tăng cao từ 848 tỷ đồng (năm 2021) lên đỉnh điểm 1.636 tỷ đồng (năm 2023), tương ứng với tỷ lệ nợ trên tổng thu NSNN tăng vọt từ 8,4% lên mức rất cao là 17,5%. Sự gia tăng đột biến này xuất phát từ các nguyên nhân chủ yếu:

- Nền kinh tế chịu ảnh hưởng nặng nề sau đại dịch Covid-19, dẫn đến nhiều DN làm ăn thua lỗ, mất khả năng thanh toán hoặc bỏ địa chỉ kinh doanh, khiến nợ khó thu tăng mạnh³⁴. Chỉ tính riêng giai đoạn này, theo kết quả kết xuất từ TMS ngày 01/3/2026, gần 10% số doanh nghiệp trên địa bàn giải thể hoặc phá sản hoặc bỏ trốn khỏi địa chỉ kinh doanh³⁵.

- Số nợ đọng lớn đến từ tiền thuê đất, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (KTKS) của các dự án bất động sản (BDS), du lịch. Các dự án này đang vướng mắc về thủ tục đền bù, giải phóng mặt bằng hoặc chưa được cấp phép khai thác khoáng sản. Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành trong giai đoạn này vẫn chưa quy định đối với dừng lập bộ tiền thuê đất, tiền cấp quyền KTKS và dừng tính tiền chậm nộp đối với các doanh nghiệp bị thu hồi, đình chỉ hoặc hạn chế sử dụng đất, mô trên thực tế (trường hợp của Công ty Cổ phần XX, Công ty TNHH T.G.X, Công ty TNHH Đ.T.S.G,...)³⁶. Do đó, hệ thống quản lý thuế vẫn tự động tính nợ và phạt tiền chậm nộp, khiến số nợ gia tăng hàng năm.

- Nhiều DN sản xuất, phân phối điện lâm vào cảnh nợ thuế do chưa được Công ty Mua bán điện (Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)) thanh toán tiền bán điện, dẫn đến thiếu hụt nguồn tiền để nộp vào NSNN như các Công ty điện gió, điện mặt trời trên địa bàn huyện Bắc Bình, huyện Tuy Phong thuộc tỉnh Bình Thuận cũ (trước sáp nhập). Theo quy định Luật Quản lý thuế, các DN này có thể thực hiện hồ sơ nộp dần tiền thuế nợ. Tuy nhiên, yêu cầu thành phần hồ sơ nộp cho CQT phải có thư bảo lãnh

³⁴ Xem thêm: Lan Trung, "Thu ngân sách tháng 8 giảm mạnh so với cùng kỳ", www.gdt.gov.vn, ngày 07 tháng 9 năm 2021. Công tác thu nợ thuế trên cả nước Việt Nam như sau: “Về công tác thu nợ thuế, 8 tháng đầu năm, toàn ngành thuế đã thực hiện thu hồi nợ đọng đạt 20.900 tỷ đồng, đạt 69,4% chỉ tiêu thu nợ giao. Tuy nhiên, tổng số nợ thuế của toàn ngành vẫn tăng. Số nợ thuế tăng cao chủ yếu do ảnh hưởng bởi các đợt bùng phát dịch COVID-19 với diễn biến phức tạp, nhiều địa phương phải giãn cách xã hội dẫn đến người nộp thuế gặp khó khăn trong sản xuất kinh doanh, ảnh hưởng đến công tác thu hồi nợ thuế.”

³⁵ Trong 4.849 doanh nghiệp do Cục Thuế tỉnh Bình Thuận (cũ) quản lý có 437 doanh nghiệp đóng cửa; cụ thể có 02 DN tạm ngừng kinh doanh, 220 DN giải thể, 01 DN làm thủ tục phá sản và 214 DN bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh.

³⁶ Bài nghiên cứu viết tắt tên doanh nghiệp để đáp ứng yêu cầu bảo mật thông tin NNT theo quy định tại Điều 7 Luật Quản lý thuế 2025.

từ tổ chức tín dụng; trong khi hoạt động này phát sinh mức phí bảo lãnh và các chi phí khác khiến doanh nghiệp không thể chi trả để thực hiện³⁷.

- Một số chủ đầu tư dự án BĐS thu tiền của khách hàng và tự kê khai thuế, nhưng do dự án chưa đủ điều kiện giao dịch pháp lý nên không nộp tiền vào ngân sách, tạo thành các khoản nợ thuế lớn trên hệ thống (trường hợp của Công ty D.V, Công ty Cổ phần H.G.H).

Giai đoạn 2024 – 2025 ghi nhận nỗ lực kiểm soát nợ của CQT nhưng chưa hiệu quả. Quy mô nợ năm 2024 ghi nhận sự sụt giảm 1,7% so với năm 2023, lùi về mức 1.609 tỷ đồng; tỷ lệ nợ/tổng thu NSNN giảm xuống còn 16,70%. Kết quả này đến từ việc CQT đã triển khai quyết liệt, đồng bộ các biện pháp cưỡng chế, đặc biệt là hàng ngàn QĐCC trích tiền từ tài khoản, ngừng sử dụng hóa đơn đã được ban hành. Việc áp dụng biện pháp THXC đối với người đại diện theo pháp luật của các DN chây ỳ, bỏ trốn, tạo tính răn đe rất cao buộc nhiều DN phải nộp tiền vào ngân sách. Tuy nhiên, sang đến năm 2025, mặc dù CQT tiếp tục thực hiện nhiều biện pháp đơn đốc nợ nhưng nợ từ các khoản thu liên quan đến vướng mắc pháp lý về đất, KTKS vẫn là gánh nặng lớn nhất (692 tỷ đồng, chiếm 28% tổng nợ năm 2025). Cụ thể, Công ty TNHH Đ.T.S.G nợ 160 tỷ đồng; Công ty TNHH D.V nợ 228 tỷ đồng; Công ty TNHH T.T.N nợ 66 tỷ đồng; Công ty CP XD XX nợ 52 tỷ; Công ty CP T.Z nợ thuế 46,6 tỷ; Công ty CP L.S nợ thuế 36,8 tỷ; Công ty TNHH thương mại T.Q.C nợ 32 tỷ.

2.2.2 Phân tích cơ cấu nợ thuế theo tính chất

Cơ cấu nợ thuế theo tính chất trên địa bàn tỉnh Bình Thuận cũ từ năm 2021 – 2025 được thể hiện qua bảng số liệu sau:

Bảng 2. 2 Cơ cấu nợ thuế theo tính chất của tỉnh Bình Thuận (cũ) năm 2021-2025

Đơn vị tính: tỷ đồng

³⁷ Tham khảo: Điều 66 Thông tư số 80/2021/TT-BTC quy định về thủ tục nộp dần tiền thuế nợ.

Chỉ tiêu	2021	2022	2023	2024	2025	So sánh	
						2025/2024	
						+/-	%
Tổng nợ	848	1.333	1.636	1.609	2.431	+822	+51,1%
Nợ khả năng thu	729	612	705	880	1.915	+1.035	+117,6%
- Tỷ trọng	85,9%	45,9%	43,1%	54,7%	78,8%	+24,1%	-
Nợ khó thu	84	116	110	169	239	+70	+41,4%
- Tỷ trọng	9,9%	8,7%	6,7%	10,5%	9,8%	-0,7%	
Nợ đang xử lý ³⁸	35	605	821	559	277	-282	-50,4%
- Tỷ trọng	4,2%	45,4%	50,2%	34,8%	11,4%	-23,4%	-

(Nguồn: Báo cáo Tổng kết công tác nợ của Cục Thuế tỉnh Bình Thuận qua các năm)

Qua bảng số liệu 2.2, có thể phân tích sự chuyển dịch cơ cấu nợ thuế theo từng nhóm tính chất như sau:

Nợ có khả năng thu là nhóm chiếm tỷ trọng lớn nhất và có tác động trực tiếp đến kết quả thu ngân sách, cũng là đối tượng chính của các biện pháp đôn đốc và cưỡng chế. Trong giai đoạn 2021–2024, số nợ có khả năng thu duy trì ở mức tương đối ổn định, dao động từ 700 đến 800 tỷ đồng mỗi năm. Tuy nhiên, tỷ trọng của nhóm này lại giảm rõ rệt, từ mức 85,1% năm 2021 xuống còn khoảng 43%–54% trong các năm 2022–2024. Sự thay đổi này phản ánh nỗ lực của CQT trong việc phân tích, rà soát, tạo cơ sở phân loại một phần lớn nợ sang nhóm nợ đang xử lý, nhằm phản ánh đúng bản chất vướng mắc của các dự án. Đến năm 2025, tình hình có sự biến động mạnh. Số nợ có khả năng thu tăng vọt lên 1.915 tỷ đồng, tức tăng 118% so với năm 2024, và chiếm gần 79% tổng cơ cấu nợ của Thuế tỉnh Lâm Đồng. Đáng lo ngại là trong số này có tới 1.509 tỷ đồng là nợ đã quá hạn trên 90 ngày. Đây là mức rất cao cho thấy các biện pháp nhắc nhở hành chính thông thường không phát huy nhiều tác dụng, buộc CQT phải khẩn trương rà soát và áp dụng đồng bộ nhiều biện pháp cưỡng chế để đảm bảo hiệu quả thu hồi cho ngân sách.

³⁸ Nhóm “Nợ đang xử lý” đã bao gồm cả tiền thuế đang chờ điều chỉnh và tiền thuế đang khiếu nại, khiếu kiện.

Nhóm nợ khó thu trong giai đoạn 2021 – 2025 phản ánh những khoản nợ gần như không còn khả năng thu hồi, với xu hướng gia tăng liên tục từ 84 tỷ đồng năm 2021 lên 239 tỷ đồng năm 2025. Đặc biệt trong hai năm cuối, cho thấy nền kinh tế vô cùng khó khăn khi nhiều DN không thể duy trì hoạt động. Cơ cấu năm 2025 cho thấy 63% (khoảng 151 tỷ đồng) phát sinh từ NNT đã bỏ địa chỉ kinh doanh, 13% (khoảng 30 tỷ đồng) từ các trường hợp bị cưỡng chế hóa đơn nhiều lần, và 24% (khoảng 58 tỷ đồng) thuộc diện NNT đã chết, mất tích, giải thể hoặc phá sản. Đáng chú ý là số lượng nợ thuộc về các DN âm thầm bỏ địa chỉ kinh doanh, không làm thủ tục giải thể theo Luật Doanh nghiệp và cũng không mở thủ tục phá sản tại Tòa án theo Luật Phục hồi, phá sản.

Nhóm nợ đang xử lý và chờ điều chỉnh trong giai đoạn 2021 từ mức chỉ 35 tỷ đồng năm 2021, số nợ này đã tăng vọt lên 605 tỷ đồng năm 2022 và đạt đỉnh 821 tỷ đồng năm 2023, chiếm hơn 50% tổng nợ toàn địa bàn. Sự gia tăng này chủ yếu đến từ nợ đang xử lý miễn thuế, giảm thuế hoặc xác định lại nghĩa vụ của NNT (462 tỷ đồng), đang xử lý gia hạn nộp thuế (99 tỷ đồng), đang xử lý nộp dần tiền thuế nợ là (89 tỷ đồng), tiền thuế nợ đang khiếu nại, khởi kiện là (170 tỷ). Trong năm 2025, Thuế tỉnh Lâm Đồng đã tập trung nguồn lực để phối hợp với các Sở, ngành liên quan nhằm giải quyết khiếu nại, khiếu kiện của NNT, đồng thời điều chỉnh triệt để các khoản nợ sai và nợ ảo phát sinh do lỗi luân chuyển chứng từ từ NH, KBNN, lỗi nộp sai thông tin trên giấy nộp tiền của NNT³⁹. Tỷ trọng nhóm nợ này giảm mạnh xuống còn 277 tỷ đồng, tương ứng mức giảm 50% trong năm 2025.

2.2.3 Phân tích cơ cấu nợ theo sắc thuế và loại hình NNT

***Phân tích cơ cấu nợ theo sắc thuế**

Cơ cấu nợ thuế theo sắc thuế trên địa bàn tỉnh Bình Thuận cũ từ năm 2021 – 2025 được thể hiện qua bảng số liệu sau:

³⁹ Tham khảo quy trình tra soát chứng từ nộp sai, lỗi truyền nhận, hạch toán chứng từ tại Điều 69 Thông tư số 80/2021/TT-BTC.

Bảng 2. 3 Cơ cấu nợ theo sắc thuế của tỉnh Bình Thuận cũ từ năm 2021 – 2025*Đơn vị tính: tỷ đồng*

Chỉ tiêu	2021	2022	2023	2024	2025	So sánh	
						2025/2024	
						+/-	%
Tổng nợ	848	1.333	1.636	1.609	2.431	+822	+51,1%
Thuế, phí, lệ phí	477	803	880	622	1.274	+652	+104,8%
- Tỷ trọng	56,3%	60,2%	53,8%	38,7%	52,4%	+13,7%	-
Tiền thuê đất	130	222	414	537	692	+155	+28,9%
- Tỷ trọng	15,3%	16,7%	25,3%	33,4%	28,5%	-4,9%	-
Thu khác ⁴⁰	31	32	135	142	147	+5	+3,5%
- Tỷ trọng	3,7%	2,4%	8,3%	8,8%	6,0%	-2,8%	-
Tiền chậm nộp	210	276	207	307	318	+11	+3,6%
- Tỷ trọng	24,8%	20,7%	12,7%	19,1%	13,1%	-6,0%	-

(Nguồn: Báo cáo Tổng kết công tác nợ của Cục Thuế tỉnh Bình Thuận qua các năm)

Qua phân tích dữ liệu tại bảng 2.3, có thể thấy:

Thuế, phí, lệ phí trong giai đoạn 2021–2023 có số nợ duy trì ở mức cao, từ 477 tỷ đồng năm 2021 lên 880 tỷ đồng năm 2023. Nhờ các biện pháp đôn đốc và cường chế quyết liệt, con số này giảm xuống còn 622 tỷ đồng (chiếm 38,7%) vào năm 2024. Tuy nhiên, đến năm 2025, nợ lại tăng vọt lên 1.274 tỷ đồng, tăng 104,8% so với năm trước và chiếm tới 52,4% tổng nợ. Thuế GTGT là thuế gián thu lại là sắc thuế có tỷ trọng nợ lớn nhất. Việc nợ đọng cao cho thấy một bộ phận DN đã cố tình chiếm dụng tiền thuế từ khách hàng để giải quyết khó khăn về vốn. Đáng chú ý, năm 2025, nợ thuế thu nhập DN tăng từ 76 tỷ đồng cuối năm 2024 lên 644 tỷ đồng cuối năm 2025, chủ yếu do Tổng Công ty Phát điện 3 kê khai bổ sung Tờ khai quyết toán

⁴⁰ Thu khác bao gồm tiền cấp quyền khai thác tài nguyên (khoáng sản, nước) và tiền xử phạt vi phạm hành chính

thuế TNDN phát sinh lỗi gây nợ ảo ở địa bàn nhận khoản thu phân bổ là Bình Thuận (cũ), số nợ ảo là 373 tỷ đồng đang chờ Cục Thuế hướng dẫn xử lý⁴¹.

Nhóm các khoản thu từ đất trở thành nợ lớn và khó xử lý nhất có số nợ tăng liên tục từ 130 tỷ đồng năm 2021 (chiếm 15,3% tổng nợ) lên 414 tỷ đồng năm 2023, 537 tỷ đồng năm 2024 và đạt 692 tỷ đồng năm 2025 (chiếm 28,5%). Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ các dự án BĐS, KTKS và du lịch nghỉ dưỡng vướng mắc pháp lý về đất đai như chậm giao đất, chậm giải phóng mặt bằng hoặc chờ điều chỉnh quy hoạch. Dù chưa thể triển khai kinh doanh, CQT vẫn phải lập bộ tính tiền thuê đất và tiền sử dụng đất hằng năm, khiến số nợ trên sổ sách tăng đều nhưng thực tế không thể thu hồi⁴².

Nhóm tiền chậm nộp duy trì ở mức rất cao, từ 210 tỷ đồng năm 2021 lên 318 tỷ đồng năm 2025. Đây là hệ quả tất yếu từ các khoản nợ gốc lớn bị treo nhiều năm. Hệ thống tự động tính thêm mức phạt 0,03%/ngày trên số tiền chậm nộp⁴³. Ngoài ra, việc hạch toán tiền chậm nộp đối với các khoản tạm nộp thuế TNDN theo quý, căn cứ Nghị định 126/2020/NĐ-CP và Nghị định 91/2022/NĐ-CP, cũng làm phát sinh tăng đột biến⁴⁴.

Nhóm các khoản thu khác bao gồm tiền phạt vi phạm hành chính, tiền cấp quyền KTKS và các khoản thu khác. Tỷ trọng dao động từ 2,4% đến 8,8% qua các năm, tăng từ 31 tỷ đồng năm 2021 lên 147 tỷ đồng năm 2025. Sự gia tăng chủ yếu

⁴¹ Xem thêm: Công văn số 2216/LDO-QLDN2 ngày 19/3/2026 của Thuế tỉnh Lâm Đồng gửi Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn – Cục Thuế về việc báo cáo tình hình nợ thuế phát sinh do lỗi ứng dụng và phối hợp xử lý.

⁴² Thực trạng tương tự như đã trình bày tại 2.2.1 của bài nghiên cứu.

⁴³ Xem thêm: điểm a khoản 2 Điều 59 Luật Quản lý thuế 2019, điểm a khoản 2 Điều 16 Luật Quản lý thuế 2025.

⁴⁴ Bản chất việc phát sinh tăng đột biến tiền chậm nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) xuất phát khi có chênh lệch giữa số thuế tạm nộp thuế TNDN theo quý và số thuế quyết toán thuế TNDN theo năm. Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP, doanh nghiệp buộc phải tạm nộp ít nhất 75% số thuế TNDN quyết toán năm trong ba quý đầu năm; tuy nhiên, Nghị định số 91/2022/NĐ-CP đã sửa đổi theo hướng có lợi cho NNT khi yêu cầu tổng số thuế tạm nộp của cả bốn quý không được thấp hơn 80% số quyết toán TNDN năm. Trong thực tế, hệ thống TMS chỉ đối chiếu khi doanh nghiệp nộp Tờ khai quyết toán năm (chậm nhất ngày 31/3). Nếu tổng số tiền tạm nộp 04 quý thấp hơn 80% số phải nộp, hệ thống sẽ tự động tính tiền chậm nộp với mức 0,03%/ngày, truy hồi từ ngày 31/1 (hết hạn tạm nộp quý IV) cho đến khi doanh nghiệp nộp đủ phần thiếu vào NSNN.

đến từ tiền cấp quyền KTKS và tài nguyên nước, đặc biệt ở các DN đang chờ đóng mỏ KTKS, chờ giải thể hoặc vướng mắc pháp lý khi thay đổi trữ lượng khoáng sản được khai thác. Cụ thể, trường hợp Công ty CP XD XX có mỏ đá xây dựng Tây Nam Tà Zôn (Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận (cũ)) được phê duyệt tiền cấp quyền khai thác từ năm 2014. Tổng số tiền phải nộp theo quyết định phê duyệt: 31,86 tỷ đồng. Đến 31/12/2025, công ty đã nộp 7,73 tỷ đồng, còn nợ 24,12 tỷ đồng. Thuế tỉnh đã nhiều lần gửi công văn cung cấp số liệu sản lượng khai thác cho Sở NN&MT để đối chiếu. Sở NN&MT cũng có văn bản phản hồi, nhưng vẫn tồn tại sự khác biệt giữa số liệu kê khai của doanh nghiệp và số liệu cơ quan tài nguyên. Theo giải trình của DN, do khối lượng KTKS thực tế giảm hơn nhiều so với trữ lượng khai thác đã được cấp phép do thu hẹp phạm vi khai thác. Căn cứ Luật Địa chất & Khoáng sản 2024 và Nghị định 193/2025/NĐ-CP, công ty vẫn phải thực hiện theo quyết định phê duyệt tiền cấp quyền hiện hành cho đến khi có quyết định thay thế. Sau khi có kết quả quyết toán, cơ quan thuế sẽ xử lý số tiền nộp thừa hoặc bổ sung theo quy định⁴⁵. Tuy nhiên, Công ty không thể sắp xếp tài chính để nộp tiền vào NSNN dẫn đến khoản nợ thuế kéo dài buộc phải thực hiện cưỡng chế thuế.

***Phân tích cơ cấu nợ theo loại hình người nộp thuế**

Cơ cấu nợ thuế theo loại hình NNT trên địa bàn tỉnh Bình Thuận cũ từ năm 2021 – 2025 được thể hiện qua bảng số liệu sau:

Bảng 2. 4 Cơ cấu nợ thuế theo loại hình NNT của tỉnh Bình Thuận cũ từ năm 2021 – 2025

Đơn vị tính: tỷ đồng

⁴⁵ Xem thêm: Điều khoản chuyển tiếp tại Điều 111 Luật Địa chất và Khoáng sản năm 2024 quy định Các quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản hoặc tiền trúng đấu giá quyền khai thác vẫn tiếp tục có hiệu lực thi hành cho đến khi có quyết định thay thế của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Tại khoản 8, khoản 9 Điều 139 Nghị định 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025, nếu số tiền cấp quyền KTKS đã nộp lớn hơn số phải nộp sau quyết toán thì cơ quan thuế xem xét hoàn trả hoặc bù trừ vào nghĩa vụ nộp các kỳ sau cho NNT.

Chỉ tiêu	2021	2022	2023	2024	2025	So sánh	
						2025/2024	
						+/-	%
Tổng nợ	848	1.333	1.636	1.609	2.431	+822	+51,1%
DNNN TW	31	21	2	3	380	+377	+12.566,7%
- Tỷ trọng	3,7%	1,6%	0,1%	0,2%	15,6%	+15,4%	-
DNNN ĐP	22	60	146	29	241	+212	+731,0%
- Tỷ trọng	2,6%	4,5%	8,9%	1,8%	9,9%	+8,1%	-
DN nước ngoài	28	63	42	55	41	-14	-25,5%
- Tỷ trọng	3,3%	4,7%	2,6%	3,4%	1,7%	-1,7%	-
DN NQD	693	1.059	1.190	1.116	1.296	+180	+16,1%
- Tỷ trọng	81,7%	79,4%	72,7%	69,4%	53,3%	-16,1%	-
HKD	75	130	256	406	473	+67	+16,5%
- Tỷ trọng	8,8%	9,8%	15,6%	25,2%	19,5%	-5,7%	-

(Nguồn: Báo cáo Tổng kết công tác nợ của Cục Thuế tỉnh Bình Thuận qua các năm)

Qua bảng số liệu 2.4:

Khối DN NQD luôn là khu vực có số nợ tuyệt đối lớn nhất và chiếm tỷ trọng áp đảo trong cơ cấu nợ. Nợ của khối này tăng mạnh từ 693 tỷ đồng (chiếm 81,7% năm 2021) lên 1.116 tỷ đồng (năm 2024) và đạt 1.296 tỷ đồng vào năm 2025. Sự gia tăng nợ ở khu vực này xuất phát từ những khó khăn nội tại của nền kinh tế hậu đại dịch.

Khối DNNN có nợ được duy trì ở mức tương đối thấp và trong tầm kiểm soát (chỉ chiếm từ 0,1% đến dưới 9% tổng nợ) trong giai đoạn 2021-2024. Tuy nhiên, bước sang năm 2025, khối này ghi nhận sự gia tăng đột biến. Cụ thể, nợ của DNNN Trung ương vọt lên 380 tỷ đồng (tăng 12.566,7% so với năm 2024), và DNNN Địa phương đạt 241 tỷ đồng (tăng 731,0%). Nhiều khoản nợ liên quan đến vướng mắc tiền chậm nộp tiền thuê đất của các đơn vị sự nghiệp công lập khi chuyển từ hình thức

giao đất không thu tiền sang thuê đất và các DN điện thuộc Tập đoàn EVN có Tờ khai phân bổ TNDN bị lỗi làm phát sinh nợ ảo⁴⁶.

Khối HKD và cá nhân gia tăng nợ đều đặn và dai dẳng từ mức 75 tỷ đồng (năm 2021) lên 473 tỷ đồng vào năm 2025 (tăng 16,5% so với 2024), chiếm 19,5% tổng cơ cấu nợ. Sự gia tăng này chủ yếu đến từ các khoản nợ tiền sử dụng đất của cá nhân (phát sinh từ trúng đấu giá đất nhưng chưa nộp tiền), lệ phí trước bạ và các HKD nợ thuế. Mặc dù số nợ từng cá nhân/HKD không quá lớn, nhưng do tính phân tán, số lượng đông đảo và khó áp dụng triệt để các biện pháp cưỡng chế (như trích tài khoản NH do họ thường không để số dư), nhóm nợ này tạo ra gánh nặng theo dõi hành chính rất lớn cho CQT⁴⁷.

Điểm sáng đến từ khối DN có vốn đầu tư nước ngoài được ghi nhận sự sụt giảm nợ trong năm 2025. Tổng nợ của khối FDI giảm 25,5% (từ 55 tỷ đồng năm 2024 xuống còn 41 tỷ đồng năm 2025), chỉ còn chiếm 1,7% tỷ trọng tổng nợ toàn địa bàn. Diễn biến này phản ánh năng lực tài chính ổn định, quy trình quản trị rủi ro tốt và ý thức tuân thủ pháp luật thuế cao của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài so với các khối DN trong nước.

⁴⁶ Tuyết Thu, “*Trình xin ý kiến Quốc hội về xử lý số nợ tiền thuê đất của đơn vị sự nghiệp công lập*”, Chính phủ điện tử (Chinhphu.vn), ngày 29/8/2025. Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 259/NQ-CP ngày 29/8/2025 về việc trình Quốc hội xin ý kiến xử lý số nợ tiền thuê đất của các đơn vị sự nghiệp công lập. Theo đó, Chính phủ đồng ý đề xuất của Bộ Tài chính (Tờ trình số 25/TTr-BTC ngày 04/02/2025) về việc miễn tiền thuê đất đối với thời gian các đơn vị sự nghiệp công lập chưa hoặc chậm làm thủ tục miễn trước khi Luật Đất đai 2024 có hiệu lực. Đồng thời, đối với các khoản nợ tiền thuê đất và tiền chậm nộp đã được cơ quan thuế thông báo, Chính phủ kiến nghị Quốc hội cho phép xử lý theo cơ chế xóa nợ quy định tại Luật Quản lý thuế và Nghị định số 103/2024/NĐ-CP. Nội dung này sẽ được đưa vào Nghị quyết chung của kỳ họp Quốc hội để tháo gỡ khó khăn cho các đơn vị sự nghiệp công lập, giảm gánh nặng cho cơ quan thuế trong việc theo dõi và thu hồi nợ.

⁴⁷ Xem thêm: Tô Văn Cao, Bùi Văn Trinh, “Giải pháp tăng cường quản lý thuế đối với hộ và cá nhân kinh doanh trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long”, Tạp chí Khoa học Đại học Cửu Long, Số 37 (2025).

2.3. Thực tiễn áp dụng các biện pháp đôn đốc và cưỡng chế nợ thuế

2.3.1 Công tác phân loại, theo dõi và đôn đốc thu hồi nợ thuế

Công tác phân loại, theo dõi và đôn đốc thu hồi nợ thuế được CQT xác định là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt nhằm kiểm soát nợ đọng, chống thất thu và đảm bảo tính công bằng trong việc thực hiện nghĩa vụ NSNN. Hoạt động này được triển khai bài bản, tuân thủ nghiêm ngặt Quy trình Quản lý nợ ban hành kèm theo Quyết định số 1129/QĐ-TCT.

Tại Thuế tỉnh Lâm Đồng, mỗi mã số thuế sẽ được Lãnh đạo Phòng giao cho một cán bộ xử lý chuyên trách; từ đó chịu trách nhiệm tham mưu đôn đốc nộp thuế và cưỡng chế nợ thuế của mã số thuế đó. Định kỳ trước ngày 10 hằng tháng, sau khi đã khóa sổ kế toán, cán bộ quản lý nợ truy cập vào TMS để rà soát, đối chiếu và phân loại nợ thuế. Trên cơ sở đó, CBT tham mưu ban hành Thông báo tiền thuế nợ mẫu số 01/TTN ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC đối với các NNT có khoản nợ phát sinh từ 31 ngày trở lên⁴⁸. Các NNT có đăng ký tài khoản giao dịch điện tử với CQT sẽ được CBT gửi Thông báo nợ bằng phương thức điện tử; còn lại các NNT khác (chiếm chưa đến 10% tổng số NNT) sẽ được nhận Thông báo bằng chuyển phát nhanh qua đường bưu điện. Căn cứ dữ liệu nợ, CBT thực hiện đôn đốc thu nợ bằng điện thoại và thư điện tử (email).

Bảng tổng hợp số lượng Thông báo tiền thuế nợ đã ban hành giai đoạn 2021-2025:

Bảng 2.5 Số lượng Thông báo tiền thuế nợ đã ban hành năm 2021-2025

Đơn vị tính: Thông báo

Chỉ tiêu	2021	2022	2023	2024	2025
----------	------	------	------	------	------

⁴⁸ Tham khảo quy trình khóa sổ kế toán thuế tại Thông tư số 111/2021/TT-BTC ngày 14/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán thuế nội địa.

Số thông báo nợ	582.464	626.808	999.161	1.873.457	1.944.132
Tăng, giảm (%)		+7,6%	+59,4%	+87,5%	+3,8%

(Nguồn: Báo cáo Tổng kết công tác nợ của Cục Thuế tỉnh Bình Thuận qua các năm)

Thuế tỉnh Lâm Đồng thực hiện phân loại nợ theo tính chất: nợ có khả năng thu, nợ khó thu, nợ đang xử lý, tiền thuế đang chờ điều chỉnh. Đồng thời, Thuế tỉnh triển khai đơn đốc thu nợ linh hoạt, quyết liệt theo từng nhóm tuổi nợ. Dựa trên báo cáo phân loại nợ, CQT áp dụng các biện pháp đơn đốc thu hồi nợ đọng:

- Đối với khoản nợ từ 01 đến 30 ngày, CQT chủ động liên hệ đơn đốc, nhắc nhở thông qua hình thức gọi điện thoại, nhắn tin, gửi thư điện tử (email) hoặc mời NNT lên làm việc trực tiếp. Việc này giúp NNT sớm hoàn thành nghĩa vụ, tránh để nợ tồn đọng dẫn đến mất khả năng thanh toán hoặc phát sinh thêm tiền chậm nộp

- Đối với khoản nợ từ 31 ngày đến dưới 90 ngày, CQT ban hành 100% Thông báo tiền thuế nợ (Mẫu số 01/TTN) trên hệ thống quản lý thuế tập trung (TMS) gửi NNT bằng phương thức điện tử hoặc qua bưu điện. Tính từ năm 2023, toàn CQT đã ban hành từ 01 triệu lượt thông báo nợ mỗi năm góp phần cảnh báo và nhắc nhở NNT; đồng thời, đốc thúc DN thực hiện đối chiếu thông tin nợ của CQT với sổ sách DN đang theo dõi nhằm hạn chế tình trạng nợ sai, nợ ảo.

- Đối với khoản nợ trên 90 ngày, CQT lập tức chuyển sang giai đoạn áp dụng các biện pháp CCNT (như trích tiền từ tài khoản, ngừng sử dụng hóa đơn) và công khai thông tin NNT chây ỳ trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử ngành thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế.

Thực hiện chỉ đạo của Cục Thuế, Thuế tỉnh Lâm Đồng thực hiện giao chỉ tiêu thu nợ, xử lý nợ đọng cụ thể cho từng đồng chí lãnh đạo, từng Trưởng phòng/Đội trưởng và chi tiết đến từng công chức QLN. Đồng thời, hệ thống TMS được khai thác tối đa để tự động hóa các khâu rà soát, hạch toán nghĩa vụ thuế, chốt nợ và hỗ trợ ban hành QĐCC hàng loạt. Đối với hộ và cá nhân kinh doanh, CQT tăng cường thu thập

thông tin tài khoản và hướng dẫn cài đặt ứng dụng eTax Mobile để NNT tự tra cứu, nộp thuế, giúp thu hồi hiệu quả các khoản nợ nhỏ.

2.3.2 Thực tiễn áp dụng các biện pháp cưỡng chế nợ thuế

Trong giai đoạn 2021 - 2025, trước tình hình nợ đọng có xu hướng gia tăng phức tạp, công tác CCNT đã được CQT đẩy mạnh triển khai quyết liệt theo nguyên tắc áp dụng tuần tự từ biện pháp nhẹ đến mạnh. Dưới đây là bảng tổng hợp số lượng các QĐCC đã ban hành (không bao gồm biện pháp THXC) trong giai đoạn 2021 - 2025:

Bảng 2. 6 Số lượng các QĐCC đã ban hành 2021-2025

Đơn vị tính: Quyết định/Công văn

Biện pháp cưỡng chế	2021	2022	2023	2024	2025
1.Trích tiền từ tài khoản	460	440	1.260	2.505	2.859
2.Ngừng sử dụng hóa đơn	155	117	387	717	1.498
3.Kê biên tài sản	-	-	-	-	-
4. Đề nghị thu hồi giấy phép KD	26	6	166	169	19

(Nguồn: Báo cáo Tổng kết công tác nợ của Cục Thuế tỉnh Bình Thuận qua các năm)

Qua bảng số liệu 2.6, có thể thấy:

Biện pháp trích tiền từ tài khoản, yêu cầu phong tỏa tài khoản được CQT áp dụng với tần suất lớn nhất. Số lượng quyết định ban hành tăng mạnh qua từng năm, từ mức chỉ 460 quyết định (năm 2021) vọt lên 1.260 quyết định (năm 2023), 2.505 quyết định (năm 2024) và đạt đỉnh 2.859 quyết định vào năm 2025. Sự gia tăng này cho thấy CQT đã khai thác triệt để hệ thống TMS để tự động hóa việc phát hành QĐCC hàng loạt đối với các khoản nợ quá 90 ngày. Tuy nhiên, tỷ lệ thu hồi nợ từ

biện pháp này trên thực tế lại rất thấp (năm 2025 khối HKD, cá nhân chỉ thu được khoảng 1% trên tổng số nợ theo QĐCC). Nguyên nhân là do hệ thống chia sẻ thông tin giữa CQT và các NHTM còn độ trễ; khi CQT xác minh và ban hành quyết định phong tỏa, NNT chây ỳ thường đã nhanh chóng tẩu tán tiền, hoặc cố tình để lại số dư tượng trưng trong tài khoản hoặc tài khoản đã trong trạng thái ngưng giao dịch từ lâu. Đồng thời, các NHTM đôi khi còn e ngại, thiếu sự chủ động phối hợp trích chuyển tiền của khách hàng vào NSNN.

Biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn có số lượng quyết định ban hành cũng tăng liên tục và mạnh mẽ, từ 155 quyết định (năm 2021) lên 1.498 quyết định (năm 2025). Biện pháp này đặc biệt phát huy hiệu quả với các DN đang hoạt động thực sự nhưng cố tình chiếm dụng vốn NSNN; khi bị chặn hóa đơn, họ buộc phải thu xếp tài chính nộp ngay nợ thuế để được mở lại hóa đơn phục vụ kinh doanh. Theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 34 Nghị định 126/2020/NĐ-CP có quy định trường hợp đang áp dụng biện pháp cưỡng chế ngừng sử dụng hóa đơn mà NNT có văn bản đề nghị sử dụng hóa đơn để có nguồn thanh toán tiền lương công nhân, thanh toán các khoản chi phí đảm bảo sản xuất kinh doanh được liên tục thì CQT tiếp tục cho NNT sử dụng hóa đơn theo từng lần phát sinh với điều kiện NNT phải nộp ngay ít nhất 18% doanh thu trên hóa đơn được sử dụng vào NSNN. Các DN như Công ty CP XD XX và Công ty TNHH T.T.N thuộc trường hợp đang bị cưỡng chế hóa đơn, nhưng vẫn cần xuất hóa đơn cho bên mua nên hằng tháng vẫn đề nghị CQT được sử dụng hóa đơn theo từng lần phát sinh. Ngoài ra, đối với lượng lớn DN đã âm thầm ngừng hoạt động, bỏ trốn khỏi địa chỉ kinh doanh nhưng chưa hoàn tất thủ tục đóng mã số thuế, biện pháp này gần như vô dụng vì NNT không còn nhu cầu xuất hóa đơn.

Biện pháp kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản kê biên chưa được Thuế tỉnh Lâm Đồng thực hiện. Biện pháp này trên lý thuyết rất mạnh nhưng thực tiễn triển khai lại vô cùng phức tạp và tiềm ẩn nhiều rủi ro pháp lý cho chính CQT. CQT gặp rào cản lớn trong việc xác định quyền sở hữu tài sản hợp pháp của NNT. Hầu hết các tài sản có giá trị (BDS, máy móc, xe cộ) của các DN nợ lớn đều đã được thế chấp tại NH, số tiền vay nợ NH thậm chí vượt quá giá trị tài sản nên khi cưỡng chế CQT cũng

không thể thu hồi được tiền thuế. Thêm vào đó, CQT không có chức năng, chuyên môn trong việc định giá tài sản và bán đấu giá. Nhiều trường hợp người nộp thuế không hợp tác, không cung cấp thông tin hoặc khai báo không có tài sản để đối phó với CQT⁴⁹.

Biện pháp Đề nghị thu hồi giấy phép kinh doanh là biện pháp cưỡng chế hành chính ở mức độ nghiêm khắc nhất. Việc áp dụng biện pháp này có sự trỗi sụt, từ 26 công văn đề nghị (năm 2021), tăng mạnh lên 166 và 169 công văn trong 2 năm 2023-2024, sau đó giảm mạnh chỉ còn áp dụng 19 trường hợp vào năm 2025. Sự sụt giảm việc sử dụng biện pháp này trong năm 2025 phản ánh sự thận trọng và đổi mới tư duy của CQT. Khi cơ quan Đăng ký kinh doanh (Sở Tài chính) ra quyết định thu hồi giấy phép, DN sẽ mất đi tư cách pháp nhân, mất hoàn toàn khả năng tạo ra doanh thu và dòng tiền mới. Lúc này, mục tiêu thu hồi số nợ thuế vào NSNN gần như thất bại hoàn toàn. Do đó, CQT chủ trương hạn chế sử dụng biện pháp này, thay vào đó ưu tiên áp dụng các biện pháp có tính răn đe mà vẫn để DN tồn tại (như THXC) để NNT tiếp tục kinh doanh và trả nợ.

2.3.3 Áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh

Căn cứ Điều 66 và Điều 124 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14, Điều 21 Nghị định 126/2020/NĐ-CP, biện pháp THXC được áp dụng đối với cá nhân, cá nhân là người đại diện theo pháp luật của DN đang bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế nhưng chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế. Sang năm 2025, cơ

⁴⁹ Tham khảo: Minh Huyền, “Đề xuất cơ quan Thuế được linh hoạt áp dụng đồng thời các biện pháp cưỡng chế nợ thuế”, Tạp chí Tài chính – Thuế Hải quan, ngày 26/06/2024. Nguồn: <https://thuehaiquan.tapchikinhthetaichinh.vn/de-xuat-co-quan-thue-duoc-linh-hoat-ap-dung-dong-thoi-cac-bien-phap-cuong-che-no-thue-191767-85385.html> có nêu: Theo Bộ Tài chính, trong số các biện pháp cưỡng chế thuế, kê biên tài sản và thu nợ qua bên thứ ba được đánh giá là hiệu quả thấp và khó triển khai. Thực tế, biện pháp kê biên thường chỉ dừng ở khâu xác minh thông tin, trong khi biện pháp thu qua bên thứ ba chỉ áp dụng được khi bên thứ ba có khoản nợ đến hạn phải trả cho người nộp thuế. Quá trình xác minh thường gặp tình trạng doanh nghiệp và các đơn vị liên quan không cung cấp thông tin, hoặc tài sản đã thế chấp tại ngân hàng nên khó xác định giá trị và quyền sở hữu để cưỡng chế. Ngoài ra, cơ quan thuế không có chức năng định giá đối với tài sản như nhà xưởng, phương tiện, máy móc, nguyên vật liệu, hàng hóa, dẫn đến khó xác định giá trị kê biên có tương ứng với khoản nợ hay không. Việc bảo quản tài sản kê biên cũng đòi hỏi kho bãi, nhân lực, chi phí lớn. Bên cạnh đó, pháp luật hiện hành chưa có nguyên tắc cho phép cơ quan thuế lựa chọn ngay biện pháp cưỡng chế phù hợp trong trường hợp người nộp thuế phát tán tài sản hoặc bỏ trốn, khiến việc thu hồi nợ cho ngân sách nhà nước thêm phức tạp và kém hiệu quả.

sở pháp lý của biện pháp này cụ thể hóa trong Nghị định 49/2025/NĐ-CP (có hiệu lực từ 28/02/2025). Dưới đây là bảng tổng hợp số lượng các Thông báo tạm hoãn xuất cảnh CQT đã ban hành trong giai đoạn 2021 - 2025:

Bảng 2. 7 Số lượng Thông báo tạm hoãn xuất cảnh năm 2021-2025

Đơn vị tính: Thông báo

Biện pháp cưỡng chế	2021	2022	2023	2024	2025
Tạm hoãn xuất cảnh	01	-	01	451	264

(Nguồn: Báo cáo Tổng kết công tác nợ của Cục Thuế tỉnh Bình Thuận qua các năm)

Từ bảng số liệu 2.7 và thực tiễn triển khai thời gian qua, có thể đánh giá về biện pháp THXC tại địa bàn như sau:

Trong giai đoạn 2021–2023, biện pháp THXC gần như chưa được triển khai rộng rãi, chỉ có 01 thông báo ban hành năm 2021 và 01 thông báo năm 2023. Nguyên nhân xuất phát từ việc đây là công cụ cưỡng chế mới được bổ sung trong Luật Quản lý thuế 2019, CQT áp dụng mang tính thử nghiệm, thận trọng.

Đến năm 2024, CQT đẩy mạnh thực hiện ngay từ đầu năm. Toàn ngành đã ban hành 451 thông báo THXC với tổng số tiền nợ 395,5 tỷ đồng. Trọng tâm tập trung vào 201 người đại diện pháp luật của DN bỏ trốn, 16 trường hợp chờ giải thể và 234 trường hợp vẫn đang hoạt động nhưng chây ỳ nghĩa vụ thuế. Năm 2025, biện pháp này tiếp tục được duy trì với 264 thông báo. Tuy nhiên, việc áp dụng có sự phân hóa theo ngưỡng nợ quy định tại Nghị định 49/2025/NĐ-CP. CQT tập trung xử lý tốt đối với DN, tổ chức có nợ trên 500 triệu đồng, trong khi đối với HKD và cá nhân (nợ trên 50 triệu đồng) tỷ lệ thực hiện lại rất hạn chế, gần như chưa được triển khai.

Về hiệu quả mang lại, số tiền thu hồi trực tiếp chưa chiếm tỷ trọng lớn nhưng vẫn tạo nguồn thu đáng kể. Điển hình năm 2024, thông qua việc NNT nộp tiền để được hủy bỏ tạm hoãn (32 thông báo hủy), CQT đã thu hồi được 9,5 tỷ đồng vào ngân sách. Đây là biện pháp có tác động tâm lý mạnh mẽ. Nhiều trường hợp cá nhân là

người đại diện pháp luật của DN khi bị chặn tại sân bay, cửa khẩu đã chủ động liên hệ CQT, thu xếp tài chính để thanh toán toàn bộ số nợ nhằm được gỡ bỏ phong tỏa xuất cảnh. Biện pháp này buộc người quản lý điều hành phải gắn trách nhiệm cá nhân với nghĩa vụ tài chính của DN, thúc đẩy sớm hoàn thành nghĩa vụ vào NSNN.

2.3.4 Công tác phối hợp liên ngành

CQT đã tham mưu cho UBND tỉnh thành lập, kiện toàn và duy trì hoạt động Ban Chỉ đạo thu và chống thất thu NSNN. Cụ thể tại Kế hoạch số 4521/KH-BCĐ ngày 20/11/2023, CQT được yêu cầu thường xuyên báo cáo tình hình nợ để UBND tỉnh tổ chức đối thoại trực tiếp với DN nợ lớn, chây ỳ, qua đó chỉ đạo tháo gỡ vướng mắc và đôn đốc thu nộp.

Nợ liên quan đến đất đai và khoáng sản là nhóm dai dẳng nhất. CQT phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Môi trường (Sở NN&MT) và Sở TC để xử lý các vướng mắc về giao đất, giải phóng mặt bằng, trả mỏ khai khoáng. Khi biện pháp thông thường không hiệu quả, CQT đề nghị áp dụng chế tài mạnh. Năm 2024, đã có 169 công văn gửi Sở TC đề nghị thu hồi giấy phép kinh doanh của DN nợ thuế. Năm 2025, CQT tiếp tục đề nghị cung cấp thông tin người đại diện pháp luật để phục vụ biện pháp cấm xuất cảnh, đồng thời phối hợp với Sở Nông nghiệp & Môi trường thu hồi đất, thu hồi Quyết định cấp quyền KTKS, qua đó ban hành 10 văn bản và thu hồi được 7 tỷ đồng.

Điểm sáng giai đoạn 2024–2025 là việc đẩy mạnh biện pháp tạm hoãn xuất cảnh. Ngày 12/5/2025, Cục Thuế ký Quy chế phối hợp số 01/QCPH-CT-QLXNC với cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh để trao đổi thông tin cấm xuất cảnh và gỡ bỏ bằng hình thức điện tử tập trung, kịp thời. Đồng thời, CQT liên tục rà soát, chuyển hồ sơ các trường hợp bỏ địa chỉ kinh doanh, cố ý chây ỳ sang Công an để điều tra, xử lý, nâng cao tính răn đe.

Biện pháp cưỡng chế trích tiền từ tài khoản cần sự phối hợp với NHNN trong chỉ đạo, kiểm tra các TCTD trong cung cấp thông tin giao dịch của NNT cho CQT. Năm 2025, CQT đã gửi Công văn sang NHNN yêu cầu chấn chỉnh tình trạng một số

NHTM chưa thực hiện trích nộp nợ thuế theo lệnh cưỡng chế, để NNT rút tiền tẩu tán trong thời gian phong tỏa tài khoản.

Cuối cùng, truyền thông cũng được CQT sử dụng như công cụ tạo áp lực thu nợ. CQT đã phối hợp chặt chẽ với các đài phát thanh, truyền hình và báo chí địa phương để công khai thông tin các tổ chức, cá nhân trốn thuế, chây ỳ nợ thuế theo quy định tại Điều 100 Luật Quản lý thuế 2019 và Điều 29 Nghị định 126/2020/NĐ-CP.

2.3.5 Phân tích các khoản nợ lớn, chây ỳ của Thuế tỉnh Lâm Đồng

*** Công ty TNHH Thép XX,**

Mã số thuế: 3400253XXX;

Địa chỉ: Lô 1/3, Khu Công nghiệp Phan Thiết, phường Bình Thuận, tỉnh Lâm Đồng

Ngành nghề kinh doanh chính: Bán buôn kim loại và quặng kim loại.

Thuế tỉnh Lâm Đồng đã ban hành Thông báo nợ số 7708/TB-LDO-ĐT ngày 15/10/2025, tính đến ngày 30/9/2025, Công ty TNHH Thép XX có tổng số tiền thuế nợ, tiền phạt và tiền chậm nộp là 72 tỷ đồng. Trong đó, nợ liên quan đến hoạt động KTKS là 34 tỷ đồng (bao gồm thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường, tiền cấp quyền KTKS và tiền chậm nộp liên quan) và nợ liên quan đến đất đai là 34 tỷ đồng (tiền thuê mặt đất hàng năm và tiền chậm nộp).

Đây là trường hợp nợ thuế thuộc nhóm chây ỳ, tồn đọng lớn và kéo dài nhiều năm mặc dù đã được CQT đôn đốc, ban hành thông báo nợ hàng tháng từ năm 2015 đến nay. CQT đã áp dụng hệ thống các biện pháp cưỡng chế theo trình tự từ nhẹ đến nặng nhưng chưa đạt được kết quả thu hồi dứt điểm:

Từ năm 2022 đến nay, CQT đã ban hành nhiều quyết định trích tiền từ tài khoản/phong tỏa tài khoản tại KBNN và các TCTD như Quyết định số 539/QĐ-CTBTH ngày 28/4/2022 với số tiền 36,3 tỷ đồng và gần nhất là các Quyết định từ số 491 đến 505/QĐ-LDO-ĐT ngày 26/8/2025 với số tiền cưỡng chế hơn 65,3 tỷ đồng

Đồng thời, CQT áp dụng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn liên tục qua các năm tại Quyết định số 791/QĐ-CTBTH (01/6/2022) cường chế 36,2 tỷ đồng, tại Quyết định số 945/QĐ-CTBTH (01/6/2023) cường chế 46 tỷ đồng, Quyết định số 1421/QĐ-CTBTH (06/6/2024) cường chế 56,9 tỷ đồng, Quyết định số 1042/QĐ-CCTKV15-ĐT (09/6/2025) cường chế gần 66 tỷ đồng.

Ngày 08/3/2024, CQT ban hành Thông báo số 1527/TB-CTBTH gửi Cục Quản lý xuất nhập cảnh để thực hiện THXC đối với ông Nguyễn Văn Thành, người đại diện theo pháp luật của Công ty

Ngày 31/12/2024, CQT đã ban hành Công văn số 8979/CTBTH-QLN đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận thực hiện thu hồi giấy phép kinh doanh do Công ty không chấp hành nghĩa vụ thuế sau các biện pháp cường chế trước đó.

Trong năm 2025, Công ty đã nộp tiền vào NSNN 17 tỷ đồng chủ yếu là Thuế tài nguyên và tiền cấp quyền KTKS. Do Công ty vẫn còn nợ quá lớn, ngày 28/10/2025, Phòng Quản lý và hỗ trợ DN 2 đã tổng hợp hồ sơ và chuyển thông tin, tham mưu báo cáo cơ quan có thẩm quyền thu hồi đất do người sử dụng đất không thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định của Luật Đất đai 2024; đồng thời gửi Công văn đến UBND tỉnh Lâm Đồng đề nghị thu hồi Giấy phép KTKS do vi phạm nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền KTKS và các khoản thuế, phí liên quan.

***Công ty TNHH Đầu tư XX**

Mã số thuế: 0302643XXX;

Địa chỉ: GM-N.12, Dự án Golden Mansion, số 119 Phở Quang, phường Đức Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh BĐS

Cơ quan quản lý thuế trực tiếp: Thuế cơ sở 13 TP. Hồ Chí Minh

Công ty TNHH Đầu tư XX có hoạt động kinh doanh BĐS và KTKS vắng lai tại địa bàn Bình Thuận cũ (Sentosa Villa Mũi Né, dự án sân golf Hòn Rơm)

Theo tra cứu dữ liệu trên hệ thống ứng dụng Quản lý thuế và Thông báo tiền thuế nợ số 7667/TB-LDO-ĐT ngày 15/10/2025 của Thuế tỉnh Lâm Đồng, tính đến ngày 30/9/2025, Công ty TNHH Đầu tư XX còn nợ tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp là 161 tỷ đồng; trong đó, nợ liên quan đến đất đai là 133 tỷ đồng và nợ liên quan đến KTKS là 21 tỷ, còn lại các khoản nợ khác.

Số nợ này có xu hướng gia tăng liên tục qua các năm (tăng 28 tỷ đồng so với năm trước) do phát sinh thêm tiền thuê đất và tiền chậm nộp hàng năm. CQT đã áp dụng hệ thống các biện pháp cưỡng chế theo trình tự luật định nhưng chưa thu hồi được dứt điểm số nợ:

CQT đã ban hành liên tục các quyết định trích tiền từ tài khoản/phong tỏa tài khoản qua các năm như Quyết định số 1485/QĐ-CTBTH (01/11/2021) với số tiền 81,6 tỷ đồng, Quyết định số 2662-2663/QĐ-CTBTH (22/12/2023) với số tiền 107 tỷ đồng, Quyết định số 3025-3033/QĐ-CTBTH (22/10/2024) với số tiền 126,9 tỷ đồng, Quyết định từ số 998 đến 1006/QĐ-CCTKV15-ĐT (06/6/2025) với số tiền hơn 140 tỷ đồng

Đồng thời, CQT đã thực hiện cưỡng chế hóa đơn tại Quyết định số 06/QĐ-CCT-CC (28/3/2024) cưỡng chế 115,2 tỷ đồng, Quyết định số 1157/QĐ-PNH (26/6/2025) cưỡng chế hơn 140 tỷ đồng.

Thuế cơ sở 13 – TP. Hồ Chí Minh đã ban hành Thông báo số 6955/TBXC-CCTPH ngày 31/5/2024 đề THXC đối với người đại diện theo pháp luật của Công ty theo đề nghị phối hợp của Thuế tỉnh Lâm Đồng

Mặc dù đã áp dụng nhiều biện pháp đôn đốc và cưỡng chế, NNT vẫn không chấp hành nộp ngân sách. Lý do là công ty đang có kiến nghị về việc trả lại mô KTKS và đề nghị đóng cửa mô, nhưng hiện nay chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết dứt điểm. Do vướng mắc thủ tục hành chính, dự án chưa thể vận hành thực tế nhưng hệ thống quản lý vẫn tiếp tục lập bộ tính tiền thuê đất và cấp quyền hằng năm, dẫn đến phát sinh nợ "ảo" và tiền chậm nộp tích lũy

Trong năm 2025, Công ty không nộp tiền vào NSNN. Do các biện pháp cưỡng chế thông thường không mang lại hiệu quả thu hồi, ngày 07/11/2025, Phòng Quản lý, hỗ trợ doanh nghiệp 2 đã tổng hợp hồ sơ và đề nghị bộ phận chuyên trách thực hiện các bước thực hiện thu hồi đất do vi phạm nghĩa vụ tài chính theo quy định của Luật Đất đai 2024; đồng thời, thu hồi Giấy phép KTKS đối với đơn vị.

*** Công ty CP Đầu tư Phát triển XX**

Mã số thuế: 3400520XXX

Địa chỉ: Thôn Vĩnh Sơn, xã Vĩnh Hảo, tỉnh Lâm Đồng

Ngành nghề kinh doanh chính: Vận tải hàng hóa bằng đường bộ

Theo tra cứu dữ liệu trên hệ thống ứng dụng Quản lý thuế và Thông báo tiền thuế nợ số 7658/TB-LDO-ĐT ngày 15/10/2025 của Thuế tỉnh Lâm Đồng, tính đến ngày 30/9/2025, Công ty CP Đầu tư Phát triển XX còn nợ tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp là 23 tỷ đồng; trong đó nợ tiền cấp quyền KTKS, nghĩa vụ tài chính liên quan và tiền chậm nộp là 12 tỷ đồng; nợ các khoản tiền đất và tiền chậm nộp là 381 triệu đồng, còn lại các khoản nợ khác.

CQT đã ban hành Quyết định số 1871-1873/QĐ-CTBTH ngày 25/10/2023 thực hiện trích tiền từ tài khoản và phong tỏa tài khoản ngân hàng của đơn vị với số tiền 6,69 tỷ đồng

Đồng thời thực hiện Cưỡng chế hóa đơn tại Quyết định số 2160/QĐ-CTBTH (24/11/2023) cưỡng chế số tiền 6,98 tỷ đồng và Quyết định số 3568/QĐ-CTBTH (27/11/2024) cưỡng chế số tiền 16,7 tỷ đồng. Để tăng cường tính răn đe đối với người điều hành DN, ngày 10/09/2025, CQT đã ban hành Thông báo số 36/TBXC-LDO-ĐT đề nghị Cục Quản lý xuất nhập cảnh thực hiện THXC đối với người đại diện theo pháp luật của công ty

Trong năm 2025, Công ty đã nộp vào NSNN 5 tỷ. Dù đã áp dụng hàng loạt biện pháp cưỡng chế hành chính nghiêm khắc, Công ty vẫn chây ỳ, số còn nợ thuế quá lớn. Trước thực trạng các biện pháp đôn đốc và cưỡng chế thông thường không

mang lại hiệu quả dứt điểm, ngày 28/10/2025, Phòng Quản lý và hỗ trợ doanh nghiệp 2 đã tổng hợp hồ sơ và báo cáo cơ quan có thẩm quyền thực hiện thu hồi Giấy phép KTKS do vi phạm nghĩa vụ tài chính kéo dài; đồng thời, đề nghị thực hiện các thủ tục thu hồi đất đối với diện tích dự án theo quy định của Luật Đất đai năm 2024 nhằm xử lý triệt để các khoản nợ đọng với Nhà nước.

***Công ty Cổ phần năng lượng XX**

Mã số thuế: 3401147XXX

Địa chỉ: thôn Hồng Trung, xã Hòa Thắng, tỉnh Lâm Đồng

Ngành nghề kinh doanh chính: sản xuất điện

Theo tra cứu dữ liệu trên hệ thống ứng dụng Quản lý thuế và Thông báo tiền thuế nợ số 10587/TB-LDO-ĐT ngày 08/5/2026 của Thuế tỉnh Lâm Đồng, tính đến ngày 30/4/2025, Công ty Cổ phần năng lượng XX còn nợ tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp là 25 tỷ đồng; chủ yếu đến từ nợ thuế GTGT (24 tỷ đồng).

CQT đã ban hành Quyết định số 1333-1339/QĐ-CTBTH ngày 31/5/2024 thực hiện trích tiền từ tài khoản và phong tỏa tài khoản ngân hàng của đơn vị với số tiền 500 triệu đồng. Đến ngày 05/7/2024, CQT tiếp tục ban hành Quyết định số 1690-1692/QĐ-CTBTH thực hiện trích tiền từ tài khoản và phong tỏa tài khoản ngân hàng của đơn vị với số tiền 900 triệu đồng

Đồng thời thực hiện Cưỡng chế hóa đơn tại Quyết định số 1988/QĐ-CTBTH (08/08/2024) cưỡng chế số tiền 1,8 tỷ đồng và Quyết định số 423/QĐ-CTBTH (08/08/2025) cưỡng chế số tiền 6,3 tỷ đồng. Để tăng cường tính răn đe đối với người điều hành DN, ngày 10/09/2025, CQT đã ban hành Thông báo số 30/TBXC-LDO-ĐT đề nghị Cục Quản lý xuất nhập cảnh thực hiện THXC đối với người đại diện theo pháp luật của công ty là ông Vũ Quang Nam.

Công ty nợ tiền thuế GTGT do Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) chưa thanh toán tiền bán điện cho Công ty. Lý do đến từ sai phạm của Công ty tại Kết luận số 1027/KL-TTCTP ngày 28/4/2023 của Thanh tra chính phủ.

Dự án Nhà máy điện mặt trời Hồng Phong 5.2 (chủ đầu tư: Công ty CP năng lượng XX) xây dựng trên đất khu vực dự trữ khoáng sản titan quốc gia (thuộc đối tượng tháo gỡ vướng mắc, khó khăn theo Nghị quyết số 233/NQ-CP ngày 10/12/2024 của Chính phủ). Đối với nội dung này, ngày 22/01/2026, Bộ NN&MT có Công văn số 724/BNMT-ĐCKS về việc đánh giá mức độ ảnh hưởng đến khoáng sản trong phạm vi dự án nhà máy điện mặt trời Hồng Phong 5.2 tại khu vực dự trữ khoáng sản titan sa khoáng quốc gia (Tuy Phong – Bắc Phan Thiết 2) được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1277/QĐ-TTg ngày 01/11/2023 và đồng thời Bộ NN&MT đề nghị UBND tỉnh Lâm Đồng rà soát, triển khai thực hiện việc thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư dự án nêu trên theo đúng quy định của pháp luật, tổ chức giám sát việc triển khai thực hiện cũng như yêu cầu nhà đầu tư khi triển khai dự án phải thực hiện đúng theo quy định tại các khoản 6, 7 Điều 33 của Luật Địa chất và khoáng sản. Tổ chức, cá nhân thực hiện dự án đầu tư phải thực hiện các giải pháp bảo vệ khoáng sản thuộc đối tượng dự trữ, khoáng sản chưa khai thác trong phạm vi thực hiện dự án, chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật trong trường hợp có xảy ra vi phạm”. Đồng thời, Dự án hiện chưa được Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo – Bộ Công Thương chấp thuận kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu công trình theo quy định. Đối với nội dung này, Bộ Công Thương đã thực hiện công tác kiểm tra nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng, nhưng chưa đến kết quả cuối cùng. Hiện nay, theo quy định về phân cấp, phân quyền, các Chủ đầu tư kiến nghị tiếp tục Sở Công Thương kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng.

Do đó, trong thời gian sắp tới, sau khi công trình được nghiệm thu, EVN sẽ thực hiện thanh toán cho Công ty (số tiền khoảng 1.000 tỷ đồng), Công ty sẽ thực hiện nộp tiền thuế vào NSNN.

*** Công ty Cổ phần Xây dựng XX**

Mã số thuế: 3400627XXX

Địa chỉ: Km 1709 Quốc lộ 1A, thôn Phú Khánh, xã Tuyên Quang, tỉnh Lâm Đồng.

Ngành nghề kinh doanh chính: xây dựng công trình đường bộ

Căn cứ Thông báo số 5837/TB-LDO-ĐT ngày 10/03/2026 của Thuế tỉnh Lâm Đồng thông báo tiền thuế nợ, tính đến ngày 28/02/2026, Công ty Cổ phần Xây dựng XX có tổng số tiền thuế nợ chưa nộp NSNN là 54 tỷ đồng; trong đó tiền cấp quyền KTKS là 50 tỷ đồng, còn lại là tiền xử phạt vi phạm hành chính về thuế 4 tỷ đồng.

CQT đã ban hành Quyết định số 473/QĐ-CTBTH ngày 28/2/2024 thực hiện trích tiền từ tài khoản và phong tỏa tài khoản ngân hàng của đơn vị với số tiền 7 tỷ đồng. Đến ngày 23/4/2024, CQT ra Quyết định số 994/QĐ-CTBTH ngày 23/4/2024) cưỡng chế hóa đơn với số thuế nợ là 51 tỷ đồng và Quyết định số 1435/QĐ-CCTKV15-ĐT ngày 27/6/2025 cưỡng chế hóa đơn số tiền 51 tỷ đồng. Dù đang bị cưỡng chế hóa đơn, vào tháng 12/2025, CQT đã tạo điều kiện cho công ty xuất hóa đơn theo từng lần phát sinh đối với doanh thu hơn 9,9 tỷ đồng để có nguồn chi trả lương công nhân và duy trì sản xuất kinh doanh.

Tại buổi làm việc với Công ty vào ngày 10/03/2026, CQT đã đề nghị công ty hoàn thành nghĩa vụ, nếu không sẽ thực hiện biện pháp THXC đối với người đại diện theo pháp luật. Tới nay, CQT chưa thực hiện THXC đối với chủ DN này.

Về vướng mắc của DN, Công ty đã có văn bản đề nghị tính lại tiền cấp quyền KTKS với lý do đã trả lại một phần diện tích mỏ (theo Quyết định số 2218/QĐ-UBND ngày 10/09/2020) dẫn đến thay đổi trữ lượng khai thác thực tế. DN cho rằng số nợ hiện tại chưa phản ánh đúng nghĩa vụ thực tế sau khi điều chỉnh quy hoạch mỏ. CQT căn cứ quy định tại khoản 8, khoản 9 Điều 139 Nghị định 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản đề nghị Công ty trong thời gian chờ kết quả quyết toán và điều chỉnh từ cơ quan chức năng, vẫn phải chấp hành nộp thuế theo các quyết định phê duyệt tiền cấp quyền đang có hiệu lực đến khi có quyết định thay thế của cơ quan

quản lý nhà nước có thẩm quyền. Sau khi có kết quả quyết toán tiền cấp quyền KTKS, CQT sẽ giải quyết hoàn nộp thừa theo quy định.

Việc chậm trễ trong xử lý thủ tục hành chính về khoáng sản của các sở, ngành liên quan là một trong những nguyên nhân khiến nhóm nợ này tiếp tục tồn đọng và phát sinh tiền chậm nộp hàng năm.

*** Công ty TNHH XX**

Mã số thuế: 3400573917

Địa chỉ: Đường Hòn Giò - Thuận Quý, phường Tiến Thành, tỉnh Lâm Đồng.

Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh BĐS

Công ty XX là chủ đầu tư dự án Tổ hợp Khu du lịch Thung lũng Đại Dương tại phường Tiến Thành, tỉnh Lâm Đồng. Đây là một trong những đơn vị nợ thuế trọng điểm trên địa bàn với quy mô nợ phát sinh trong năm 2025 lên đến 228 tỷ đồng, chiếm tới 29% tổng nợ thuế và phí toàn tỉnh. Căn cứ Thông báo tiền thuế nợ số 02/TB-CTBTH ngày 17/1/2025 của Cục Thuế tỉnh Bình Thuận, tính đến ngày 31/12/2024, Công ty có số tiền thuế nợ là 189 tỷ đồng, trong đó thuế GTGT nợ tới 116 tỷ đồng, tiền thuê đất 30 tỷ đồng và tiền chậm nộp 43 tỷ đồng. CQT đã áp dụng biện pháp cưỡng chế ngừng sử dụng hóa đơn thông qua Quyết định số 1034/QĐ-CTBTH (tháng 4/2024) và Quyết định số 844/QĐ-CCTKV15 ngày 25/4/2025).

Trong giai đoạn đang bị cưỡng chế ngừng sử dụng hóa đơn, Công ty XX đã thực hiện một nghiệp vụ kê khai bổ sung như sau:

Ngày 20/3/2025, Công Ty và Khách hàng đã ký Biên bản thanh lý 73 Hợp đồng mua bán BĐS đã ký, đã phát sinh thu tiền, đã xuất hóa đơn tương ứng, đã kê khai thuế GTGT đầu ra vào các tháng 9, tháng 10 và tháng 11 năm 2023.

Ngày 04/4/2025, Công ty nộp Tờ khai thuế GTGT bổ sung (gồm: kỳ kê khai tháng 9/2023, tháng 10/2023 và tháng 11/2023) kê khai điều chỉnh giảm số thuế GTGT đầu ra là 175 tỷ đồng (đồng thời giảm số thuế GTGT phải nộp là 175 tỷ đồng) đối với thanh lý hợp đồng mua bán BĐS phát sinh ngày 20/3/2025. Dựa trên việc

điều chỉnh giảm nghĩa vụ thuế này, Công ty đề nghị CQT bãi bỏ QĐCC ngừng sử dụng hóa đơn vì cho rằng nợ thực tế đã giảm.

Ngày 25/4/2025, Công ty bị cưỡng chế hóa đơn theo Quyết định số 844/QĐ-CCTKV15 về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn (thời hạn cưỡng chế từ ngày 25/4/2025 đến 24/4/2026)

Đến ngày 13/6/2025, CQT ban hành Quyết định số 1226/QĐ-CCTKV15-ĐT chấm dứt hiệu lực QĐCC thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn.

Ngày 14/6/2025, Công ty xuất hóa đơn GTGT bán ra điều chỉnh các hóa đơn đã lập trong tháng 9/2023, tháng 10/2023, tháng 11/2023 đối với việc thanh lý hợp đồng mua bán phát sinh ngày 20/3/2025.

Ngoài ra, CQT nhận được Công văn số 962/SXD-QLN&PTĐT ngày 14/4/2023 của Sở Xây dựng tỉnh Bình Thuận (trước sáp nhập) xác định dự án Tổ hợp khu du lịch Thung Lũng Đại Dương của Công ty TNHH XX chưa đủ điều kiện giao dịch.

Về việc kê khai bổ sung của Công ty, Thuế tỉnh Lâm Đồng đã có Công văn số 475/LDO-QLDN2 ngày 23/7/2025 báo cáo Cục Thuế về vướng mắc pháp lý và đề xuất xử lý như sau:

- Phương án 1: Tháng 6/2025, Công ty XX xuất hóa đơn GTGT bán ra điều chỉnh các hóa đơn đã lập trong tháng 9/2023, tháng 10/2023 và tháng 11/2023 đối với việc phát sinh thanh lý hợp đồng mua bán phát sinh tháng 3/2025 không thuộc trường hợp sai sót để kê khai bổ sung điều chỉnh giảm số thuế phải nộp tháng 9/2023, tháng 10/2023 và tháng 11/2023 theo quy định tại khoản 1 Điều 47 Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 6 Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024; Công ty XX phải thực hiện kê khai giảm doanh thu tính thuế và nghĩa vụ thuế tại kỳ phát sinh hóa đơn điện tử thay thế (tháng 6/2025).

- Phương án 2: Thuế tỉnh Lâm Đồng đề xuất NNT tự khai, tự chịu trách nhiệm, CQT chưa xử lý tiền thuế, tiền chậm nộp nộp thừa theo quy định tại Điều 25, tra soát điều số tiền đã nộp NSNN từ tiểu mục 1701 điều chỉnh sang tiểu mục 1053 khoản 2 Điều 69 Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính và điều chỉnh giảm tiền chậm nộp thuế GTGT. Khi dự án BĐS của Công ty XX đủ điều kiện kinh doanh theo pháp luật về xây dựng, đất đai thì CQT xem xét theo quy định.

Trên cơ sở nội dung trình bày tại Phương án 1 và Phương án 2 nêu trên, Thuế tỉnh Lâm Đồng đề xuất lựa chọn Phương án 1.

Ngày 14/01/2026, Thuế tỉnh Lâm Đồng nhận được Công văn trả lời số 219/CT-CS của Cục Thuế v/v quản lý thuế. Theo đó, Cục Thuế có ý kiến:

“Trường hợp xác định việc chấm dứt đối với 73 hợp đồng mua bán bất động sản của Công ty TNHH XX Bình Thuận đã ký kết thuộc đối tượng hủy bỏ hợp đồng theo quy định của Bộ Luật Dân sự phù hợp với Điều 422 Bộ Luật Dân sự và có căn cứ để hủy bỏ hợp đồng thì thực hiện theo quy định về hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng theo Điều 427 Bộ Luật Dân sự. Đối với việc kê khai thuế và lập hóa đơn điều chỉnh: Đề nghị Thuế tỉnh Lâm Đồng đối chiếu vào hồ sơ thực tế, pháp luật về thuế và pháp luật về quản lý thuế để xử lý theo quy định và phù hợp với pháp luật từng thời kỳ.”

Công văn hướng dẫn số 219/CT-CS ngày 14/01/2026 của Cục Thuế mới chỉ nêu nguyên tắc chung, chưa đưa ra kết luận cụ thể cho phương án xử lý mà Thuế tỉnh Lâm Đồng đã đề xuất. Ngày 28/1/2026 Thuế tỉnh Lâm Đồng ban hành Quyết định nộp dần tiền thuế nợ số 168/QĐ-LDO với tổng số tiền 244 tỷ đồng trong 12 tháng căn cứ Điều 66 Thông tư 80/2021/TT-BTC. CQT không cưỡng chế nợ thuế DN.

Ngày 26/3/2026, Thuế tỉnh Lâm Đồng có Công văn số 2434/LDO-QLDN2 v/v kê khai thuế GTGT gửi Công ty, nội dung: “Thuế tỉnh Lâm Đồng sao gửi Công văn số 475/LDO-QLDN2 và Công văn số 219/CT-CS để Công ty nghiên cứu và thực hiện. Đồng thời, đề nghị Công ty căn cứ tình hình thực tế tại đơn vị, đối chiếu với các

quy định tại văn bản quy phạm pháp luật về thuế, pháp luật về kinh doanh BĐS và các quy định liên quan để thực hiện kê khai thuế đúng quy định.”

Ngày 17/4/2026, Công ty tiếp tục có Văn bản 04/2026/CV-VLBT v/v đề nghị xử lý cản trừ theo công văn số 57/2025/CV-VLBT và điều chỉnh giảm số tiền phạt chậm nộp thuế GTGT theo công văn số 56/2025/CV-VLBT. Theo đó, Công ty kiến nghị Công ty được kê khai bổ sung điều chỉnh giảm số thuế GTGT phải nộp của các kỳ kê khai thuế tháng 09/2023, tháng 10/2023 và tháng 11/2023.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 66 Thông tư 80/2021/TT-BTC trong vòng 05 ngày làm việc, Thuế tỉnh Lâm Đồng gửi văn bản đến Ngân hàng thực hiện bảo lãnh cho NNT (MBank) bằng Văn bản số 3413/LDO-QLDN2 ngày 21/4/2026 về việc yêu cầu ngân hàng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Từ tháng 01/2026 đến tháng 03/2026, Công ty đã thực hiện nộp theo Quyết định nộp dân tiền thuế nợ của Thuế tỉnh, với số thu là 60 tỷ đồng. Hiện tại, Phòng Quản lý, hỗ trợ doanh nghiệp 2 đang thực hiện lấy ý kiến các phòng chức năng để thống nhất hướng dẫn DN thực hiện phương án 1 kê khai hóa đơn điều chỉnh giảm vào kỳ kê khai tháng 06/2025 tại kỳ phát sinh hóa đơn điện tử thay thế, không đồng ý việc DN giảm tiền nợ thuế của kỳ tính thuế năm 2023.

2.4. Đánh giá chung về công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế

2.4.1. Kết quả đạt được

Trong giai đoạn vừa qua, chia sẻ những khó khăn chung của nền kinh tế hậu Covid-19 và trải qua nhiều sự thay đổi từ việc sắp xếp lại bộ máy CQT theo địa giới hành chính mới, Thuế tỉnh Lâm Đồng đã triển khai quyết liệt, đồng bộ các quy định của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Công tác áp dụng pháp luật về QLN và CCNT đã đạt được những kết quả tích cực, nổi bật trên các phương diện sau:

CQT cơ bản thực hiện các bước trong Quy trình Quản lý nợ thuế (Quyết định số 1129/QĐ-TCT) và Quy trình Cưỡng chế nợ thuế (Quyết định số 1795/QĐ-TCT).

Việc rà soát, phân tích và phân loại tiền thuế nợ được thực hiện thường xuyên, đảm bảo phản ánh đúng bản chất của từng khoản nợ của từng NNT. Bên cạnh đó, Ban Lãnh đạo Thuế tỉnh đã giao chỉ tiêu thu nợ và xử lý nợ chi tiết đến từng phòng, Thuế cơ sở và gán trách nhiệm cụ thể cho từng công chức quản lý. Nhờ việc bám sát quy trình, tỷ lệ ban hành Thông báo tiền thuế nợ (Mẫu 01/TTN) qua phương thức điện tử luôn đạt mức tuyệt đối 100% so với số lượng bắt buộc phải ban hành (đạt hàng triệu lượt thông báo mỗi năm), giúp đôn đốc và cảnh báo kịp thời tình hình nợ thuế cho NNT.

Với phương châm “*Giảm một đồng nợ thuế là tăng thu một đồng cho NSNN để phục hồi, phát triển kinh tế*”, từng cán bộ thuế chủ động rà soát các khoản nợ sai, nợ ảo, lập Giấy mời làm việc với DN tại trụ sở CQT. Sau buổi làm việc với đại diện pháp luật và kế toán trưởng của DN, Tổ làm việc thuộc Thuế tỉnh Lâm Đồng hoàn thành lập Biên bản làm việc giữa hai bên; làm cơ sở để xử lý các bước tiếp theo đối với khoản nợ thuế của DN.

Việc áp dụng biện pháp THXC theo Điều 125 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 được thực hiện triệt để. Đây là điểm sáng lớn nhất trong công tác CCNT hiện nay. CQT đã chủ động rà soát, phối hợp với cơ quan Quản lý Xuất nhập cảnh để ban hành lệnh cấm xuất cảnh đối với cá nhân, người đại diện theo pháp luật của DN chây ỳ nợ thuế, đặc biệt là các DN bỏ địa chỉ kinh doanh. Thực tiễn cho thấy, biện pháp này mang lại tác dụng răn đe lớn, buộc nhiều chủ DN phải nhanh chóng thu xếp tài chính, thanh toán hàng tỷ đồng tiền nợ gốc và lãi chậm nộp vào NSNN để được gỡ bỏ phong tỏa xuất cảnh.

Trong công tác tham mưu, phối hợp liên ngành, Thuế tỉnh Lâm Đồng đã thực hiện rất tốt công tác tham mưu cho UBND tỉnh và Ban Chỉ đạo thu và chống thất thu NSNN. Thay vì chỉ áp dụng các biện pháp hành chính cứng nhắc, CQT đã chủ động lập danh sách các khoản nợ lớn để Ban chỉ đạo tổ chức làm việc, đối thoại trực tiếp với DN. Giải pháp này đã phát huy hiệu quả khi kết quả đôn đốc thu hồi được hàng trăm tỷ đồng (diễn hình như đợt làm việc cuối năm 2024 đã thu hồi được hơn 200 tỷ

đồng vào NSNN). Đồng thời, CQT đã phối hợp chặt chẽ với Sở Tài chính (Sở TC) đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký DN; phối hợp với Sở NN&MT đề nghị thu hồi đất, thu hồi quyền sử dụng Giấy phép KTKS đối với các đơn vị cổ tình không hoàn thành nghĩa vụ tài chính.

Việc áp dụng CNTT vào thực thi pháp luật được triển khai mạnh mẽ. TMS đã được khai thác tối đa để tự động hóa việc rà soát, tự động lập danh sách NNT chuẩn bị cưỡng chế và hỗ trợ ban hành QĐCC điện tử hàng loạt, giúp tiết kiệm thời gian, giảm chi phí và hạn chế sai sót thủ công. Đặc biệt, đội ngũ công chức đã chủ động nghiên cứu, áp dụng các sáng kiến kinh nghiệm sát với thực tiễn, điển hình như: Sáng kiến “Nhận diện biến động nợ thuế theo từng tháng” giúp Lãnh đạo và cán bộ thuế kiểm soát chính xác lý do tăng/giảm nợ của từng DN, từ đó áp dụng biện pháp đơn đốc phù hợp; sáng kiến “Kiểm soát việc khai bổ sung, điều chỉnh tờ khai” đối với các DN đang bị cưỡng chế, nhằm ngăn chặn tình trạng NNT lợi dụng kẽ hở kê khai điều chỉnh giảm số thuế phải nộp để xóa nợ và yêu cầu gỡ bỏ lệnh cưỡng chế. Việc thiết lập cơ chế kiểm soát chặt chẽ này đã đảm bảo tính hiệu lực, hiệu quả và sự nghiêm minh của các QĐCC.

2.4.2. Hạn chế và tồn tại

Mặc dù CQT đã áp dụng đồng bộ nhiều biện pháp quản lý và cưỡng chế, tỷ lệ nợ thuế trên tổng thu ngân sách trong giai đoạn 2021 - 2025 tại địa bàn vẫn ở mức cao và thường xuyên vượt ngưỡng chỉ tiêu (<8%) do Tổng cục Thuế (TCT) giao. Các tồn tại cần cải thiện:

Hoạt động cưỡng chế nợ thuế chưa bảo đảm tính liên tục về mặt thời gian theo quy định. Theo quy trình được ban hành kèm theo Quyết định số 1795/QĐ-TCT, các biện pháp cưỡng chế phải được áp dụng một cách liên tục, nối tiếp nhau ngay khi quyết định trước đó hết hiệu lực nhằm ngăn chặn hành vi tẩu tán tài sản. Tuy nhiên, thực tế áp dụng tại địa bàn cho thấy, đối với nhiều trường hợp doanh nghiệp ngoài quốc doanh có số nợ lớn, CQT còn chậm trễ trong khâu theo dõi tuổi nợ, dẫn đến việc xuất hiện các khoảng thời gian trống kéo dài nhiều tuần giữa hai quyết định cưỡng

ché. Đặc biệt, trong bối cảnh CQT tổ chức lại mô hình hoạt động mới gắn với sáp nhập đơn vị hành chính và thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về thời gian công tác của công chức thuế, CQT địa phương ban hành nhiều Quyết định luân phiên, luân chuyển, điều động, biệt phái công chức dẫn đến cán bộ quản lý nợ của NNT thay đổi khiến công tác theo dõi nợ thuế và ban hành Quyết định CCNT chưa được sát sao, kịp thời⁵⁰. Điều này làm giảm tính nghiêm minh và hiệu lực, hiệu quả của các chế tài hành chính.

Tình trạng lập bộ tự động hàng loạt NNT theo kỳ tiền thuê đất, tiền cấp quyền KTKS dẫn đến phát sinh nợ sai lệch, nợ ảo. Đối với các dự án bất động sản, khoáng sản bị đình trệ do lỗi từ phía cơ quan nhà nước (chậm bàn giao đất, vướng quy hoạch, chưa giải quyết hồ sơ đóng cửa mỏ, hồ sơ đề nghị thu hẹp phạm vi KTKS của NNT, dự án đình trệ do chồng lấn lên vùng quy hoạch dự trữ khoáng sản titan của quốc gia), CQT vẫn tiếp tục tính tiền thuê đất, tiền cấp quyền và phạt chậm nộp theo Luật Đất đai 2013 và Luật Địa chất và Khoáng sản 2024⁵¹. Việc này khiến số nợ ghi nhận cao nhưng thực chất không phản ánh đúng nghĩa vụ thực tế của doanh nghiệp.

Sự thiếu đồng bộ trong việc triển khai các biện pháp cưỡng chế của CQT đối với từng nhóm đối tượng NNT, cụ thể số nợ từ khối hộ kinh doanh và cá nhân có xu hướng gia tăng qua các năm (chiếm đến 19,5% tổng cơ cấu nợ vào năm 2025), hoạt động áp dụng pháp luật cưỡng chế của CQT hiện nay vẫn chỉ đang tập trung xử lý khối doanh nghiệp. Các biện pháp cưỡng chế linh hoạt như trích tài khoản ngân hàng, hay biện pháp bổ sung như tạm hoãn xuất cảnh theo ngưỡng nợ quy định tại Nghị

⁵⁰ Căn cứ Quy định số 65-QĐ/TW ngày 28/4/2022 của Bộ Chính trị về luân chuyển cán bộ, Quyết định số 2028/QĐ-BTC ngày 21/10/2021 của Bộ Tài chính quy định danh mục vị trí công tác và thời hạn điều động, chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức tại các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính, Thuế tính thực hiện luân phiên, luân chuyển công chức theo quy định về thời gian công tác.

⁵¹ Xem thêm: Phương Nam – Võ Tùng, "*Chồng lấn khoáng sản - nút thắt làm nghẽn mạch phát triển*", Báo điện tử Pháp Luật Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 8 năm 2025, nguồn: <https://plo.vn/chong-lan-khoang-san-nut-that-lam-nghen-mach-phat-trien-post866227.html>. Bài viết có nêu: "*Tỉnh Bình Thuận cũ có 15 dự án, gồm sáu dự án điện gió và chín dự án điện mặt trời, tất cả đều mắc khuyết điểm liên quan đến thực hiện trên đất dự trữ khoáng sản quốc gia titan. Một số dự án chưa được địa phương cho thuê hoặc giao đất, chưa được Cục Điện lực và năng lượng tái tạo - Bộ Công Thương hay Sở Công Thương chấp thuận kết quả kiểm tra nghiệm thu công trình.*"

định số 49/2025/NĐ-CP đối với cá nhân, chủ hộ kinh doanh hầu như chưa được triển khai đồng bộ trên thực tế.

Việc ban hành quyết định chấm dứt cưỡng chế còn chậm trễ so với quy định. Theo Quy trình cưỡng chế nợ thuế 1795, ngay trong ngày nhận được thông tin NNT đã nộp đủ toàn bộ số tiền nợ bị cưỡng chế, hoặc NNT được CQT chấp thuận cho nộp dần, gia hạn, khoan nợ, CQT phải lập tức ban hành Quyết định chấm dứt hiệu lực của QĐCC để khôi phục quyền lợi, hoạt động cho DN. Tuy nhiên, do lỗi hệ thống liên thông chứng từ giữa NHTM, KBNN và CQT, do chứng từ nộp NSNN sai sót về mặt nội dung dẫn đến chứng từ nộp NSNN được truyền dữ liệu đến CQT trễ hơn 1-3 ngày so với thực tế. Hệ quả là CQT không thể ban hành quyết định chấm dứt cưỡng chế đúng thời hạn, khiến doanh nghiệp vẫn bị treo các biện pháp hành chính như ngừng sử dụng hóa đơn, tạm hoãn xuất cảnh, hoặc phong tỏa tài khoản dù đã hoàn thành nghĩa vụ.

Khâu phối hợp hành chính xử lý thủ tục dỡ bỏ lệnh tạm hoãn xuất cảnh chưa thực hiện được bằng phương thức điện tử; căn cứ khoản 3 Điều 21 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP quy định rõ CQT phải ban hành thông báo hủy bỏ biện pháp tạm hoãn xuất cảnh trong vòng 24 giờ kể từ khi NNT hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế. Tuy nhiên, trên thực tế, khâu chuyển Công văn tại nhiều Thuế cơ sở vẫn thực hiện thủ công bằng bản giấy qua đường bưu điện dẫn đến thời gian gỡ bỏ quá 24 giờ gây ra những bức xúc không đáng có cho doanh nghiệp.

Mặc dù Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 quy định biện pháp “kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản kê biên” nhưng trên thực tế, Thuế tỉnh Lâm Đồng gần như không thể thực hiện được biện pháp này. Thực tiễn cho thấy CQT gặp vô vàn vướng mắc pháp lý và chuyên môn như: khó xác định quyền sở hữu hợp pháp của đối tượng nộp thuế đối với các tài sản bị kê biên, với trường hợp đơn vị chi nhánh hạch toán phụ thuộc ở ngoại tỉnh nợ thuế nhưng tài sản của chi nhánh lại do công ty mẹ quản lý và CQT không có chuyên môn, chức năng và thẩm quyền xác định giá (định giá tài sản). Đồng thời, việc kê biên, bán đấu giá cũng phát sinh các khoản chi phí không thể

dự liệu bao gồm chi phí kho bãi, bảo quản tài sản sau kê biên. Khó khăn này đã được Thuế tỉnh Lâm Đồng đã gửi văn bản kiến nghị Cục Thuế đề xuất sửa đổi Luật Quản lý thuế và Nghị định 126/2020/NĐ-CP theo hướng không giao CQT thực hiện biện pháp này mà cần chuyển cho cơ quan chức năng khác (như cơ quan thi hành án) thực hiện.

Cơ chế phối hợp liên ngành xử lý nợ đất đai, KTKS còn hạn chế. Khi CQT thực hiện kiến nghị thu hồi đất hay quyền KTKS do vi phạm nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo Điều 81 Luật Đất đai 2024, Điều 66 Luật Địa chất, khoáng sản 2024, CQT thường chỉ gửi văn bản đề nghị Sở NN&MT thu hồi đất, thu hồi, chấm dứt, hiệu lực giấy phép KTKS nhưng chưa chủ động chuẩn bị đầy đủ thành phần hồ sơ chứng minh các bước cưỡng chế đã áp dụng theo đúng quy định pháp luật. Đồng thời, CQT cũng chưa có sự đôn đốc sát sao khi nhiều hồ sơ bị bỏ quên, không được xử lý kịp thời. Đồng thời, những khoản nợ đất, nợ KTKS giá trị lớn vẫn xảy ra tình trạng đùn đẩy trách nhiệm, không được xử lý dứt điểm cho NNT.

Việc thực thi lệnh cưỡng chế trích tiền từ tài khoản tại các tổ chức tín dụng chưa hiệu quả. Quy định hướng dẫn tại Điều 31 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP cho phép ngân hàng có thời gian theo dõi trích tiền phong tỏa trong thời hạn hiệu lực của quyết định (30 ngày). Do quy trình gửi nhận quyết định giấy còn có độ trễ, chưa có cơ chế liên thông giữa CQT và NHTM dẫn đến việc các ngân hàng thương mại thiếu tính chủ động phối hợp, tạo khoảng trống thời gian để doanh nghiệp kịp rút tiền tẩu tán dòng tiền sang tài khoản khác.

Cuối cùng, Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận) không đồng ý với Công văn của Thuế tỉnh đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đầu tư của NNT có nợ đọng thuế kéo dài. Cụ thể, tại Công văn số 2888/KHĐT-ĐKKD ngày 15/12/2023, cơ quan đăng ký kinh doanh đã từ chối thực hiện đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và chấm dứt dự án của CQT đối với các trường hợp nợ thuế quá 90 ngày, do hành vi này không thuộc các căn cứ pháp lý được ghi nhận tại

Điều 48 Luật Đầu tư 2020. Mặt khác, đối với các doanh nghiệp không có dự án, việc ban hành quyết định thu hồi GCN ĐKDN cũng không thực hiện được; cơ quan ĐKKD cho rằng việc xóa tên doanh nghiệp khi CQT chưa áp dụng tất cả các biện pháp cưỡng chế theo Điều 125 Luật Quản lý thuế 2019 và Điều 37 Nghị định 126/2020/NĐ-CP sẽ làm mất tư cách pháp nhân của chủ thể nợ, gián tiếp tước bỏ khả năng tạo ra dòng tiền mới và dẫn đến nguy cơ thất thoát ngân sách nhà nước kéo dài.

2.5. Nguyên nhân của thực trạng nợ thuế kéo dài và sự thiếu hiệu quả trong thi hành hoạt động cưỡng chế nợ thuế

2.5.1. Nguyên nhân khách quan

2.5.1.1 Hệ thống pháp luật

Qua quá trình áp dụng các quy định pháp luật trong hoạt động QLN và CCNT, nghiên cứu nhận thấy các điểm không đồng bộ giữa Luật Quản lý thuế và pháp luật chuyên ngành, cụ thể như sau:

Căn cứ quy định tại điểm h Khoản 1 Điều 49 Luật Quản lý thuế 2025, biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất mà CQT được quyền áp dụng là đề nghị cơ quan Đăng ký kinh doanh thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với NNT⁵². Tuy nhiên, căn cứ Điều 212 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 36 Luật Đầu tư 2025, các trường hợp bị thu hồi GCN ĐKDN hoặc chấm dứt dự án đầu tư được quy định không ghi nhận hành vi “chây ỳ không nộp tiền thuế” là một căn cứ pháp lý để tước

⁵² Tham khảo: Điều 49 Luật Quản lý thuế 2025 quy định biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế:

“1. Các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bao gồm:

h) Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hành nghề, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh, đăng ký hoặc giấy phép hoạt động kinh doanh nền tảng thương mại điện tử.”

bỏ quyền kinh doanh của doanh nghiệp⁵³. Sự bất cập và thiếu đồng bộ này làm vô hiệu hóa chế tài này của ngành Thuế.

Ở địa bàn Bình Thuận cũ, nơi các khoản nợ từ đất đai và tài nguyên luôn chiếm tỷ trọng rất lớn và kéo dài dai dẳng. Theo quy định tại Điều 81 Luật Đất đai 2024 và Điều 66 Luật Địa chất và Khoáng sản 2024, Nhà nước có quyền thu hồi đất hoặc chấm dứt hiệu lực giấy phép khai thác khoáng sản nếu chủ thể không thực hiện nghĩa vụ tài chính. Điều 30 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP quy định cụ thể, nếu người sử dụng đất không nộp hoặc nộp không đầy đủ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và đã bị cơ quan thuế áp dụng biện pháp cưỡng chế theo pháp luật quản lý thuế nhưng vẫn không chấp hành, thì cơ quan thuế sẽ có văn bản đề nghị thu hồi đất. Sau đó, cơ quan thuế phải gửi thông báo kèm hồ sơ liên quan cho cơ quan quản lý đất đai để trình cấp có thẩm quyền quyết định thu hồi. Trình tự, thủ tục thu hồi đất được thực hiện theo quy định tại Điều 32 của Nghị định này. Tuy nhiên, điểm này đã hết hiệu lực bởi điểm c Khoản 3 Điều 16 Nghị định 49/2026/NĐ-CP từ ngày 31/01/2026. Vì vậy, khi cơ quan thuế gửi văn bản kiến nghị thu hồi đất, Sở NN&MT từ chối hoặc chưa đưa ra phản hồi cho CQT.

⁵³ Xem thêm: Điều 212 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định các trường hợp doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Theo đó, doanh nghiệp sẽ bị thu hồi nếu hồ sơ đăng ký có nội dung giả mạo; nếu được thành lập bởi những người thuộc diện bị cấm thành lập doanh nghiệp theo khoản 2 Điều 17; nếu ngừng hoạt động kinh doanh liên tục trong 01 năm mà không thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế; nếu không gửi báo cáo theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 216 trong vòng 06 tháng kể từ ngày hết hạn hoặc có yêu cầu bằng văn bản; và trong các trường hợp khác theo quyết định của Tòa án hoặc đề nghị của cơ quan có thẩm quyền theo luật định. Như vậy, căn cứ pháp lý về thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được quy định khá chặt chẽ, chủ yếu tập trung vào hành vi giả mạo, vi phạm điều kiện thành lập, không thực hiện nghĩa vụ báo cáo hoặc ngừng hoạt động kéo dài mà không thông báo.

Điều 36 Luật Đầu tư 2025 quy định về việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư, trong đó xác định cả trường hợp nhà đầu tư tự chấm dứt và trường hợp cơ quan đăng ký đầu tư buộc chấm dứt. Nhà đầu tư có thể quyết định dừng dự án theo hợp đồng, điều lệ hoặc khi hết thời hạn hoạt động. Cơ quan đăng ký đầu tư có quyền chấm dứt dự án nếu dự án thuộc diện ngừng hoạt động mà không khắc phục được, quá 24 tháng kể từ khi hết tiến độ nhưng không hoàn thành mục tiêu, không tiếp tục sử dụng địa điểm đầu tư, ngừng hoạt động quá 12 tháng mà không liên lạc được với nhà đầu tư, bị thu hồi đất, không ký quỹ, hoạt động đầu tư dựa trên giao dịch giả tạo, theo bản án hoặc phán quyết trọng tài, hoặc tổ chức kinh tế đã giải thể nhưng chưa xử lý dự án. Với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, việc chấm dứt phải có ý kiến của cơ quan chấp thuận chủ trương. Khi dự án chấm dứt, nhà đầu tư phải tự thanh lý theo pháp luật về thanh lý tài sản, còn việc xử lý đất và tài sản gắn liền với đất thực hiện theo pháp luật đất đai. Trong trường hợp dự án chấm dứt theo quy định, cơ quan đăng ký đầu tư sẽ quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

Trong trường hợp thu hẹp phạm vi khai thác khoáng sản, căn cứ điểm a khoản 9 Điều 111 Luật Địa chất và Khoáng sản 2024 và khoản 8, khoản 9 Điều 139 Nghị định 193/2025/NĐ-CP, NNT vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đang có hiệu lực cho đến khi có quyết định thay thế của cơ quan quản lý nhà nước. Sau khi có kết quả quyết toán, cơ quan thuế sẽ xử lý theo quy định: nếu số tiền đã nộp lớn hơn số phải nộp thì được bù trừ hoặc hoàn trả, nếu số tiền đã nộp nhỏ hơn thì doanh nghiệp phải nộp bổ sung trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có thông báo quyết toán. Điều này dẫn đến nợ ảo cho DN có hoạt động KTKS bị hạn chế và thu hẹp. Một bất cập khác nằm ở cơ chế tính lãi chậm nộp tự động. TMS vẫn tự động phạt chậm nộp 0,03%/ngày cho tất cả khoản nợ ảo nêu trên. Điều này dẫn đến việc ngay cả DN không thực tế đầu tư, hoạt động, khai thác, dự án ngưng trệ, đình chỉ nhưng vẫn phải chịu khoản tiền chậm nộp sinh ra mỗi ngày.

Biện pháp trích tiền từ tài khoản hoặc phong tỏa tài khoản của NNT tại các ngân hàng thương mại (NHTM) được CQT ban hành với số lượng lớn nhất (2.859 quyết định năm 2025), nhưng tỷ lệ thu hồi dòng tiền thực tế lại thấp nhất. Quy định tại Thông tư 215/2013/TT-BTC cho phép KBNN, NHTM có thời gian 5 ngày làm việc để làm thủ tục trích chuyển tiền kể từ khi nhận QĐCC. Khoảng thời gian có thể bị NNT lợi dụng để tẩu tán tiền trong tài khoản. Đồng thời, Điều 19 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP có quy định chế tài phạt hành chính từ 2 triệu đến 16 triệu đồng đối với hành vi chậm cung cấp thông tin tài khoản hoặc không phối hợp trích nộp thuế⁵⁴. Thực tế, cũng chưa có NHTM nào bị phạt về vấn đề này dẫn đến tâm lý miễn cưỡng, thiếu trách nhiệm phối hợp của một số NHTM trên địa bàn.

⁵⁴ Điều 19 Nghị định 125/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với tổ chức, cá nhân liên quan QĐCC. Cụ thể, phạt từ 2–6 triệu đồng đối với hành vi cung cấp thông tin, tài liệu về nghĩa vụ thuế hoặc tài khoản của người nộp thuế chậm từ 5 ngày trở lên. Phạt từ 6–16 triệu đồng đối với hành vi thông đồng, bao che người nộp thuế trốn thuế, không thực hiện QĐCC (trừ trường hợp không trích chuyển tiền từ tài khoản theo Điều 18), hoặc không cung cấp/cung cấp sai thông tin về tài sản, quyền, nghĩa vụ tài sản, tài khoản của NNT.

Hiện tượng các doanh nghiệp lựa chọn giải pháp bỏ địa chỉ kinh doanh tạo ra các khoản nợ thuế khó thu hồi thay vì thực hiện các thủ tục chấm dứt tư cách pháp nhân chính thức bằng thủ tục giải thể hoặc thủ tục phá sản. Thứ nhất, trong thứ tự phân chia tài sản quy định tại Điều 46 Luật Phục hồi, phá sản năm 2025 đặt quyền lợi của chủ sở hữu doanh nghiệp ở vị trí sau cùng trong chuỗi ưu tiên thanh toán - sau chi phí phá sản, nợ lương người lao động, nợ có bảo đảm và các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước. Điều này làm cho chủ doanh nghiệp cho rằng việc chủ động nộp đơn phá sản đồng nghĩa với việc mất toàn bộ phần tài sản còn lại mà không có cơ hội thu hồi, từ đó thúc đẩy họ chọn cách đóng cửa ngầm để tẩu tán tài sản trước khi cơ quan quản lý can thiệp. Đồng thời, tại Điều 84 Luật Phục hồi, phá sản quy định về cấm quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp mới từ 01 đến 03 năm đối với người quản lý của doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản. Thứ ba, các NHTM nhận thể chấp luôn xu hướng tìm cách giãn nợ, thỏa hiệp ngầm nhằm tránh việc phải phân loại nợ xấu và trích lập dự phòng rủi ro lớn theo quy định của pháp luật ngân hàng⁵⁵. Đồng thời, thủ tục phá sản tại cơ quan Tòa án thường kéo dài tốn nhiều thời gian, nguồn lực của chủ sở hữu DN.

Khi rà soát các khoản nợ sai, nợ ảo do DN nộp nhầm hay sai sót hạch toán của NHTM, KBNN hay CQT, NNT sẽ thực hiện tra soát thông tin chứng từ nộp tiền theo Điều 69 Thông tư số 80/2021/TT-BTC. Cụ thể, Điều 69 quy định về việc tra soát chứng từ nộp thuế giữa Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại và cơ quan thuế. Tuy nhiên, thời hạn tra soát các chứng từ sai sót năm trước chỉ được đến ngày 31/01 của năm sau. Thực tế nhiều trường hợp chứng từ nộp thuế bị ghi sai tiêu mục, sai mã số thuế hoặc sai thông tin người nộp thuế không được xử lý kịp thời trong khoảng thời gian này dẫn đến nợ thuế trên TMS. Điều này tạo ra một lượng lớn nợ ảo, doanh nghiệp thực tế đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính nhưng vẫn bị treo nợ trên hệ thống,

⁵⁵ Tham khảo: Thông tư số 31/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024 của Ngân hàng Nhà nước Việt nam quy định về phân loại tài sản có trong hoạt động của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

dẫn đến việc cơ quan thuế phải ban hành thông báo nợ và có thể ban hành quyết định cưỡng chế không chính xác.

Chế tài phạt chậm nộp chưa đủ sức răn đe, dẫn đến tình trạng chiếm dụng NSNN. Mức phạt chậm nộp hiện hành được quy định là 0,03%/ngày (tương đương khoảng 10,95%/năm). Trong bối cảnh kinh tế khó khăn, các NH thắt chặt tín dụng, mức phạt này thực tế lại thấp hơn lãi suất vay vốn NHTM, đồng thời CQT chỉ tính lãi đơn trên nợ gốc chứ không tính lãi kép như NH. Điều này tạo ra một kẽ hở pháp lý khiến nhiều DN không nộp tiền thuế nợ và chấp nhận bị phạt chậm nộp để chiếm dụng tiền thuế (đặc biệt là tiền thuế GTGT đã thu của người mua) làm vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh thay vì phải đi vay NH với thủ tục phức tạp hơn.

Về tạm hoãn xuất cảnh, khoản 5 Điều 17 Luật Quản lý thuế 2025 đã quy định đối tượng có thể áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh có chủ sở hữu hưởng lợi của DN. Căn cứ Điều 17 Nghị định 168/2025/NĐ-CP, về chủ sở hữu hưởng lợi đã tạo bước chuyển quan trọng trong quản lý doanh nghiệp, khi xác định người thực sự nắm quyền lực và dòng tiền thay vì chỉ dựa vào người đại diện pháp luật trên giấy tờ⁵⁶. Tuy nhiên, việc thực thi cũng gặp nhiều khó khăn trong việc chứng minh quyền chi phối thực tế vì thiếu chứng cứ công khai và rủi ro pháp lý nếu quyết định hoãn xuất cảnh dựa trên căn cứ định tính chưa vững chắc, dễ dẫn đến khiếu kiện hành chính và thiếu liên thông dữ liệu thời gian thực giữa ngân hàng và thuế, khiến việc truy vết sở hữu gián tiếp khó khăn và xung đột lợi ích khi cổ đông lớn chỉ đầu tư tài chính thuần túy nhưng vẫn bị đưa vào diện cưỡng chế.

2.5.1.2 Điều kiện kinh tế - xã hội

Trong giai đoạn 2021 – 2025, nền kinh tế chịu ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid-19 và những biến động phức tạp của kinh tế thế giới (xung đột vũ trang, khủng

⁵⁶ Quy định này dựa trên hai tiêu chí: (i) định lượng – sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 25% vốn điều lệ/cổ phần có quyền biểu quyết; (ii) định tính – quyền lực thực tế như bổ nhiệm nhân sự cấp cao, thay đổi điều lệ, giải thể công ty. Ý nghĩa pháp lý là chuyển từ hình thức pháp lý sang bản chất kinh tế, giúp cơ quan quản lý nhận diện đúng đối tượng chi phối doanh nghiệp

hoảng năng lượng, lạm phát toàn cầu). Cùng với đó là chính sách thắt chặt tiền tệ, siết chặt tín dụng và sự trầm lắng của thị trường giao dịch BĐS. Hậu quả là nhiều DN (đặc biệt trong lĩnh vực xây dựng, BĐS, du lịch) rơi vào tình trạng thiếu hụt dòng tiền, làm ăn thua lỗ kéo dài, dẫn đến mất khả năng thanh toán các khoản thuế đúng hạn.

Tiếp đó, đặc thù kinh tế địa phương phụ thuộc nhiều vào khai thác tài nguyên và năng lượng. Đây là ngành có rủi ro cao, chịu tác động từ quy hoạch, giá cả thế giới và chính sách môi trường. Khi sản lượng thực tế sụt giảm hoặc dự án bị đình trệ do vướng thủ tục, doanh nghiệp ngay lập tức rơi vào khủng hoảng tài chính. Trong khi nghĩa vụ thuế vẫn được tính dựa trên sản lượng đăng ký ban đầu, sự chênh lệch này đã đẩy nợ thuế ngành KTKS lên cao.

Một yếu tố khác là sự bùng nổ của kinh tế số và thương mại điện tử. Phương thức kinh doanh phi biên giới, ẩn danh trên các sàn điện tử và mạng xã hội khiến cơ quan thuế khó kiểm soát. Nhiều cá nhân, hộ kinh doanh nhỏ lẻ tận dụng đặc tính này để né tránh kê khai, tạo ra dòng doanh thu ầm ầm. Khi cần, họ dễ dàng xóa gian hàng hoặc chuyển địa bàn kinh doanh mà không để lại dấu vết pháp lý, gây khó khăn cho việc thu hồi nợ thuế.

Cuối cùng, thói quen xã hội vẫn thiên về giao dịch tiền mặt. Dù chính sách thanh toán không dùng tiền mặt đã được thúc đẩy, nhưng tại một tỉnh có nhiều vùng nông thôn, ngư nghiệp như Bình Thuận, các giao dịch nhỏ lẻ vẫn chủ yếu bằng tiền mặt hoặc qua nhiều tài khoản trung gian không đăng ký với cơ quan thuế. Điều này làm giảm hiệu lực của biện pháp cưỡng chế phong tỏa tài khoản ngân hàng, bởi dòng tiền thực tế không đi qua hệ thống chính thức, khiến quyết định cưỡng chế khó tiếp cận nguồn tiền thật của người nộp thuế.

2.5.1.3 Cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật

Một trong những nguyên nhân khách quan quan trọng làm giảm hiệu quả quản lý và cưỡng chế nợ thuế tại địa phương chính là sự hạn chế và thiếu đồng bộ về cơ sở vật chất, hạ tầng CNTT và công cụ quản trị dữ liệu.

Thứ nhất, hệ thống TMS còn quá tải và thiếu linh hoạt. Dù đã được cải tiến, TMS vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu xử lý dữ liệu khổng lồ theo thời gian thực. Khi cơ quan thuế thực hiện phân loại nợ, tính tiền chậm nộp hoặc phát hành thông báo cưỡng chế, hệ thống thường phản hồi rất lâu, đặc biệt khi thực hiện cưỡng chế nợ thuế các DN có phát sinh tiền chậm nộp qua nhiều năm. Tính tự động tổng hợp, phân tích dữ liệu, dự báo rủi ro của hệ thống gần như không có. Toàn bộ chiến lược quản lý nợ cho từng NNT đều phụ thuộc hoàn toàn vào CBT.

Thứ hai, hạ tầng kết nối liên ngành chưa đồng bộ. Công tác cưỡng chế nợ thuế đòi hỏi sự phối hợp tức thời, năng nổ từ nhiều cơ quan như ngân hàng thương mại, Kho bạc Nhà nước, cơ quan đăng ký kinh doanh, Sở Tài nguyên và Môi trường, hay cơ quan quản lý xuất nhập cảnh. Tuy nhiên, do rào cản công nghệ và bảo mật, hệ thống liên thông dữ liệu quốc gia chưa hoàn chỉnh. Việc truy vết số dư tài khoản hay rà soát biến động tài sản vẫn chủ yếu thực hiện qua văn bản giấy hoặc email thủ công, khiến cơ quan thuế bỏ lỡ thời điểm phong tỏa tài khoản hoặc tài sản trước khi đối tượng tẩu tán.

Thứ ba, thiếu công cụ công nghệ chuyên sâu cho kinh tế số. Sự phát triển mạnh mẽ của thương mại điện tử và giao dịch xuyên biên giới đặt ra yêu cầu giám sát bằng công nghệ hiện đại. Tuy nhiên, cơ quan thuế địa phương chưa được trang bị các phần mềm chuyên dụng như công cụ quét dữ liệu web tự động, phân tích blockchain tài chính hay trí tuệ nhân tạo (AI) nhận diện rủi ro dòng tiền. Việc quản lý thuế đối với kinh doanh trực tuyến vẫn dựa vào báo cáo thủ công hoặc đối soát từ ngân hàng, khiến cơ quan thuế luôn đi sau một bước so với thủ đoạn ẩn danh và dịch chuyển dòng tiền tinh vi trên không gian mạng.

Thứ tư, trang thiết bị tại các Thuế cơ sở chưa đồng đều. Một số Thuế cơ sở vẫn sử dụng hạ tầng máy tính, đường truyền mạng và thiết bị lưu trữ đã cũ, chưa được nâng cấp đồng bộ với tiến trình số hóa của Cục Thuế. Điều này gây khó khăn cho công chức trong việc triển khai ký số quy mô lớn, tra cứu hồ sơ lịch sử hoặc xử lý tra

soát điện tử nhanh chóng, kéo dài thời gian giải quyết thủ tục hành chính và làm giảm hiệu quả quản lý nợ thuế tại cơ sở.

2.5.2. Nguyên nhân chủ quan

2.5.2.1 Về phía người nộp thuế

Một bộ phận người nộp thuế, đặc biệt là doanh nghiệp tư nhân vừa và nhỏ, chưa hình thành được văn hóa tuân thủ pháp luật thuế. Khi gặp khó khăn tài chính, thay vì lựa chọn các giải pháp hợp pháp như tái cấu trúc, xin gia hạn hoặc đề nghị miễn giảm tiền chậm nộp, họ lại có xu hướng chây ỳ, chiếm dụng tiền thuế để làm vốn lưu động. Tâm lý xem nhẹ chế tài hành chính và tận dụng kẽ hở trong hệ thống pháp luật để trốn tránh nghĩa vụ. Ngoài ra, năng lực quản trị tài chính của nhiều doanh nghiệp còn yếu, hệ thống kế toán thiếu chuẩn mực. Phần lớn doanh nghiệp nhỏ vận hành theo mô hình gia đình, thiếu chuyên gia tài chính, dẫn đến việc lập kế hoạch dòng tiền không khoa học, đầu tư dàn trải vào tài sản kém thanh khoản. Sổ sách kế toán thường không minh bạch, sai tiểu mục hoặc mã số thuế khi nộp tiền, gây ra lỗi hệ thống trên TMS và hình thành các khoản nợ thuế ảo kéo dài mà DN không phát hiện để thực hiện tra soát trước thời hạn quy định. Ngoài ra, tình trạng DN âm thầm ngừng hoạt động, rút sạch tiền tài khoản và tự ý bỏ địa chỉ kinh doanh mà không thực hiện thủ tục giải thể, phá sản ngày càng tinh vi, khiến CQT không thể tiếp cận để đôn đốc hay áp dụng biện pháp cưỡng chế.

2.5.2.2 Về phía cơ quan thuế

Quy trình phân loại nợ và đối thoại với người nộp thuế chưa được thực hiện một cách quy chuẩn. Ở giai đoạn đầu phát sinh nợ, việc rà soát tính chính xác của khoản nợ chưa triệt để, dẫn đến tình trạng nhầm lẫn giữa nợ thật và nợ ảo. Điều này khiến các thông báo nợ hoặc quyết định đôn đốc thiếu chính xác, làm giảm uy tín và tính nghiêm minh của cơ quan thuế.

Bên cạnh đó, việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế còn chậm trễ và thiếu kiên quyết. Thay vì triển khai tuần tự từ biện pháp nhẹ đến mạnh, nhiều trường hợp cơ

quan thuế chỉ dừng lại ở cường chế tài khoản – vốn ít hiệu quả với doanh nghiệp bỏ địa chỉ – mà chưa mạnh dạn chuyển sang biện pháp mạnh hơn như hoãn xuất cảnh hoặc đề nghị thu hồi giấy phép kinh doanh. Tâm lý e ngại khiếu kiện hành chính và áp lực chỉ tiêu thu ngân sách đã khiến nợ thuế khó thu hồi.

2.5.2.3 Về phía đội ngũ công chức thuế

Thứ nhất, áp lực khối lượng công việc quá lớn. Trong bối cảnh biên chế ngành Thuế có xu hướng tinh giản, số lượng doanh nghiệp và hộ kinh doanh ngày càng tăng, công chức quản lý nợ phải xử lý hàng ngàn hồ sơ nợ và quyết định cường chế mỗi kỳ. Áp lực này khiến việc kiểm tra, phân tích hồ sơ hoặc tra soát chứng từ phức tạp khó được thực hiện nhanh chóng, dẫn đến tình trạng hồ sơ tồn đọng ngày càng nhiều.

Thứ hai, trình độ chuyên môn chưa đồng đều. Quản lý nợ thuế trong bối cảnh mới đòi hỏi công chức không chỉ nắm vững pháp luật thuế mà còn phải có kiến thức về Luật Doanh nghiệp, Luật Phá sản, Luật Tín dụng và kỹ năng quản trị dữ liệu số. Tuy nhiên, thực tế cho thấy một bộ phận công chức vẫn còn lúng túng khi xử lý các hồ sơ nợ phức tạp, như truy vết dòng tiền, xử lý nợ của doanh nghiệp đang giải thể, phá sản hoặc liên quan đến tranh chấp đất đai, khoáng sản. Điều này khiến việc tham mưu các biện pháp cường chế thường mang tính an toàn, thiếu tính đột phá.

Thứ ba, sự thiếu hụt kinh nghiệm thực tiễn. Tại Bình Thuận (cũ), đội ngũ công chức quản lý nợ có nhiều cán bộ trẻ, nhiệt tình và năng động. Tuy nhiên, trong công tác thu hồi nợ, đặc biệt là khi làm việc trực tiếp với doanh nghiệp để thuyết phục họ nộp tiền vào ngân sách, rất cần những công chức có kinh nghiệm lâu năm, am hiểu tâm lý và có kỹ năng đàm phán. Sự thiếu hụt lực lượng cán bộ giàu kinh nghiệm đã phần nào làm giảm hiệu quả của các biện pháp thu hồi nợ trên thực tế.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Từ việc đánh giá thực trạng pháp luật về quản lý nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế ở Việt Nam thông qua thực tiễn áp dụng tại Thuế tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2021–2025, trên cơ sở các tiêu chí và yêu cầu nâng cao hiệu quả thực hiện, có thể rút ra một số kết luận sau:

1. Quy định pháp luật về phân loại, đơn đốc và quản lý nợ thuế còn nhiều bất cập. Một là, cơ chế khoan tiền thuế nợ chưa phân tách rõ ràng các trường hợp người nộp thuế bị hạn chế quyền khai thác đất đai, khoáng sản do lỗi từ phía cơ quan nhà nước (như chậm bàn giao đất, vướng quy hoạch, chồng lấn vùng dự trữ quốc gia). Hệ thống vẫn tự động lập bộ tính tiền thuê đất, tiền cấp quyền và phạt chậm nộp 0,03%/ngày, tạo ra các khoản nợ ảo kéo dài. Hai là, thủ tục tra soát và điều chỉnh dữ liệu còn cứng nhắc, khung thời gian xử lý sai sót chứng từ bị giới hạn, khiến nhiều doanh nghiệp dù đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính vẫn bị treo nợ trên sổ sách. Ba là, chế tài phạt chậm nộp cố định 0,03%/ngày (tương đương 10,95%/năm) thấp hơn lãi suất vay thương mại ngắn hạn và chỉ tính lãi đơn, tạo kẽ hở cho doanh nghiệp cố tình chây ỳ, chiếm dụng tiền thuế GTGT làm vốn lưu động.

2. Quy định pháp luật về các biện pháp cưỡng chế nợ thuế còn nhiều hạn chế và thiếu đồng bộ với pháp luật chuyên ngành. Một là, biện pháp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bị cơ quan Đăng ký kinh doanh từ chối thực hiện do Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư không coi hành vi chây ỳ nợ thuế là căn cứ pháp lý để thu hồi giấy phép hoặc chấm dứt dự án. Hai là, biện pháp trích tiền từ tài khoản và phong tỏa tài khoản thiếu hiệu quả khi quy định cho ngân hàng thương mại thời hạn 5 ngày thực hiện lệnh, tạo khoảng trống để đối tượng nợ thuế tẩu tán dòng tiền; đồng thời thiếu chế tài xử phạt nghiêm đối với tổ chức tín dụng không phối hợp. Ba là, biện pháp kê biên và bán đấu giá tài sản thiếu khả thi do cơ quan thuế không có chức năng, chuyên môn và kinh phí để xác minh quyền sở hữu, định giá hoặc bảo quản tài sản. Bốn là, cơ chế phối hợp thu hồi đất, mở giữa cơ quan thuế và Sở Tài nguyên & Môi trường chưa được thể chế hóa thành quy trình pháp lý chặt chẽ, rõ ràng.

3. Quy định pháp luật về các biện pháp cưỡng chế bổ sung và thủ tục hành chính liên quan còn nhiều bất cập Một là, biện pháp tạm hoãn xuất cảnh chưa có điều khoản riêng biệt với giới hạn pháp lý vững chắc khi mở rộng áp dụng cho chủ sở hữu hưởng lợi thực sự của doanh nghiệp, gây rủi ro pháp lý cho cơ quan thuế khi xác minh dựa trên tiêu chí định tính. Hai là, quy trình gỡ bỏ lệnh cưỡng chế còn chậm trễ do hạ tầng kết nối chứng từ liên thông giữa Ngân hàng - Kho bạc - Cơ quan Thuế - Công an thường xuyên bị trễ, ảnh hưởng đến quyền lợi kinh doanh chính đáng của doanh nghiệp.

Những nghiên cứu lý luận ở Chương 1 và việc phân tích toàn diện các vướng mắc pháp lý trong thực tiễn tại Chương 2 chính là cơ sở khoa học quan trọng để Chương 3 tiếp tục kiến nghị các giải pháp hoàn thiện hệ thống pháp luật và nâng cao hiệu quả quản lý, cưỡng chế nợ thuế tại Lâm Đồng.

CHƯƠNG 3:

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LÝ VỀ QUẢN LÝ NỢ VÀ CƯỜNG CHẾ NỢ THUẾ

3.1. Nhóm giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật về quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế

3.1.1. Định hướng hoàn thiện khung pháp lý

Hoàn thiện pháp luật về QLN và CCNT phải đặt trong tổng thể Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 theo Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Định hướng này yêu cầu chuyển từ cách tiếp cận hành chính truyền thống sang mô hình quản trị hiện đại, lấy NNT làm trung tâm và quản lý thuế dựa trên nền tảng công nghệ số.

Trọng tâm là hiện đại hóa toàn diện công tác quản lý thông qua chuyển đổi số và TMS. Các quy định pháp luật cần hỗ trợ việc tự động hóa quy trình nghiệp vụ, từ khâu rà soát, hạch toán đến ban hành QĐCC điện tử trên TMS. Việc điện tử hóa toàn bộ quy trình vừa rút ngắn thời gian xử lý, vừa giảm sai sót chủ quan, đảm bảo dữ liệu nợ phản ánh đúng nghĩa vụ thực tế.

Định hướng cải cách cũng phải bảo đảm tính đồng bộ trong hệ thống pháp luật, tránh chồng chéo giữa Luật Quản lý thuế và pháp luật chuyên ngành. Cần thống nhất điều kiện thu hồi giấy phép DN, dự án đầu tư, cũng như xử lý nợ liên quan đến đất đai và khoáng sản, đối chiếu với Luật Đất đai 2024, Luật Địa chất và Khoáng sản 2024, Luật số 147/2025/QH15, Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Đầu tư 2025 để có cơ sở pháp lý rõ ràng.

Tính khả thi là yếu tố quyết định hiệu lực thực tế. Các quy định cần sát với thực tiễn. Định hướng hoàn thiện pháp luật phải gắn với mục tiêu giảm tỷ lệ nợ đọng. Chế tài tiền chậm nộp cần điều chỉnh linh hoạt theo lãi suất vay thương mại để hạn chế tình trạng chiếm dụng vốn NSNN. Đồng thời, CQT phải được trao công cụ pháp

lý mạnh mẽ để thu hồi tối thiểu 80–90% số nợ có khả năng thu, kết hợp làm sạch dữ liệu, xử lý triệt để nợ sai, nợ ảo. Công tác QLN cần chuyển từ đôn đốc thụ động sang kiểm soát rủi ro chủ động, phân loại nợ theo mức độ tuân thủ và tình hình tài chính của DN để áp dụng biện pháp cưỡng chế đúng trọng tâm, góp phần xây dựng môi trường kinh doanh minh bạch, phù hợp với chuẩn mực quản trị thuế hiện đại và tiến trình hội nhập quốc tế.

3.1.2. Hoàn thiện cơ sở pháp lý và quy trình cưỡng chế nợ thuế

Ngày 10/12/2025, Quốc hội đã ban hành Luật Quản lý thuế 2025 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026, thay thế cho Luật Quản lý thuế 2019. So với Luật Quản lý thuế năm 2019, Luật Quản lý thuế năm 2025 đã có những thay đổi quan trọng trong việc cụ thể hóa các trường hợp nợ đặc thù. Tuy nhiên, CQT địa phương vẫn cần các văn bản hướng dẫn (Nghị định, Thông tư) chi tiết hóa Luật Quản lý thuế để đảm bảo tính khả thi của các quy định pháp luật:

Về cơ chế khoan tiền thuế nợ, điểm mới nổi bật tại Điểm e Khoản 1 Điều 20 Luật Quản lý thuế 2025 bổ sung trường hợp được khoan nợ đối với NNT bị hạn chế thực tế quyền khai thác, sử dụng đất đai, khoáng sản do nguyên nhân từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trước đây, Luật Quản lý thuế 2019 chưa có quy định này, dẫn đến hàng trăm tỷ đồng nợ tiền thuê đất, tiền cấp quyền của các dự án vướng thủ tục giải phóng mặt bằng hoặc điều chỉnh quy hoạch, điều chỉnh sản lượng KTKS vẫn tiếp tục được CQT lập bộ hằng năm, hệ thống TMS tự động tính tiền chậm nộp 0,03%/ngày, tạo ra số thuế nợ lớn. Do đó, Chính phủ cần ban hành Nghị định hướng dẫn cụ thể tiêu chí xác định “hạn chế quyền trên thực tế” để CQT có căn cứ ra quyết định khoan nợ và dừng tính tiền chậm nộp cho NNT.

Tại Điều 49 Luật Quản lý thuế 2025 tiếp tục quy định CQT có thẩm quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh thu hồi GCN ĐKDN là biện pháp cưỡng chế cuối cùng. Tuy nhiên, Điều 212 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định về thu hồi GCN ĐKDN, lại không liệt kê trường hợp NNT có nợ thuế chây ỳ là căn cứ để thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận. Do đó, đề xuất Quốc hội sửa đổi Luật Doanh nghiệp theo hướng bỏ

sung hành vi "Không chấp hành các QĐCC nợ thuế sau 01 năm kể từ ngày có đề nghị của cơ quan quản lý thuế trực tiếp về việc thu hồi GCN ĐKKD, giấy chứng nhận đăng ký DN, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, giấy chứng nhận đăng ký HKD, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hành nghề, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh, đăng ký hoặc giấy phép hoạt động kinh doanh nền tảng thương mại điện tử của NNT" là căn cứ để thu hồi giấy phép, GCN ĐKKD.

Tại Điều 81 Luật Đất đai 2024 quy định về việc thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai khi người sử dụng đất không thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước. Tuy nhiên, trình tự phối hợp để CQT chuyển hồ sơ cưỡng chế không thành sang cho Sở NN&MT để thực hiện thu hồi đất vẫn chưa được thể chế hóa thành một quy trình pháp lý có tính ràng buộc thời gian. Do vậy, đề xuất, cần ban hành Thông tư liên tịch giữa Bộ Tài chính và Bộ NN&MT quy định chi tiết hồ sơ xác nhận DN "không chấp hành nghĩa vụ tài chính sau khi đã áp dụng đầy đủ các biện pháp cưỡng chế nợ thuế" làm căn cứ để Sở NN&MT lập thủ tục thu hồi đất, tránh việc đùn đẩy trách nhiệm hồ sơ giữa hai ngành.

Về thực hiện kê biên tài sản để thu hồi nợ thuế, sau khi nhận được báo cáo vướng mắc của các Thuế tỉnh, thành phố, tại Điều 39 Luật Quản lý thuế 2025 đã có sự thay đổi phù hợp; trong đó, quy định UBND các cấp, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có nhiệm vụ chỉ đạo các cơ quan có liên quan tại địa phương phối hợp với cơ quan QLT lập dự toán và tổ chức thực hiện nhiệm vụ thu thuế, các khoản thu khác thuộc NSNN trên địa bàn; thực hiện kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản đối với NNT bị cưỡng chế thi hành QĐHC về QLT bằng biện pháp kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản kê biên. Tại Điều 50 Luật Quản lý thuế 2025 cũng quy định Chủ tịch UBND các cấp ban hành QĐCC thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế đối với biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản kê biên theo đề nghị của CQT. Đề xuất Chính phủ ban hành Nghị định để quy định rõ trình tự, thủ

tục hồ sơ, thẩm quyền của các bên trong kê biên, bán đấu giá tài sản để thu hồi nợ thuế cho NSNN.

Để siết chặt trách nhiệm của người thực sự đứng sau doanh nghiệp và thực hiện đúng tinh thần của Nghị định 49/2025/NĐ-CP, Nghị định 168/2025/NĐ-CP, Quốc hội cần xem xét sửa đổi, bổ sung Luật Quản lý thuế, thiết lập điều khoản riêng về thẩm quyền, điều kiện và giới hạn pháp lý khi áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh đối với chủ sở hữu hưởng lợi, nhằm tạo nền tảng pháp lý vững chắc và giảm thiểu tranh chấp hành chính; đồng thời Bộ Tài chính cần có Thông tư hướng dẫn nghiệp vụ xác minh chủ sở hữu hưởng lợi, trao quyền cho cơ quan thuế yêu cầu tổ chức tín dụng cung cấp dữ liệu giao dịch để bóc tách quan hệ giữa người đại diện pháp luật “thuê” và chủ sở hữu thực sự.

Cần linh hoạt thủ tục điều chỉnh nợ sai, nợ ảo và sửa đổi quy định tính phạt đối với nhóm nợ đang xử lý. Quy định nên được thay đổi theo hướng: Không tính tiền phạt chậm nộp đối với nhóm nợ đang xử lý trong thời gian cơ quan nhà nước thụ lý hồ sơ. Để tránh trục lợi, cần quy định chặt chẽ tiêu chí và hồ sơ để một khoản nợ được phân loại vào nhóm này. Đồng thời, cần kéo dài thời hạn hoặc mở rộng khung thời gian cho phép điều chỉnh nợ sai, nợ ảo (ví dụ: cho phép điều chỉnh linh hoạt trong vòng 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm dương lịch thay vì 01 tháng như hiện hành).

Theo quy định tại Điều 16 Luật Quản lý thuế năm 2025, mức tính tiền chậm nộp tiếp tục là 0,03%/ngày tính trên số tiền thuế chậm nộp mặc dù đã có nhiều kiến nghị về việc tăng tỷ lệ phần trăm này lên. Để giải quyết tình trạng chiếm dụng vốn ngân sách, cần sửa đổi quy định theo hướng chuyển từ mức phạt "cố định" sang mức phạt "linh hoạt và lũy tiến", cụ thể như sau: Xác lập mức phạt dựa trên lãi suất cho vay bình quân. Quy định mức tiền chậm nộp tối thiểu phải bằng 1,5 lần lãi suất cho vay ngắn hạn bình quân của 04 NHTM nhà nước tại thời điểm ngày 01 hằng tháng của tháng phát sinh nợ thuế. Một phương án khác là CQT có thể áp dụng cơ chế phạt lũy tiến theo thời gian chậm nộp, cụ thể: áp dụng mức 0,03%/ngày cho khoản nợ từ 90 ngày đổ xuống, 0,05%/ngày cho khoản nợ từ ngày thứ 91 đến ngày thứ 180 và

mức 0,07%/ngày cho khoản nợ trên 181 ngày. Đây là mô hình tương tự Đan Mạch với mức lãi suất tính theo tháng rất cao (6%/tháng). Hoặc ở Pháp với tỷ lệ phạt tăng dần theo thời gian. Theo đó, mức lãi suất 0,75% sẽ được cộng thêm sau mỗi tháng chậm nộp (tháng sau cao hơn tháng trước theo bội số của 0,75%) nếu DN vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ tài chính.

3.2. Nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi quản lý nợ thuế tại CQT

Bên cạnh việc hoàn thiện khung pháp luật, yếu tố quyết định đến hiệu quả thu hồi nợ đọng nằm ở khâu tổ chức thực hiện nghiệp vụ tại CQT.

Chuẩn hóa công tác phân loại nợ và xử lý dữ liệu nợ sai, nợ ảo là bước khởi đầu quan trọng. Việc phân loại phải dựa trên hồ sơ pháp lý đầy đủ, tuân thủ nghiêm Quy trình 1129/QĐ-TCT, tránh tình trạng đưa vào nhóm đang xử lý hoặc chờ điều chỉnh khi thiếu căn cứ. Hồ sơ khai bổ sung làm giảm nghĩa vụ thuế cần được kiểm soát chặt chẽ, chỉ hạch toán sau khi xác minh chứng từ hợp pháp, hợp lệ. Đồng thời, dữ liệu nợ phải được làm sạch thông qua phối hợp với KBNN và các NHTM, xử lý dứt điểm các khoản nợ phát sinh từ lỗi chứng từ hoặc sai mục lục ngân sách. Việc này giúp số liệu phản ánh đúng thực chất, tránh tình trạng thông báo nợ sai, mất uy tín với NNT.

Các khoản nợ ngắn hạn cần được nhắc nhở kịp thời bằng nhiều hình thức như email, tin nhắn, ứng dụng eTax Mobile. Cục Thuế nên triển khai dịch vụ gọi tự động (Auto Call) như Nhật Bản để giảm bớt thời gian cán bộ thuế thực hiện đơn đốc nợ thủ công. Với nợ kéo dài trên 90 ngày, CQT phải ban hành đầy đủ QĐCC theo quy định, không để gián đoạn giữa các biện pháp. Biện pháp THXC cần được áp dụng cả với người thực sự đứng sau doanh nghiệp thay vì chỉ người đại diện pháp luật, đồng thời phải kịp thời hủy bỏ lệnh tạm hoãn khi nghĩa vụ đã hoàn thành để bảo đảm quyền lợi công dân. Đối với các dự án đất đai và khoáng sản chây ỳ, CQT cần lập hồ sơ đầy đủ, đúng quy định pháp luật để tham mưu UBND tỉnh thu hồi đất hoặc giấy phép khai thác theo pháp luật chuyên ngành.

Hiện đại hóa hạ tầng công nghệ và đẩy mạnh chuyển đổi số là giải pháp then chốt để giảm tải khối lượng công việc và nâng cao độ chính xác của dữ liệu. TMS cần được nâng cấp, tích hợp tính năng tự động lập danh sách đối tượng đến hạn cưỡng chế, hỗ trợ ban hành quyết định hàng loạt bằng chữ ký số, đồng thời tự động tính lại tiền chậm nộp khi có điều chỉnh nợ gốc. Cơ sở dữ liệu liên thông thời gian thực với hệ thống NH phải được thiết lập để cán bộ thuế có thể tra cứu số dư tài khoản kịp thời, ngăn chặn việc DN tẩu tán dòng tiền trước khi lệnh phong tỏa có hiệu lực.

Kiến toàn bộ máy nhân sự và nâng cao trách nhiệm công vụ là điều kiện tiên quyết. Cần cá nhân hóa trách nhiệm, giao chỉ tiêu thu nợ cụ thể đến từng phòng, từng công chức và coi đó là thước đo thi đua khen thưởng. Kiên quyết xử lý kỷ luật những trường hợp thiếu trách nhiệm hoặc thông đồng bao che. Đồng thời, phải tăng cường đào tạo chuyên sâu về phân tích tài chính, kỹ năng đàm phán, xử lý tình huống chống đối từ NNT; đặc biệt chú trọng đào tạo cho công chức thuế về kỹ năng vận hành ứng dụng quản lý thuế trong môi trường số.

3.3. Đề xuất, kiến nghị

3.3.1. Đối với Cục Thuế

Kiến nghị Cục Thuế chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước và các TCTD để xây dựng cơ sở dữ liệu liên thông thời gian thực (real-time data). Hệ thống này cho phép CQT tra cứu số dư tài khoản của NNT ngay tại thời điểm ban hành lệnh phong tỏa, nhằm tránh việc DN có thể lợi dụng để rút tiền, chuyển khoản hoặc tẩu tán dòng tiền trước khi NHTM phong tỏa tài khoản. Đồng thời, cũng cần xây dựng cơ sở dữ liệu liên thông với cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh. Khi đó, các quyết định tạm hoãn hoặc hủy bỏ lệnh xuất cảnh sẽ được thực hiện tức thời trên hệ thống điện tử, bảo đảm quyền lợi hợp pháp của công dân đồng thời tăng tính răn đe đối với các trường hợp cố tình chây ỳ nghĩa vụ thuế.

Về đào tạo và kiến toàn nguồn nhân lực, kiến nghị Cục Thuế thường xuyên tổ chức các đợt tập huấn chuyên sâu, không chỉ dừng ở việc phổ biến văn bản pháp luật mà phải đi vào thực hành xử lý các tình huống nghiệp vụ phức tạp. Ví dụ, việc xử lý

hồ sơ khai bổ sung giảm nợ trong thời gian cưỡng chế hóa đơn đòi hỏi cán bộ phải có kỹ năng phân tích, đối chiếu chứng từ và đánh giá tính hợp pháp của hồ sơ. Do đó, cần xây dựng Sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ chi tiết để cán bộ có thể tham khảo và áp dụng thống nhất. Bên cạnh đào tạo, phải có cơ chế khuyến khích và bảo vệ cán bộ thuế khi thực thi các biện pháp cưỡng chế mạnh, tránh tâm lý e ngại rủi ro pháp lý cá nhân. Việc này có thể thực hiện thông qua quy định rõ ràng về trách nhiệm pháp lý, cơ chế hỗ trợ pháp lý nội bộ, cũng như chính sách khen thưởng đối với những trường hợp xử lý thành công các vụ việc phức tạp.

Để nâng cao hiệu quả QLN thuế, Cục Thuế cần sớm nghiên cứu và điều chỉnh Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác QLN và CCNT theo định hướng rõ ràng, chính xác và dễ hiểu. Bộ tiêu chí này không chỉ là công cụ kỹ thuật mà còn là thước đo đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, đồng thời làm căn cứ bình xét thi đua cho đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp thực hiện công tác QLN.

3.3.2. Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng

Trước hết, cần phát huy vai trò điều hành của Ban Chỉ đạo thu và chống thất thu NSNN. UBND tỉnh nên tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo các cấp. Lãnh đạo UBND tỉnh cần trực tiếp chủ trì các buổi làm việc, đối thoại với DN nợ thuế quy mô lớn, đặc biệt là nhóm nợ trên 100 tỷ đồng, để vừa lắng nghe vướng mắc vừa tạo áp lực buộc DN phải có lộ trình trả nợ cụ thể. Việc ban hành các Chỉ thị chuyên đề hàng năm về tăng cường thu hồi nợ đọng sẽ là cơ sở pháp lý quan trọng để các ngành, các cấp cùng vào cuộc quyết liệt hơn.

Các vướng mắc liên quan đến đất đai và khoáng sản là nhóm nợ chiếm tỷ trọng lớn và phức tạp nhất tại Lâm Đồng, cần Sở NN&MT, Sở Xây dựng, Sở TC khả năng rà soát, xử lý hồ sơ về giải phóng mặt bằng, điều chỉnh quy hoạch và xác định giá đất cụ thể. Đối với những dự án không thể triển khai do nguyên nhân khách quan từ phía cơ quan nhà nước, UBND tỉnh cần có văn bản xác nhận chính thức để CQT có căn cứ tạm dừng tính tiền chậm nộp, tránh phát sinh nợ ảo trên hệ thống.

Kiến toàn cơ chế phối hợp và chia sẻ dữ liệu liên ngành. UBND tỉnh cần chỉ đạo cơ quan Công an tăng cường phối hợp điều tra, xử lý các trường hợp nợ thuế có dấu hiệu tẩu tán tài sản hoặc chủ DN bỏ trốn. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh phải giám sát chặt chẽ việc thực hiện lệnh trích tiền từ tài khoản của các NH thương mại, bảo đảm tính bảo mật và hiệu lực thi hành. Văn phòng Đăng ký đất đai cũng cần thực hiện tra soát nghĩa vụ thuế trước khi giải quyết thủ tục chuyển nhượng, thế chấp tài sản của các đơn vị đang nợ thuế. Đây là các giải pháp mang tính hệ thống, giúp nâng cao hiệu quả quản lý, tăng tính minh bạch và tạo nền tảng cho môi trường tài chính – kinh doanh phát triển bền vững.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Từ việc nghiên cứu phương hướng hoàn thiện pháp luật về quản lý nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện ở Việt Nam thông qua thực tiễn áp dụng tại Thuế tỉnh Lâm Đồng, có thể rút ra một số kết luận sau:

1. Định hướng tổng thể trong việc hoàn thiện thể chế quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế. Việc hoàn thiện pháp luật không chỉ đáp ứng yêu cầu lý luận đã phân tích ở Chương 1 mà còn phải gắn với Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030, Chương trình chuyển đổi số quốc gia và mục tiêu cải cách thủ tục hành chính. Định hướng này nhằm tạo môi trường kinh doanh minh bạch, bình đẳng, đồng thời bảo đảm nguồn thu bền vững cho ngân sách nhà nước.

2. Quy định về phân loại, đơn đốc và quản lý nợ thuế cần được sửa đổi, bổ sung. Cần bổ sung cơ chế khoan nợ và tạm dừng tính phạt chậm nộp đối với các dự án bị đình trệ do lỗi khách quan từ phía cơ quan quản lý nhà nước. Mức phạt chậm nộp cần được điều chỉnh theo hướng lũy tiến hoặc linh hoạt, tiệm cận lãi suất vay thương mại để giảm động cơ chiếm dụng NSNN làm vốn kinh doanh. Quy trình tra soát dữ liệu cần được sửa đổi, kéo dài thời hạn xử lý để xử lý nợ ảo trên hệ thống TMS, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người nộp thuế.

3. Quy định về các biện pháp cưỡng chế nợ thuế cần được sửa đổi, bổ sung đảm bảo tính đồng bộ với pháp luật chuyên ngành. Biện pháp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cần được đồng bộ hóa với Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư, quy định rõ hành vi chây ỳ nợ thuế là căn cứ pháp lý để thu hồi giấy phép. Biện pháp trích/phong tỏa tài khoản cần rút ngắn thời hạn thực hiện xuống tức thời hoặc trong vòng 24 giờ, đồng thời bổ sung chế tài xử phạt nghiêm khắc đối với tổ chức tín dụng không phối hợp. Biện pháp kê biên, bán đấu giá tài sản đã được chuyển cho Ủy ban nhân dân cấp xã để thực hiện, tuy nhiên cần hướng dẫn trình tự, thủ tục, hồ sơ, trách nhiệm của các bên để đảm bảo tính khả thi.

4. Quy định về biện pháp cưỡng chế bổ sung và thủ tục hành chính liên quan cần được sửa đổi, bổ sung. Biện pháp tạm hoãn xuất cảnh cần có quy định rõ ràng về tiêu chí áp dụng đối với chủ sở hữu hưởng lợi thực sự, đồng thời luật hóa ngưỡng nợ tối thiểu cho hộ kinh doanh và cá nhân. Quy trình phối hợp liên ngành cần được số hóa hoàn toàn, cho phép tự động dỡ bỏ lệnh cưỡng chế ngay khi nghĩa vụ tài chính được hoàn thành. Việc liên thông dữ liệu ba bên Ngân hàng – Kho bạc – Cơ quan Thuế cần được đẩy mạnh để giảm chi phí tuân thủ và thời gian khôi phục quyền lợi kinh doanh cho doanh nghiệp.

5. Quy định về giám sát và bảo đảm tuân thủ pháp luật quản lý nợ, cưỡng chế nợ thuế cần được sửa đổi, bổ sung. Cần bổ sung quy chế phối hợp bắt buộc giữa Cơ quan Thuế, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường trong việc cưỡng chế thu hồi đất, mỏ khoáng sản. Trách nhiệm của người đứng đầu chính quyền địa phương cần được quy định rõ trong việc chỉ đạo phối hợp thực hiện cưỡng chế.

6. Nâng cao hiệu quả thực thi tại Thuế tỉnh Lâm Đồng. Đề xuất các giải pháp pháp lý phát huy hiệu quả, cần đồng bộ với việc nâng cao năng lực thực thi tại địa phương. Cụ thể, tăng cường đào tạo chuyên môn cho công chức thuế về quản trị dữ liệu số, luật doanh nghiệp, phá sản và tín dụng; bổ sung nguồn nhân lực để giảm áp lực khối lượng công việc; đầu tư nâng cấp hạ tầng CNTT, trang thiết bị tại các thuế cơ sở; đồng thời xây dựng cơ chế đối thoại thường xuyên với doanh nghiệp nhằm nâng cao ý thức tuân thủ tự nguyện.

PHẦN III: KẾT LUẬN

QLN và CCNT là một trong những chức năng trọng yếu của hệ thống thuế hiện đại, giữ vai trò bảo đảm nguồn thu ngân sách, duy trì kỷ cương tài chính và tạo lập môi trường cạnh tranh công bằng cho DN. Qua nghiên cứu lý luận và khảo sát thực tiễn tại Thuế tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2021–2025, đề án đã đạt được mục tiêu và rút ra những kết luận quan trọng.

Thực trạng cho thấy quy mô và cơ cấu nợ ngày càng phức tạp, đặc biệt tập trung ở nhóm nợ đất đai và khoáng sản vốn kéo dài do vướng mắc thủ tục hành chính, giải phóng mặt bằng và điều chỉnh quy hoạch. Dù đã áp dụng nhiều biện pháp cưỡng chế mạnh, hiệu quả thu hồi đối với các khoản nợ lớn vẫn chưa đạt kỳ vọng. Nguyên nhân chủ yếu nằm ở sự thiếu đồng bộ giữa Luật Quản lý thuế và các luật chuyên ngành, cùng với hạn chế về hạ tầng công nghệ và cơ chế phối hợp liên ngành.

Trên cơ sở định hướng cải cách thuế đến năm 2030, đề án đã đề xuất hệ thống giải pháp đồng bộ từ hoàn thiện hành lang pháp lý bằng việc cụ thể hóa các điểm mới của Luật Quản lý thuế 2025; sửa đổi luật chuyên ngành để gắn hành vi nợ thuế kéo dài với việc thu hồi dự án, đất và giấy phép kinh doanh; chuyển giao chức năng cưỡng chế kê biên tài sản cho cơ quan khác; đồng thời đẩy mạnh chuyển đổi số, hiện đại hóa hệ thống TMS và xây dựng cơ chế chia sẻ dữ liệu thời gian thực với cơ quan phối hợp.

Các giải pháp đề xuất kỳ vọng sẽ giúp Thuế tỉnh Lâm Đồng xử lý dứt điểm nợ đọng, qua đó củng cố nguồn thu ngân sách và thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững của địa phương. Đồng thời, việc triển khai đồng bộ các giải pháp này sẽ góp phần nâng cao niềm tin của DN vào tính minh bạch của hệ thống thuế tại Việt Nam, tạo động lực cho sự tuân thủ tự nguyện của NNT. Đây là bước đi quan trọng để khẳng định vai trò chủ động của ngành Thuế trong tiến trình cải cách hành chính, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam trên trường quốc tế.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. TÀI LIỆU TIẾNG ANH

1. Asian Development Bank - ADB (2024), A Comparative Analysis of Tax Administration in Asia and the Pacific (2022–2024 Edition), ADB Publishing, Manila, Philippines.
2. Annette Chooi (2023), "Mobilizing Revenue: Emerging Approaches to Managing and Collecting Tax Debt to Improve Tax Payment Compliance", The Governance Brief, Issue 49, Asian Development Bank.
3. Irving Aw, Brendan Crowley, Cory Hillier, Rose Nyongesa, Lydia Sofrona, and Christophe Waerzeggers (2025), "Legislating for Fair and Effective Tax Collection", IMF Tax Law Technical Notes, Note 2025/001, International Monetary Fund, Washington, DC.
4. Macmillan Lawyers and Advisors (2026), ATO Tax Debt Resolution Guide and Director Penalty Notice System, Corporate and Tax Law Review, Sydney, Australia.
5. National Tax Agency - NTA (2025), National Tax Agency Annual Report 2025: Operational Efficiency and Bad Debt Collection under KSK System, Tokyo, Japan.
6. OECD (2019), Successful Tax Debt Management: Measuring Maturity and Supporting Change, OECD Publishing, Paris.
7. OECD (2021), Tax Administration 2021: Comparative Information on OECD and Other Advanced and Emerging Economies, OECD Publishing, Paris.
8. OECD (2025), Tax Debt Management Maturity Model: 2025 Edition, OECD Tax Administration Maturity Model Series, OECD Publishing, Paris.
9. Rianmahardhika Sahid Budiharseno & Yeheskiel Minggus Tiranda (2020), "Economic and Legal Implications of Tax Debt Preference on Tax Obligations in Indonesia", Lex Publica Journal, Vol 7, No. 2, pp. 45-58.

10. Shmatov, Y., & Ivanov, A. (2018), "Legal regulation of a bad debt collection in European Union and Russian Federation", *Helix Journal*, Vol. 8, No. 1, pp. 2405-2411.

B. TÀI LIỆU TIẾNG VIỆT

11. Bộ Nông nghiệp và Môi trường (2026), Công văn số 724/BNMT-ĐCKS ngày 22/01/2026 về việc đánh giá mức độ ảnh hưởng đến khoáng sản trong phạm vi dự án nhà máy điện mặt trời Hồng Phong 5.2.

12. Cục Thuế tỉnh Bình Thuận (2022), Báo cáo số 905/CTBTH-QLN ngày 26/01/2022 về Tổng kết công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế năm 2021, Phan Thiết.

13. Cục Thuế tỉnh Bình Thuận (2023), Báo cáo số 1333/CTBTH-QLN ngày 27/2/2023 về Tổng kết công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế năm 2022, Phan Thiết.

14. Cục Thuế tỉnh Bình Thuận (2024), Báo cáo số 478/CTBTH-QLN ngày 19/1/2024 về Tổng kết công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế năm 2023, Phan Thiết.

15. Cục Thuế tỉnh Bình Thuận (2025), Báo cáo số 724/BC-CTBTH ngày 23/1/2025 về Tổng kết công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế năm 2024, Phan Thiết.

16. Thuế tỉnh Lâm Đồng (2026), Báo cáo số 762/BC-LDO ngày 28/1/2026 về Tổng kết công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế năm 2025 (tổng hợp 3 tỉnh cũ: Lâm Đồng, Bình Thuận và Đắk Nông), Đà Lạt.

17. Cục Thuế (2025), Công văn số 971/CT-NVT ngày 29/04/2025 về tăng cường công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế.

18. Cục Thuế (2025), Công văn số 1851/CT-NVT ngày 18/06/2025 về thực hiện quyết liệt việc công khai danh tính người nộp thuế chây ỳ nợ thuế.

19. Cục Thuế (2025), Thông báo số 807/TB-CT ngày 09/10/2025 về kết luận sau hội nghị chuyên đề công tác quản lý nợ thuế.

20. Cục Thuế (2025), Quy chế phối hợp số 01/QCPH-CT-QLXNC ngày 12/05/2025 với cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh về trao đổi thông tin tạm hoãn xuất cảnh.

21. Cục Thuế (2026), Công văn số 219/CT-CS ngày 14/01/2026 về hướng dẫn vướng mắc quản lý thuế đối với việc hủy bỏ hợp đồng bất động sản.

22. Thái Lê Khánh Dương (2020), Hoàn thiện công tác quản lý nợ thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục Thuế quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Kinh tế – Đại học Đà Nẵng.

23. Nguyễn Thị Bích Duyên (2025), Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nợ thuế đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, Đề án tốt nghiệp thạc sĩ, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

24. Nguyễn Thị Thanh Huyền (2023), Hoàn thiện hoạt động quản lý nợ thuế tại Tổng cục Thuế, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội.

25. Kiểm toán Nhà nước khu vực XII (2025), Thông báo số 85/TB-KV XII ngày 23/09/2025 về kết quả kiểm toán tại Cục Thuế tỉnh Bình Thuận (cũ).

26. Lâm Quang Lợi (2014), Hoàn thiện công tác quản lý nợ thuế tại Chi cục Thuế thành phố Hà Giang, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh – Đại học Thái Nguyên.

27. Phan Thị Kim Oanh (2022), "Giải pháp nâng cao hiệu quả pháp luật về cưỡng chế nợ thuế tại Việt Nam", Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, số 14 (462), tr. 35-42.

28. Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng (2023), Công văn số 2888/KHĐT-ĐKKD ngày 15/12/2023 về việc phản hồi đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

29. Sở Xây dựng tỉnh Bình Thuận (2023), Công văn số 962/SXD-QLN&PTĐT ngày 14/04/2023 về xác định điều kiện giao dịch bất động sản tại dự án Tổ hợp du lịch.

30. Thanh tra Chính phủ (2023), Kết luận thanh tra số 1027/KL-TTTP ngày 28/04/2023 về việc chấp hành chính sách pháp luật trong quản lý, sử dụng đất đai và đầu tư xây dựng tại địa phương.

31. Thuế tỉnh Lâm Đồng (2023), Quy chế phối hợp số 288/QCPH-CA-TLDO ngày 15/11/2023 giữa Cơ quan Công an và Thuế tỉnh về điều tra, xử lý các trường hợp cố ý tẩu tán tài sản, bỏ trốn mang theo nợ thuế.

32. Thuế tỉnh Lâm Đồng (2025), Công văn số 1015/CCTKV15-NVDTPC ngày 27/05/2025 về việc giao chỉ tiêu tổng số tiền thuế nợ và quy trình đơn đốc xử lý nợ đọng.

33. Cục Thuế (2025), Quyết định số 3736/QĐ-CT và Quyết định số 3737/QĐ-CT ngày 31/12/2025 quy định chức năng, nhiệm vụ của các Phòng, Thuế cơ sở theo mô hình quản lý mới.

34. Thuế tỉnh Lâm Đồng (2025), Thông báo số 3883/TB-LDO ngày 17/11/2025 về kết luận sau hội nghị kiểm đếm chuyên đề công tác thu nợ thuế, Đà Lạt.

35. Thuế tỉnh Lâm Đồng (2025), Hồ sơ theo dõi cưỡng chế và ban hành quyết định hành chính đối với nhóm doanh nghiệp nợ lớn: Công ty TNHH Thép XX, Công ty TNHH Đầu tư XX, Công ty CP Đầu tư Phát triển XX, Công ty CP năng lượng XX, Công ty Cổ phần Xây dựng XX, Công ty TNHH XX.

36. Trần Việt Tuấn (2021), Hoàn thiện công tác quản lý nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế ở Việt Nam trong điều kiện hiện nay, Luận án tiến sĩ Kinh tế, Viện Chiến lược và Chính sách tài chính, Bộ Tài chính, Hà Nội.

37. Bùi Pháp Uyên (2017), Quản lý nợ thuế tại Cục Thuế Hà Nội, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Kinh tế – Đại học Quốc gia Hà Nội.

38. Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng (2023), Kế hoạch số 4521/KH-BCĐ ngày 20/11/2023 về hoạt động của Ban Chỉ đạo thu và chống thất thu ngân sách nhà nước Quốc hội.

C. VĂN BẢN PHÁP LUẬT

39. Quốc hội (2013), Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

40. Quốc hội (2015), Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13.
41. Quốc hội (2020), Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.
42. Quốc hội (2020), Luật Đầu tư số 61/2020/QH14.
43. Quốc hội (2024), Luật Đất đai số 31/2024/QH15.
44. Quốc hội (2024), Luật Địa chất và Khoáng sản số 76/2024/QH15.
45. Quốc hội (2024), Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế.
46. Quốc hội (2019), Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14.
47. Quốc hội (2025), Luật Đầu tư số 147/2025/QH15 (Luật Đầu tư sửa đổi năm 2025).
48. Quốc hội (2025), Luật Phục hồi và Phá sản doanh nghiệp số 151/2025/QH15.
49. Quốc hội (2025), Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 (Luật Quản lý thuế sửa đổi có hiệu lực từ 01/07/2026).
50. Quốc hội (2019), Nghị quyết số 94/2019/QH14 về khoan nợ tiền thuế, xóa nợ tiền chậm nộp, tiền phạt chậm nộp đối với người nộp thuế không còn khả năng nộp ngân sách nhà nước.
51. Quốc hội (2025), Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/06/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh đối với tỉnh Đắk Nông, tỉnh Bình Thuận và tỉnh Lâm Đồng.
52. Chính phủ (2020), Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn.
53. Chính phủ (2020), Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế.
54. Chính phủ (2022), Nghị định số 91/2022/NĐ-CP ngày 30/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế.
55. Chính phủ (2024), Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/07/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

56. Chính phủ (2024), Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/07/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

57. Chính phủ (2025), Nghị định số 49/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 quy định chi tiết về ngưỡng nợ thuế và thủ tục áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh.

58. Chính phủ (2025), Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 quy định chi tiết về cơ chế nhận diện chủ sở hữu hưởng lợi thực sự của doanh nghiệp.

59. Chính phủ (2025), Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/07/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản.

60. Chính phủ (2026), Nghị định số 16/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 quy định về tổ chức bộ máy và quản lý thuế trên địa bàn sáp nhập đơn vị hành chính.

61. Chính phủ (2024), Nghị quyết số 233/NQ-CP ngày 10/12/2024 về tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án năng lượng tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia.

62. Chính phủ (2025), Nghị quyết số 259/NQ-CP ngày 29/08/2025 về việc trình Quốc hội xin ý kiến xử lý số nợ tiền thuê đất của các đơn vị sự nghiệp công lập.

63. Thủ tướng Chính phủ (2022), Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/04/2022 phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030.

64. Thủ tướng Chính phủ (2023), Quyết định số 1277/QĐ-TTg ngày 01/11/2023 phê duyệt khu vực dự trữ khoáng sản titan sa khoáng quốc gia.

65. Bộ Tài chính (2018), Quyết định số 1836/QĐ-BTC ngày 08/10/2018 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thuế trực thuộc Tổng cục Thuế.

66. Bộ Tài chính (2021), Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/09/2021 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

67. Bộ Tài chính (2025), Quyết định số 381/QĐ-BTC ngày 26/02/2025 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thuế (được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 2229/QĐ-BTC ngày 30/06/2025).

68. Tổng cục Thuế (2019), Quyết định số 211/QĐ-TCT ngày 12/03/2019 quy định cơ cấu tổ chức bộ máy các Phòng chức năng thuộc Cục Thuế.

69. Tổng cục Thuế (2022), Quyết định số 1129/QĐ-TCT ngày 20/07/2022 về việc ban hành Quy trình Quản lý nợ thuế.

70. Tổng cục Thuế (2022), Quyết định số 1795/QĐ-TCT ngày 11/11/2022 về việc ban hành Quy trình Cường chế tiền thuế nợ.

71. Tổng cục Thuế (2024), Quyết định số 1005/QĐ-TCT ngày 30/07/2024 về ban hành hệ thống chỉ số đánh giá hiệu quả hoạt động quản lý thuế đến năm 2030.

D. WEBSITE

72. www.gdt.gov.vn

73. www.binhthuan.gdt.gov.vn

74. www.lamdong.gdt.gov.vn

75. www.Tapchitaichinh.vn

76. www.thuvienphapluat.vn

PHỤ LỤC

1. Báo cáo công tác quản lý nợ và cường chế nợ thuế năm 2021



BC CT QLN 2021.pdf

2. Báo cáo công tác quản lý nợ và cường chế nợ thuế năm 2022



BC CT QLN 2022.pdf

3. Báo cáo công tác quản lý nợ và cường chế nợ thuế năm 2023



BC CT QLN 2023.pdf

4. Báo cáo công tác quản lý nợ và cường chế nợ thuế năm 2024



BC CT QLN 2024.pdf

5. Báo cáo công tác quản lý nợ và cường chế nợ thuế năm 2025



BC CT QLN 2025.pdf